

VỮNG BƯỚC TIÊN PHONG
TƯƠNG LAI ĐỘT PHÁ

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
ANNUAL SHAREHOLDERS'
MEETING

2017

MỤC LỤC

Table of content

Tổng quan về Tập Đoàn Tân Tạo <i>Overview of Tan Tao Group</i>	22	Các sự kiện nổi bật năm 2016 của Tập đoàn <i>Tan Tao Group's Top Events in 2016</i>	06
Báo cáo tình hình quản trị công ty <i>Administration Report Of Itaco</i>	42	Những cột mốc quan trọng của tập đoàn tân tạo <i>key milestones of tan tao group</i>	26
Báo cáo của Ban Kiểm soát <i>Supervisory Board Report</i>	74	Báo cáo tổng kết năm 2016 & kế hoạch 2017 <i>Summary report of 2016 and plan for 2017</i>	62
Báo cáo kiểm toán của E&Y <i>Audit Report by E&Y</i>	80	Dự thảo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 <i>Draft of resolution of annual general shareholders meeting 2017</i>	204



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRWOMAN OF THE BOARD OF MANAGEMENT





HOA TRANG NGUYEN

LỄ TRAO GIẢI HOA KHU U

KHU U

HOA TRANG NGUYEN TH

TH

LỄ TỐT NGHIỆP VÀ KHAI GI

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TẬP ĐOÀN TÂN TẠO NĂM 2016

TOP EVENTS OF TAN TAO GROUP IN 2016

TRẠNG NGUYỄN 2016

phía Nam

AWARDS CEREMONY 2016

THE SOUTH

ẢNH NĂM HỌC MỚI 2016 - 2017

CEREMONY ACADEMIC 2016 - 2017



01

Tadico đẩy mạnh thu hút nhà đầu tư vào KCN Tân Đức.
Tadico strongly attracted investments into Tan Duc IP



Tiếp tục là đơn vị dẫn đầu về phát triển KCN về quy mô và chất lượng của tỉnh Long An. Với phương án kinh doanh linh hoạt cùng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ và thu hút nhà đầu tư. Khu Công nghiệp Tân Đức – Do Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức (Tadico) là chủ đầu tư đã hoàn thành chỉ tiêu lấp đầy 300.000m² Nhà xưởng đã tạo đà đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư vào KCN Tân Đức.

Tadico is still a leading industrial park developer in Long An Province. With flexible business plan

as well as preferential investment policies, Tan Duc Industrial Park developed by Tan Duc Investment Corporation (Tadico) – completed the set target of leasing 300,000 m² of factories, which has created an impetus for attracting investors to Tan Duc IP.

Khu Công Nghiệp Tân Đức, quy mô diện tích 535ha (giai đoạn 1 và giai đoạn 2) tại Huyện Đức Hòa đã được xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng phục vụ cho các nhà đầu tư xây dựng nhà máy đi vào sản xuất. Tính đến cuối tháng 12/2016, Khu công nghiệp Tân Đức đã thu hút đầu tư 136 doanh nghiệp (86 DN trong nước và 50 DN nước ngoài) thuê 156,8 ha với tổng vốn đầu tư tính đến thời điểm báo cáo là 4.086,64 tỷ đồng đối với đầu tư trong nước và khoảng 193.950.461 USD đối với đầu tư nước ngoài. Cho đến nay KCN Tân Đức đã có 126 doanh nghiệp đi vào hoạt động và giải quyết việc làm cho 20.000 lao động địa phương.

Tan Duc Industrial Park, with a total area of 535 ha (Phase 1 and Phase 2), located in Duc Hoa District, has been completed with comprehensive infrastructure for investors to build factories for production. Until late December 2016, Tan Duc IP attracted 136 investors (including 86 domestic investors and 50 foreign investors) who rented 156,8 ha with a total capital of VND 4,086.54 billion of domestic investments and USD 193,950,461 of foreign investments. To date, Tan Duc IP has had 126 operating companies which have created 20,000 jobs for local people.

02

Tadico Ký hợp đồng với Công ty Trillion (2/2016) *Tadico signed a Land Lease Agreement with Trillion Corp (Feb 2016)*

Ngày 15-02-2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức (Tadico) ký kết hợp đồng cho Tập đoàn Trillions thuê đất xây dựng nhà máy dệt đầu với diện tích 56.717,7m² với tổng vốn đầu tư đăng ký là 13 triệu USD. Công ty Trillions Enterprise là doanh nghiệp mới thành lập từ công ty Allsum Internation (Brunei Darussalam) và Cosmos (Hoa Kỳ-<http://www.cosmofabric.net>). Đây là các tập đoàn sản xuất và cung cấp dịch vụ đa ngành, và có thế mạnh trong ngành Dệt nhuộm áp dụng kỹ thuật cao cho thị trường cao cấp như Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Á. Sản phẩm đang được cung cấp cho một số khách hàng có thương hiệu nổi tiếng có yêu cầu khắt khe như Timberland, Adidas, Nike, Puma, Victoria Secret..... Bên cạnh đó về bảo vệ môi trường, phía Trillions cam kết xây dựng nhà máy xử lý chất thải độc lập, đảm bảo nguồn nước đầu ra sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại A. Khi hoàn thành đi vào hoạt động, dự án Nhà máy Trillions sẽ tạo việc làm cho hơn 1000 cầu lao động.

On 15 Feb. 2016, Tan Duc Investment Corporation (Tadico) signed a Land Lease Agreement with Trillions Corp for its first factory with a total area of 56,717.7 m² and a total registered capital of USD 13 million. Trillions Enterprise Corp is a new joint venture between Allsum Internation (Brunei Darussalam) and Cosmos (US - <http://www.cosmofabric.net>). The two conglomerates are multi-sector companies in production and service supply with the strength in the field of high-tech textile and dyeing industry for high standard markets such as Europe, the US and Asia. Its products are supplied to the producers with famous brands and high standards such as Timberland, Adidas, Nike, Puma, Victoria Secret... Regarding environment protection, Trillions is committed to building an independent wastewater treatment factory to ensure that the effluent water shall meet the quality standard A. Upon operation, the Trillions's factory will create more than 1000 jobs.

03

Bệnh Viện Tân Tạo phối hợp Khoa Y TTU khám chữa bệnh miễn phí cho gần 3.000 người dân (6/2016) *Tan Tao Hospital coordinated with TTU's School of Medicine to offer free health examination and treatment to nearly 3000 people (June 2016)*

Ngày 23/6/2016 Bệnh viện Tân Tạo kết hợp khoa Y Đại học Tân Tạo và gần 100 Y bác sĩ từ Hoa Kỳ đã tổ chức chương trình "6 NGÀY KHÁM CHỮA BỆNH, PHÁT THUỐC MIỄN PHÍ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN TẠO" cho người dân huyện Đức Hòa, đồng thời dành tặng nhiều món quà ý nghĩa và thiết thực cho bà con khi đến tham gia khám chữa bệnh.

On 23 June, 2016, Tan Tao Hospital coordinated with the School of Medicine of Tan Tao University and nearly 100 American held the "6 days of free health examination, treatment and medicine at Tan Tao Hospital" program for local people in Duc Hoa District, and presented meaningful and necessary gifts to the people participating in the program.

Trong suốt 6 ngày hoạt động khám chữa bệnh miễn phí, bệnh viện đã tiếp nhận 3.000 bệnh nhân đến khám chữa bệnh. Cùng với đội ngũ y bác sĩ chuyên khoa có nhiều kinh nghiệm, tận tâm tận tình, và các trang thiết bị hiện đại tại bệnh viện, người dân Đức Hòa đã được chăm sóc sức khỏe một cách tốt nhất



mà không phải trả bất kì chi phí nào. Bên cạnh việc được chuẩn đoán bệnh, phát thuốc miễn phí, tất cả người dân khi tham gia chương trình đều được tặng một phần quà bao gồm: kính râm chống nắng, kính đọc sách, kính cận, dầu ăn, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, sữa...trẻ em được tặng thêm xe đẩy, sữa bột, thú nhồi bông... người cao tuổi được tặng thêm dầu gió xanh, gậy chống, xe lăn, xe lắc...

During the six days of free examination and treatment, the hospital received 3,000 patients. With experienced and dedicated doctors and modern medical equipment at the hospital, local people in Duc Hoa District were provided free health examination and treatment. Besides, all participants were given gifts including: sun glasses, reading glasses, cooking oil, toothpaste, toothbrush, milk... children were given strollers, milk, stuffed toys... aged people were given heat rubs, walking-sticks, wheelchairs...

Chưa dừng lại tại đó, sau chương trình, bệnh viện Tân Tạo còn liên kết với một số bệnh viện lớn tại TP.HCM để đưa hơn 200 người dân Đức Hòa đi mổ mắt và tất cả các trẻ em hở hàm ếch tại Đức Hòa được phẫu thuật, tất cả đều được bệnh viện tài trợ và người dân không phải mất một khoảng chi phí nào.

Moreover, after the program, Tan Tao hospital also in coordination with some large hospitals in HCMC offered free eye surgeries for over 200 patients and free cleft surgeries for all children in Duc Hoa District. All surgery costs were paid by the hospital.

Sau chương trình, bệnh viện Tân Tạo còn nhận làm thẻ bảo hiểm Y Tế miễn phí cho người dân nghèo tại Đức Hòa chưa có BHYT, hỗ trợ giảm tiền khám chữa bệnh cho người dân có BHYT đi trái tuyến....

After the program, Tan Tao hospital also offered free health insurance cards for poor people in Duc Hoa without health insurance, providing discount health care for people in the different geographical area of coverage....

04

Taserco - Hậu phương lớn cho các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động tại khu công nghiệp
Taserco – A Full Service Provider for Investors In the Industrial Parks

Công ty TNHH Khai thác Dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo (Taserco) – đi vào hoạt động từ năm 2001 với nhiệm vụ là hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại khu công nghiệp Tân Tạo và KCN Tân Đức.

Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Limited Liability Company (Taserco) – established in 2001 in the sector of trade, service supplying for businesses, investors in Tan Tao Industrial Park and Tan Duc Industrial Park.



Đến nay, Taserco đã có 17 năm kinh nghiệm quản lý về cây xanh và CSHT tại KCN Tân Tạo, Quần thể KCN – Dịch vụ và Đô thị Ecity Tân Đức và Đại học Tân Tạo. Hầu hết các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Tân Đức đều hài lòng về những dịch vụ môi trường, cảnh quan và cây xanh do Taserco cung cấp cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các doanh nghiệp nước ngoài đến từ Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... Không những thế, cảnh quan tại Khu công nghiệp Tân Tạo và KCN Tân Đức còn khiến không ít các đoàn doanh nghiệp đến tìm hiểu môi trường đầu tư ngạc nhiên và ấn tượng sâu sắc. Trong đó, đáng chú ý nhất là gần đây, khi dẫn đoàn doanh nghiệp Nhật Bản đến thăm và tìm cơ hội đầu tư, ông Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản đã thốt lên rằng “Khu công nghiệp Tân Đức xứng đáng là khu công nghiệp đạt tiêu chí Xanh hàng đầu trên thế giới”

Until now, Taserco has 17 years of experiences in management of green area and infrastructure of Tan Tao IP, Tan Duc IP and Ecity Complex and Tan Tao University. Almost all businesses in Tan Duc Industrial Park satisfy with environment services, landscape and green areas provided by Taserco, especially foreign businesses from the US, Europe, Japan, South Korea... Moreover, landscape of Tan Tao IP and Tan Duc IP makes businesses who visit the IPs surprise and deeply impressed. Significantly, during the recent visit of Japanese businesses, Chair of Japanese Business Association had to say: “Tan Duc Industrial Park is worth to be the leading green industrial park of the world.”

Trong thời gian gần đây, khi mà vấn nạn “thực phẩm bẩn” đang hoành hành tại các khu công nghiệp và dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp cho công nhân đang rất đáng báo động với liên tiếp các vụ ngộ độc xảy ra thì Taserco đang chiếm trọn niềm tin của các doanh nghiệp đang hoạt động tại Khu công nghiệp Tân Đức với các dịch vụ của mình, nhất là dịch vụ cung cấp các suất ăn công nghiệp bằng gạo sạch Ita Rice do chính Tập đoàn Tân Tạo sản xuất theo tiêu chuẩn Global Gap. Bằng chứng là, trong năm 2015, Taserco cung cấp hơn 550 nghìn suất ăn công nghiệp cho các doanh nghiệp thì đến năm 2016 con số này đã tăng lên rất nhiều với tổng số hơn 720 nghìn suất ăn...

Recently, in the situation that the “unsecured foods” problem is rife in industrial parks and the meal providing service is alert with a lot of poisonings, Taserco still keep the belief of businesses in Tan Duc Industrial Park with its services, especially its industrial meal providing service with organic rice Ita Rice produced by Tan Tao Group under Global Gap Standard. This belief is proven by the fact that in 2015, while Taserco provided 550 thousand industrial meals to businesses, in 2016 this number increased a lot and reached over 720 thousands meals...

Không chỉ cung cấp các suất ăn công nghiệp, Taserco còn cung cấp dịch vụ trọn gói cho doanh nghiệp có nhu cầu tổ chức các sự kiện, hội nghị khách hàng, gặp mặt người lao động, tiệc cưới cho công nhân... tại Nhà hàng Tân Đức với diện tích khuôn viên trên 6.000m². Ngoài ra, các doanh nghiệp có nhu cầu có thể đến CANARY CLUB, nơi được xem là Trung tâm hội nghị, sự kiện lớn và sang trọng bậc nhất Khu đô thị E.City Tân Đức. Với khuôn viên rộng rãi, sảnh lớn có khả năng phục vụ khoảng 1.000 người, CANARY CLUB là nơi thường xuyên tổ chức các sự kiện lớn như: Hội nghị, hội thảo, các chương trình biểu diễn nghệ thuật,...

Not only providing industrial meals, Taserco also provides full-service to businesses who need to organize events, customer conferences, labors meeting, wedding parties for workers... in Tan Duc Restaurant with the area of over 6,000 m². Moreover, businesses can also rent CANARY CLUB, as known as the top luxurious Convention Center of Tan Duc E.City with large area, spacious hall that can welcome around 1,000 persons, to organize their events such as: conference, workshop, performance...

Thực tế hiện nay, không ít các khu công nghiệp được mở ra chỉ quan tâm đến lợi nhuận kinh doanh thông qua thu hút được nhiều doanh nghiệp đến triển khai dự án mà ít coi trọng đến vấn đề môi trường, suất ăn sạch cho công nhân, dịch vụ cho doanh nghiệp và nhất là góp phần cải thiện chất lượng sống cho người lao động, phát triển cộng đồng địa phương... Trong bối cảnh ấy, những đóng góp thầm lặng nhưng có giá trị to lớn, thiết thực của Công ty Taserco với các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Tân Đức là rất đáng trân trọng. Thiết nghĩ, đây cũng là mô hình cần được nhân rộng trong việc đầu tư, phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế trong cả nước.

Actually, there is a reality that a lot industrial parks are established for only the purpose of profit by attracting businesses to implement projects but they are not interested in the problems of environment, organic meals for workers, services for businesses and the contribution to improvement of life quality of labors, development of community and the province... In this situation, silent but significant contributions of Taserco to businesses in Tan Duc Industrial Park are valuable. This model needs to be outspread in the investment and development of industrials parks of the whole country.

05

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (Itaco) được vinh danh “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển và Thương hiệu uy tín 2016”
Tan Tao Investment and Industry Corporation (Itaco) honored as the Enterprise of Intergration and Growth and the Trusted Brand for 2016”

Chương trình vinh danh “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển” năm 2016 do Tạp chí Cộng sản phối hợp với Bộ Công Thương, Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế tổ chức bình chọn. Đây là chương trình có ý nghĩa thiết thực trong việc cổ vũ, nhân rộng các mô hình doanh nghiệp tiêu biểu, đạt đẳng cấp cạnh tranh quốc tế, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đẩy mạnh sản xuất, phát triển, mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu ra thị trường thế giới...

The Enterprise of Intergration and Growth for 2016 held by the Communist Magazine in coordination with the

Ministry of Industry and Trade and the Interdisciplinary Steering Committee of international economic intergration. It played an important role in encouraging and promoting typical enterprise models meeting international competitiveness, enhancing product and service quality, promoting the production, expanding the domestic market and international export market...



Các doanh nghiệp được bình chọn, vinh danh phải đạt được 4 tiêu chí (theo hệ thống thang điểm chi tiết) gồm: Công nghệ, môi trường và quản lý chất lượng sản phẩm; Năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp; Xây dựng phát triển thương hiệu doanh nghiệp; Văn hóa doanh nghiệp.

The selected enterprises had to meet four standards (according to the detailed grading system), including: Technology, environment and product quality management; Product and service competitiveness; Branding building and development; Business culture.

Khu Công Nghiệp Tân Tạo tọa lạc phía Tây Nam của TP. Hồ Chí Minh, với vị trí này Khu công nghiệp Tân Tạo là địa điểm đầu mối quan trọng cho việc phát triển kinh tế và giao thông của khu vực và các Tỉnh miền Tây, đồng thời là hạt nhân để Thành phố phát triển một Trung tâm Công nghiệp và Thương mại. Tính đến cuối tháng 12/2016, tức 20 năm hình thành và phát triển, KCN Tân Tạo đã thu hút được 269 nhà đầu tư, 244 nhà máy hoạt động, trong đó có 37 nhà đầu tư nước ngoài. Tổng vốn đầu tư trong nước đã đăng ký 12.047,88 tỷ VNĐ và tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký 125,8 triệu USD, tạo việc làm cho khoảng 24.729 lao động thường xuyên.

Tan Tao Industrial Park is located in the Southwest area of Hochiminh City, with this location, Tan Tao Industrial Park is the important connection point for the development of economy and transportation of the region and the western provinces. Until the end of December, 2016, after 20 years of establishment and development, Tan Tao IP has attracted 269 investors, 244 operational factories, in which 37 have been invested by foreign investors. The total registered domestic investment capital has reached VND 12,047.88 billion and the total registered foreign investment capital has been USD 125.8 million. The IP has created 24,729 jobs.

Itaco là một trong những doanh nghiệp tiêu biểu được bình chọn, vinh danh "Doanh nghiệp hội nhập và phát triển" năm 2016. Trưởng thành và phát triển từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo được thành lập năm 1996, đến nay, Tập đoàn Tân Tạo đã vươn tầm thành doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, hoạt động ở nhiều lĩnh vực, nằm trong Top đầu những doanh nghiệp phát triển hạ tầng và khu công nghiệp tại Việt Nam.

ITACO is one of the typical businesses awarded the "Enterprise of Intergration and Growth" for 2016. Originally established as Tan Tao Investment and Industry Corporation in 1996, Tan Tao Group has become multi-sector conglomerate operating in various fields and a leading industrial park infrastructure developer in Vietnam.

06

Đại học Tân Tạo (TTU) khánh thành tòa nhà Khoa Kỹ Thuật và Đặt tên 02 tòa Gillis Hall và Levy Hall
Tan Tao University (TTU) held the inauguration of the School of Engineering Buildings named as Gillis Hall and Levy Hall

Để đi vào hoạt động và phát triển bền vững, Đại học Tân Tạo đã được rất nhiều sự giúp đỡ, cố vấn của Giáo sư Malcolm Gillis và Giáo sư Eugene H. Levy. Với kinh nghiệm và uy tín lớn của mình, các Giáo sư đã cùng bà Đặng Thị Hoàng Yến trở thành những nhà sáng lập chủ chốt, tích cực đóng góp cho sự phát triển của TTU trở thành một trường đại học phi lợi nhuận theo mô hình giáo dục của Hoa Kỳ. GS. Gillis và GS. Levy cùng Bà Đặng Thị Hoàng Yến và các thành viên sáng lập khác của TTU đã đóng góp cho nền giáo dục Việt Nam, không những góp phần đổi mới hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam, mà còn đã và đang chấp cánh ước mơ cho thế hệ trẻ tài năng Việt Nam mong muốn được hội nhập quốc tế. Ghi nhớ sự đóng góp lớn lao của Giáo sư Malcolm Ghillis và Giáo sư Eugene H. Levy, Trường Đại học Tân Tạo đã đặt tên 2 giáo sư cho 2 tòa nhà đầu tiên của trường.



In order to go into operation and develop sustainably, Tan Tao University has received much help and assistance from Prof. Malcolm Gillis and Prof. Eugene H. Levy. With their great experience and prestige, Professors together with Mme. Dang Thi Hoang Yen have become the key founders, actively contributing to the development of TTU in the model of American liberal arts education. Prof. Gillis, Prof. Levy, Mme. Dang Thi Hoang Yen and other founding members of TTU have contributed to the Vietnamese education system with the renovation of Vietnam's higher education system and make dreams a reality for young talented Vietnamese people eager to join international integration. In recognition of significant contributions of Prof. Malcolm Ghillis and Prof. Eugene H. Levy, Tan Tao University named its first two buildings after two Professors.

Đến tham dự buổi Lễ khánh thành và đặt tên có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng sáng lập ĐH Tân Tạo: Giáo sư Eugene H. Levy – Chủ tịch Hội đồng học thuật TTU, cựu Hiệu trưởng ĐH Rice,



Texas , Hoa Kỳ; bà Elizabeth Gillis – Phu nhân Giáo sư Malcolm Gillis, Ngài Michael W. Michalak – Thành viên Hội đồng TTU, Đại sứ Hoa kỳ tại Việt Nam (Nhiệm kỳ: 2007-2011).

The inauguration and naming ceremony had the attendance of founding members of Tan Tao University: Prof. Eugene H. Levy - Chair of TTU's Academic Committee, former Provost of Rice University, Texas, USA; Mrs. Elizabeth Gillis – wife of Prof. Malcolm Gillis, Mr. Michael W. Michalak - Member of the TTU's

Board of Trustees, former Ambassador of the United States to Vietnam (2007-2011).

Giáo sư Malcolm Gillis giữ chức vụ Chủ tịch Đại học Rice, Houston, Texas từ năm 1993 đến 2004, ông là người đồng sáng lập trường Đại học Jacobs Bremen – Đại học tư thục đầu tiên ở Đức được thành lập vào năm 2001. Chỉ sau 10 năm thành lập, đại học Jacobs Bremen đã trở thành một trường đại học nổi tiếng với khoảng 1.700 sinh viên theo học. Trong suốt nhiệm kỳ của mình tại Đại học Rice, giáo sư Gillis đã hỗ trợ thành lập nhiều trường đại học tư thục khác ở Libya, Syria và tại Bắc Triều Tiên ông giữ chức vụ đồng Chủ tịch của Đại học Khoa học và Công nghệ Bình Nhưỡng. Tại Việt Nam ông từng giữ chức vụ Chủ tịch quỹ giáo dục Việt Nam (VEF) – Một tổ chức của Chính phủ Hoa Kỳ do Thượng nghị sĩ John McCain sáng lập.

Prof. Malcolm Gillis served as President of Rice University in Houston, Texas, United States from 1993 to 2004, the founding board member of Jacob University Bremen - the first private university in Germany founded in 2001. after the first 10 years, Jacobs University has developed to become a famous university with 1,700 students. During his tenure at Rice University, Prof. Gillis provided support to the establishment of many other private universities in Libya, Syria and North Korea where he served as co-president of the Pyongyang University of Science and Technology. In Vietnam, he served as Chairman of Vietnam Education Foundation (VEF), which is an US government's agency founded by Sen. John McCain..

GS Gillis chia sẻ tầm nhìn do bà Đặng Thị Hoàng Yến khởi xướng: Xây dựng một ngôi trường đại học phi lợi nhuận theo mô hình của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Từ năm 2006, ông đã dành nhiều thời gian và tâm huyết để hoàn thành vai trò là chủ tịch Hội đồng sáng lập Đại học Tân Tạo (TTU) cùng với GS. Eugene H. Levy – Giáo sư vật lý thiên văn, nguyên Hiệu trưởng Đại học Rice và TS. Charles Henry – Chủ tịch Hội đồng thư viện và Tài nguyên Thông tin tại New York, Hoa Kỳ. Với kinh nghiệm và uy tín lớn của mình, ông đã cùng bà Đặng Thị Hoàng Yến trở thành những nhà sáng lập chủ chốt, tích cực đóng góp cho sự phát triển của TTU trở thành một trường đại học phi lợi nhuận theo mô hình giáo dục của Hoa Kỳ.

rof. Gillis is engaged in the vision initiated by Mme. Dang Thi Hoang Yen to develop a non-profit private university in the US university model in Vietnam. Since 2006, he has devoted much time and effort to serve as Chair of the Founding Board of Tan Tao University (TTU) together with Prof. Eugene H. Levy, astrophysics professor and former Provost of Rice University and Dr. Charles Henry, President of the Council on Library and Information Resources in New York, United States. With his great experience and reputation, Prof. Gillis and Mme. Dang Thi Hoang Yen have become the founders of Tan Tao University with active and significant contribution to the development of Tan Tao University in the model of non-profit US-style university.

07

ITACO hướng về đồng bào miền Trung (tháng 11/2016)
ITACO helped flood victims in the Central region (November 2016)

Ngày 11-13/11, đại diện Ban lãnh đạo Tập đoàn Tân Tạo (ITACO) phối hợp cùng CLB Doanh Nhân Sài Gòn tổ chức chuyến hành trình về với đồng bào vùng lũ miền Trung nhằm động viên, thăm hỏi và hỗ trợ thiệt hại do lũ lụt gây ra.

On November 11-13, representatives of ITACO (ITA Group) in cooperation with Sai Gon Entrepreneur Club held a trip to the Central region to provide assistance and relief to the flood-affected victims in the Central region.



Đồng cảm trước những khó khăn của bà con miền Trung, với tấm lòng “Tương thân tương trợ - Lá lành đùm lá rách”, BLĐ ITACO đã vận động tập thể cán bộ - CNV Tập đoàn ủng hộ 1 ngày lương để hỗ trợ cho bà con nghèo vùng lũ tại Nghệ An và Quảng Bình.

Tại Nghệ An: Đoàn đến Trung tâm Y tế Xã Hưng Trung để khám sức khỏe cho 300 người dân và tặng quà cho 200 học sinh cấp 1 Trường Nguyễn Trường Tộ xã Hưng Trung, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

Sharing the difficulties of people in the Central region, with the spirit of “Mutual support - Whole leaves wrap torn leaves”, ITACO’s staff and employees donated a day’s salary to help poor people in the flooded areas in Nghe An and Quang Binh Provinces. In Nghe An Province, the delegation visited Hung Trung Commune’s Health Center to provide health checkup for 300 people and gave gifts to 200 primary students at the Nguyen Truong To Primary School in Hung Trung Commune, Hung Nguyen District, Nghe An Province.

Tại Quảng Bình: Đoàn đã khám và tặng quà cho 300 bà con tại Xã Quảng Trung và hỗ trợ trang thiết bị cho Trường mầm non Xã, phát quà cho 367 em Trường tiểu học Xã và cho 323 em Trường THCS Xã Quảng Trung, Thị xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình.

In Quang Binh Province, the delegation offered health examination and presented gifts to 300 people in Quang Trung Commune and provided equipment for the Commune Kindergarten, giving gifts to 367 students in the Commune Primary School and 323 students in Quang Trung Commune’s Secondary School, Ba Don Town, Quang Binh Province.

08

Bà Đặng Thị Hoàng Yến – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Tạo nhận giải “Nhà lãnh đạo Tài – Đức”

Mme. Dang Thi Hoang Yen – Chairwoman of Tan Tao Group received the Talented and Good Entrepreneur Award

Giải thưởng được trao tại “Diễn đàn Mekong thường niên lần thứ VII” tổ chức tại thủ đô Phnom Penh (Campuchia) do Hội hợp tác phát triển kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia của Việt Nam (VILACAED) và Hội Hợp tác phát triển kinh tế Campuchia – Việt Nam – Lào của Campuchia (CAVILEAD) phối hợp tổ chức.

The Award was presented at the “Seventh annual Mekong Forum” held in Phnom Penh (Cambodia) by the Vietnam-Laos-Cambodia Economic Development and Cooperation Association (VILACAED) and the Cambodian - Vietnamese – Lao Economic Development Cooperation Association (CAVILEAD).

Người nhận giải thưởng, bà Đặng Thị Hoàng Yến được biết đến nhiều ở cương vị Chủ tịch Tập đoàn Tân Tạo. Cùng với người em trai là ông Đặng Thành Tâm, bà Đặng Thị Hoàng Yến đã biến Tân Tạo, một vùng đất nhiễm mặn của huyện Bình Chánh (TP.HCM) thành một trong những khu công nghiệp kiểu mẫu đầu tiên tại Việt Nam.

The recipient of the award, Mme. Dang Thi Hoang Yen, is well-known as Chairwoman of Tan Tao Group. Together with her brother, Dang Thanh Tam, Mme. Dang Thi Hoang Yen has turned Tan Tao, a salty land of Binh Chanh District in Ho Chi Minh City into one of the first industrial parks in Vietnam.

Ít xuất hiện trên báo giới nhưng nhiều người còn biết đến bà Đặng Thị Hoàng Yến trong vai trò một mệnh thường quân thường xuyên tham gia công tác từ thiện, nhân đạo. Bà Đặng Thị Hoàng Yến cùng với Tập đoàn Tân Tạo đã thành lập Quỹ ITA vì tương lai, Quỹ ITA chiến thắng bệnh tật, Quỹ ITA hàn gắn vết thương nhằm hỗ trợ việc học, chăm sóc y tế và cơ sở vật chất cho những hoàn cảnh khó khăn. Bà Đặng Thị Hoàng Yến cũng là người đã sáng lập và tài trợ Trường Đại học Tân tạo, Trường đại học tư thục phi lợi nhuận đầu tiên tại Việt Nam phát triển theo các tiêu chuẩn của Hoa Kỳ và được công nhận theo tiêu chuẩn giáo dục Hoa Kỳ. Bà Đặng Thị Hoàng Yến đã tài trợ tới hơn 2.800 tỷ đồng cho Trường Đại học Tân Tạo trong suốt 10 năm qua.

Despite rarely reflected in the media, Mme. Dang Thi Hoang Yen is popularly known to be actively involved in charity and humanitarian activities. Mme. Dang Thi Hoang Yen and Tan Tao Group have created the ITA Foundation for the Future Generation, the ITA Medical Aid, the ITA Veterans Assistance to support learning, health care and facilities for disadvantaged people. Mme. Dang Thi Hoang Yen is also the founder and sponsor of Tan Tao University, the first Vietnamese private non-profit university meeting the American accreditation standards. Mme. Dang Thi Hoang Yen has donated more than VND 2,800 billion to Tan Tao University over the past ten years.



Tại trường Đại học do bà Đặng Thị Hoàng Yến sáng lập ra, các sinh viên tài năng có hoàn cảnh khó khăn được cấp học bổng toàn phần. Đây cũng là trường nổi tiếng trong việc tài trợ cho các giảng viên trong trường nghiên cứu các công trình khoa học. Chính vì vậy, cho đến nay, Đại học Tân Tạo đã sở hữu tới gần 60 công trình khoa học được đăng trên các tạp chí nghiên cứu nổi tiếng của thế giới. Đây cũng là trường Đại học tư thục đầu tiên ở Việt Nam được cấp phép giảng dạy ngành Y và ngành Công nghệ sinh học.

At Tan Tao University, the talented students from disadvantaged backgrounds have been granted full scholarships. TTU is also well known for sponsoring faculty members in scientific research projects. So far, Tan Tao University has owned nearly 60 scientific works published in the world's famous research journals. TTU is also the first private university in Vietnam licensed to offer medicine and biotechnology programs.

Bên cạnh đó, trong vai trò thành viên của Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN BAC), bà Đặng Thị Hoàng Yến đã có những đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy sự hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và tăng cường hội nhập kinh tế, hướng tới phát triển bền vững của các quốc gia ASEAN. Bà cũng là người đề xuất thành lập Chương trình Học bổng ASEAN để giúp các sinh viên ASEAN có điều kiện học tập để đóng góp vào sự phát triển và hội nhập của ASEAN trong tương lai.

In addition, as a member of the ASEAN Business Advisory Council (ASEAN BAC), Mme. Dang Thi Hoang Yen has made active contributions in promoting the formation of the ASEAN Economic Community (AEC) and enhancing the economic integration towards sustainable development of ASEAN countries. She initiated the ASEAN Scholarship Program to help students in the ASEAN region with learning opportunities to contribute to the development and integration of ASEAN.

09

Công ty CP Đầu tư Tân Đức nhận danh hiệu Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016 (12/2016)
Tan Duc Investment Corp received the Sustainable Enterprise Award for 2016 (December 2016)

Ngày 18/12/2016 tại Trung tâm Hội nghị T-78 Văn phòng trung ương Bộ chính trị, Viện Doanh nghiệp Việt Nam phối hợp với Tổ chức đánh giá và chứng nhận quốc tế InterConformity (Cộng hòa Liên bang Đức, châu Âu) tổ chức Hội nghị công bố chỉ số tín nhiệm thương hiệu 2016. Tại buổi lễ, Công ty CP Đầu tư Tân Đức (Tadico) vinh dự nhận giải thưởng Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững năm 2016.

On December 18, 2016 at the T-78 Conference Center, the Central Office of the Politburo, the Vietnam Business Institute in collaboration with the InterConformity Assessment and Certification Company (Germany) held the conference to announce Trademark Ratings for 2016. At the ceremony, Tan Duc Investment Corporation (Tadico) was honored to receive the Vietnamese Sustainable Development Enterprise Award for 2016.

Giải thưởng Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững được đánh giá dựa trên chuẩn mực của Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế. Chương trình giúp các doanh nghiệp tự hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý chất lượng, thiết lập mối quan hệ tốt nhất với đối tác, khách hàng và người tiêu dùng đồng thời gia tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bằng việc khảo sát, đánh giá độc lập của một bên thứ ba, được xem như là một điều kiện cần thiết để hợp tác, liên kết, liên minh thương mại toàn cầu.

The Vietnamese Sustainable Development Enterprise Award was appraised and selected based on the international quality management system standards. The program helps businesses to improve and enhance quality management capacity, build the best relationship with partners, customers and consumers while enhancing their competitiveness through independent monitoring and evaluation of a third party that is seen as a necessary condition for cooperation, partnership and global trade.



Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí nghiêm ngặt của hệ thống phát triển bền vững (Sustainable Development Business 2016), vượt qua những công đoạn kiểm định gắt gao từ phía ban tổ chức cùng các thành tích nổi trội đạt được trong hoạt động kinh doanh, Công ty CP Đầu tư Tân Đức (Tadico) vinh dự được trao giải thưởng Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững 2016.

After fully meeting the stringent criteria of the sustainable development system 2016, passing the rigorous inspection of the Organizing Board and with outstanding achievements in business operations, Tan Duc Investment Corporation (Tadico) was honored to be awarded the Vietnam Sustainable Enterprise Award for 2016.

10

Gạo sạch Ita Rice được vinh danh “Thương hiệu danh tiếng Đông Nam Á”
Organic ITA-Rice was honored the ASEAN Prestigious Brand

Thương hiệu gạo sạch ITA RICE của Tập đoàn Tân Tạo vừa được vinh danh là “Thương hiệu danh tiếng Đông Nam Á” tại “Diễn đàn Mekong thường niên lần thứ VII” do Hội Hợp tác phát triển kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia của Việt Nam (VILACAED) và Hội Hợp tác phát triển kinh tế Campuchia – Việt Nam – Lào của Campuchia (CAVILAED) phối hợp tổ chức tại thủ đô Phnom Penh (Campuchia) ngày 9/12.

The ITA-Rice brand of Tan Tao Group was honored as the ASEAN’s prestigious brand at the “Seventh annual Mekong Forum” held in Phnom Penh (Cambodia) by the Vietnam-Laos-Cambodia Economic Development and Cooperation Association (VILACAED) and the Cambodian - Vietnamese – Lao Economic Development Cooperation Association (CAVILEAD) on December 09.



Gạo sạch mang thương hiệu ITA RICE được sản xuất theo tiêu chuẩn GLOBAL GAP & HACCP hiện có mặt trên thị trường dưới các nhãn hàng Nàng Yến, Nàng Nga, Nàng Đào, Nàng Cúc, Nàng Mai, Nếp Vua Liều, Tấm Nàng Yến... Các sản phẩm gạo sạch ITA RICE đang được người tiêu dùng tin cậy, đánh giá cao vì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng 61 tiêu chuẩn xuất khẩu gạo vào Nhật Bản, Hoa Kỳ và cam kết thực hiện sản phẩm bốn không: “Không hóa chất độc hại, không vi sinh gây bệnh, không có kim loại nặng, không Cholesterol”.

The ITA-Rice organic rice is produced in accordance with the GLOBAL GAP and HACCP standards with brands available on the market such as Nàng Yến, Nàng Nga, Nàng Đào, Nàng Cúc, Nàng Mai, Vua Liều Glutinous Rice, Nàng Yến broken rice...etc. ITA-Rice’s products win the trust and faith of consumers for ensuring food hygiene and safety, meeting 61 standards for export of rice to Japan and the United States and committed to the four Nos: “No toxic chemicals, No pathogenic microorganism, No heavy metals, No cholesterol.”

Các sản phẩm gạo sạch-an toàn của ITA RICE hiện đã có mặt tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... được phân phối qua các siêu thị Co.op Mart, Big C, Maximart, Foodco Mart, Lottemart... Ngoài ra, có bán tại các trung tâm phân phối gạo sạch và mạng lưới đại lý truyền thống trên cả nước.

Safe and organic rice products of ITA-Rice are now available in big cities including Hanoi, Ho Chi Minh City. Da Nang ... , and are distributed through supermarkets Co.op Mart, Big C, Maximart,



Foodco Mart, Lottemart ... Also, they are available in the organic rice distribution centers and traditional stores over the country.

Công ty ITA RICE đã đạt được các thành tích: Danh hiệu "Sản phẩm, dịch vụ tốt cho Gia đình và Trẻ em" lần II - năm 2014; Top 10 của danh sách 300 "Thương hiệu hàng đầu Việt Nam" năm 2014 do người người tiêu dùng bình chọn; Top 10 "Thương hiệu - Nhãn hiệu nổi tiếng đồng bằng Sông Cửu Long" năm 2014; "Sản phẩm, dịch vụ chất lượng châu Á" năm 2014; "Thương hiệu mạnh phát triển bền vững ASEAN" năm **2015**; **được công nhận "Nhà cung cấp tin tưởng ASEAN" - năm 2016...**

ITA-Rice Company has obtained the following achievements: the Product and Service Title for Families and Children for 2014; the Top 10 of the 300 Vietnamese leading brands for 2014 selected by consumers; the Top 10 of the Mekong Delta Brand and Trademark for 2014; the Asia Quality Product and Service for 2014; the ASEAN Strong and Sustainable Trademark for 2015; the ASEAN Trustworthy Supplier Award for 2016 ...

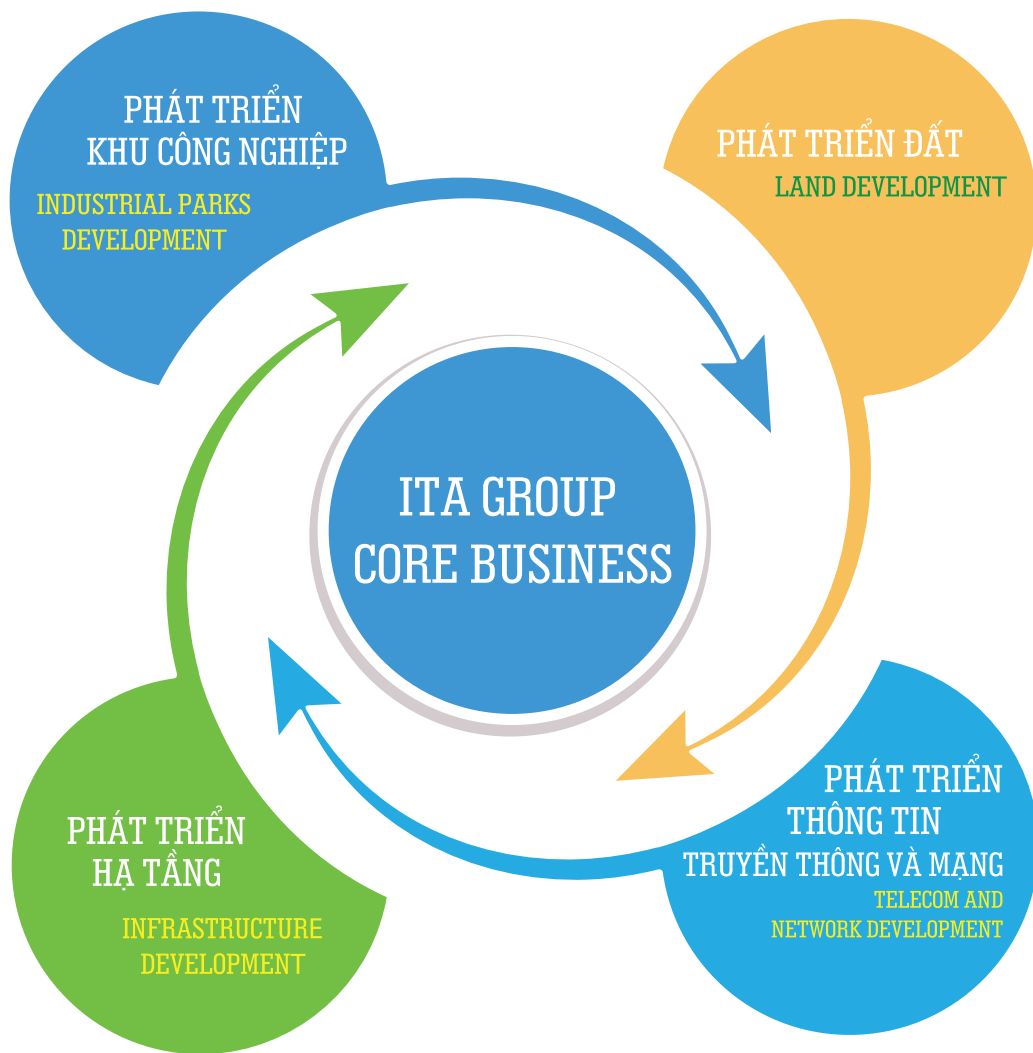


** Giám sát thực hiện quy trình sản xuất lúa theo Tiêu chuẩn Global Gap
Supervising process of rice production under Global Gap standards*



TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN TÂN TẠO

OVERVIEW OF TAN TAO GROUP



**TRIẾT LÝ KINH DOANH
BUSINESS PHILOSOPHY**

THÀNH CÔNG
CỦA CÁC BẠN LÀ
THÀNH CÔNG
CỦA CHÚNG TÔI
Your Success Is Our Success

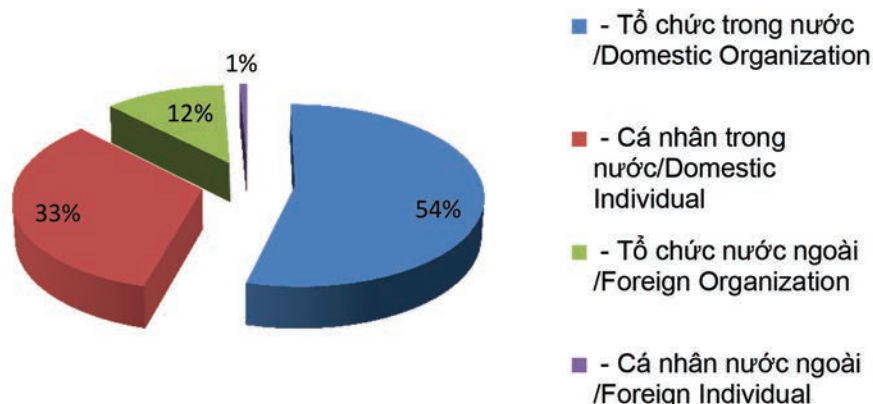
MISSION

*To Be A Leading Pioneer
In Industrial Park, En-
ergy & Infrastructure
Development whilst
helping to provide a
better future for the
citizens of Vietnam.*

Cổ phần: Tính đến ngày 31/12/2016, vốn điều lệ của Công ty như sau:
Shares: To December, 31th 2016, capital share of the company as follows:

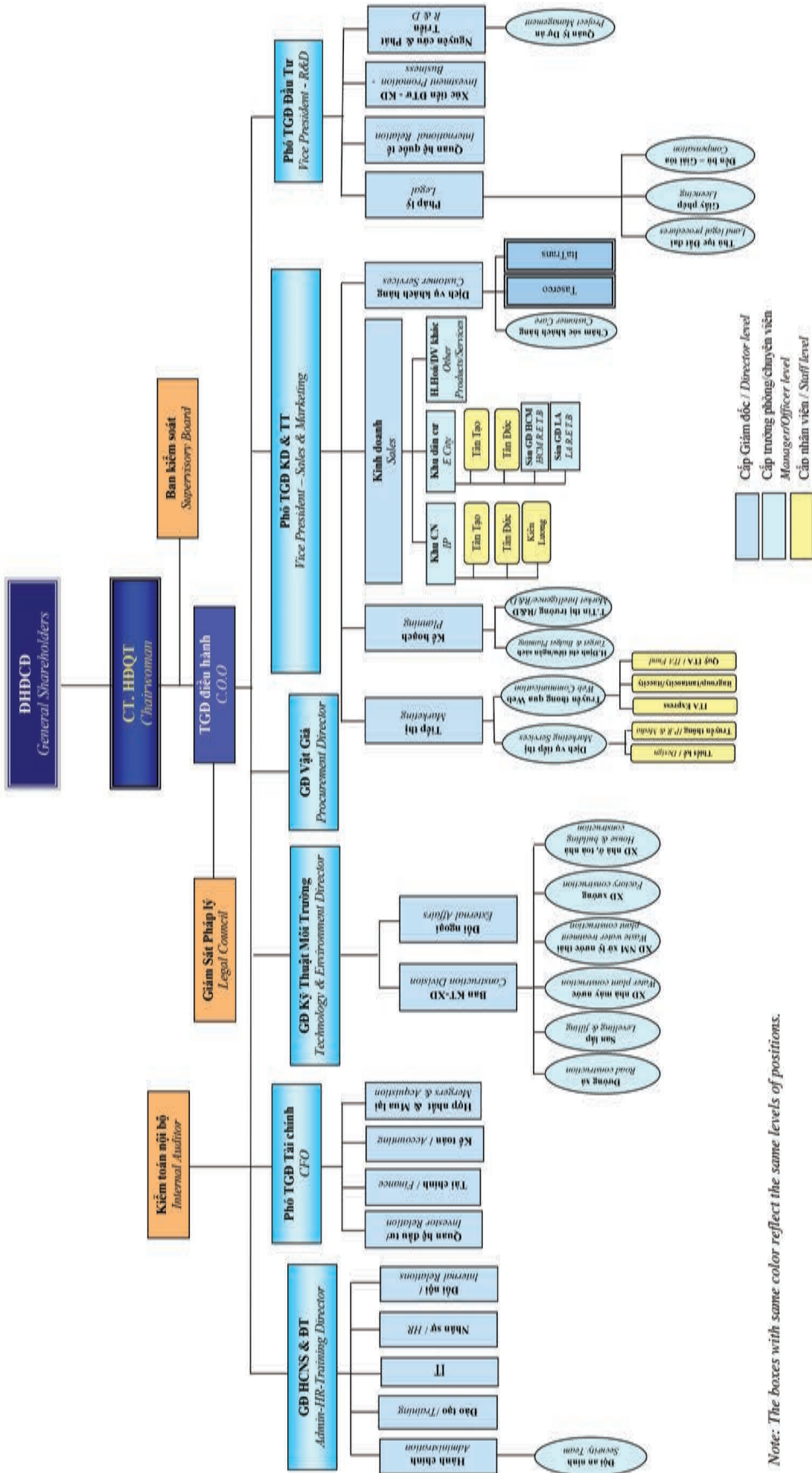
- Vốn điều lệ của Công ty/Capital share : 9.384.636.070.000 đồng
- Mệnh giá 1 cổ phiếu/Face value: 10.000 đồng
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết/Issued shares: 938.463.607 cổ phiếu/shares
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành/Shares in circulation: 838.282.817 cổ phiếu/shares
- Cổ phiếu quỹ/Treasury shares: 142.032 cổ phiếu/shares

Cơ cấu cổ đông/ Shareholders structure:



	Số lượng cổ đông/Number of shareholders	Số lượng cổ phiếu/Number of shares	% vốn điều lệ %capital share
Tổng số lưu hành/Total	24.108	938.321.575	99,98%
Cổ phiếu quỹ/Treasury shares	1	142.032	0,02%
Trong đó/Including	24.109	938.463.607	100.00%
Cổ đông trong nước/Domestic	23.564	822.421.750	87,63%
shareholders			
- Tổ chức/Organization	116	508.245.608	54,16%
- Cá nhân/Individual	23.448	314.176.142	33,48%
Cổ đông nước ngoài/Foreign shareholders	545	116.041.857	12,37%
- Tổ chức/Organization	57	109.228.171	11,64%
- Cá nhân/Individual	488	6.813.686	0,73%

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
Organization chart



Note: The boxes with same color reflect the same levels of positions.

2015

- Bà Đặng Thị Hoàng Yến nhận giải Nhà lãnh đạo giỏi ASEAN và được trao giải thưởng Top 100 gương mặt lao động xuất sắc nhất năm 2015.
Chairwoman of the Board of Management Mme. Dang Thi Hoang Yen was granted the ASEAN Excellent Business Leaders Award and the Top 100 Excellent Entrepreneurs Award 2015.
 - Ngày 10/5/2015 ITA nhận danh hiệu “Thương hiệu xuất sắc tiêu biểu Việt Nam 2015”
On May 10, 2015, ITA Group awarded “ Vietnam Excellent Brand 2015”
 - Ngày 6/8/2015 Bệnh viện Đa khoa Tân Tạo ra mắt và công bố chính thức đi vào hoạt động
On August 6, 2015, Tan Tao General Hospital was formally put into operation
 - Đại học Tân Tạo trao bằng tốt nghiệp cho các sinh viên khóa đầu tiên
Tan Tao University holds its first Commencement Ceremony
 - Ngày 11 tháng 12 năm 2015, tại Hà Nội, Tổng Cục Năng lượng - Bộ Công thương và Công tượng Tân Tạo đã ký Biên bản ghi nhớ phát triển dự án BOT Nhà máy điện Kiên Lương 1.
On December 11, 2015, in Hanoi, General Department of Energy (Ministry of Industry and Trade) and Tan Tao Energy Corporation (TEC), a subsidiary of Tan Tao Group, signed the Memorandum of Understanding for development of the Kien Luong 1 Thermal Power Plant BOT Project.
 - Ngày 19/12/2015 Tadico nhận giải thưởng Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững năm 2015
On December 19, 2015, Tadico awarded 2015 Sustainable Business Award
-

2014

- Ngày 7/ 3/ 2014, Bộ Công thương đã có Văn bản số 230/TCNL-BOT thông báo ý kiến của Văn phòng Chính phủ đồng ý cho Tân Tạo chuyển hình thức đầu tư Dự án Kiên Lương 1 từ BOO sang BOT./ *On March 7, Ministry of Industry and Trade issued Document No. 230/TCNL-BOT notifying the decision of the Government Office approving Tan Tao Energy Corporation to change investment form of Kien Luong 1 project from BOO to BOT.*
 - Ngày 27/4/2014, lễ trao giải thưởng “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh” được sự chỉ đạo và bảo trợ của Ban Tuyên giáo TW đã long trọng diễn ra tại Nhà hát lớn Hà Nội. Bà Đặng Thị Hoàng Yến, Chủ tịch Trường Đại học Tân Tạo và Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Tạo đã được vinh danh là “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh”. / *On April 27, 2014, the “Outstanding Leaders in Ho Chi Minh Era” award ceremony under the direction and sponsorship of the Central Popularization Committee was held at the Hanoi Opera House. Mme. Dang Thi Hoang Yen, Chairwoman of Tan Tao University and Tan Tao Group was presented the “Outstanding Leader in Ho Chi Minh Era” Award.*
 - Ngày 20/12/2014, Công ty Cổ phần Đầu tư và Công Nghiệp Tân Tạo đã vinh dự đón nhận biểu trưng Chỉ số tín nhiệm Doanh nghiệp Phát triển Bền vững 2014 tại “Hội nghị công bố chỉ số tín nhiệm và trao chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp phát triển bền vững 2014” do Viện Doanh Nghiệp Việt Nam, phối hợp Bộ Công Thương tổ chức. / *On December 20, 2014, the Trusted and Sustainable Index 2014 award ceremony was held by the Vietnam Enterprise Institute and by Ministry of Industry and Trade at the T-78 Convention Center – Central Office (Politburo), Ho Chi Minh City. Ms. Nguyen Thi Ngoc Trang, Vice Chief of Southern Mission Agency of Ministry of Industry and Trade granted the Trusted Brand Award to ITACO represented by Mr. Thai Van Men, COO of ITACO.*
-

2013

- Đại học Tân Tạo được cấp giấy phép đào tạo ngành Bác sĩ Y khoa và Công nghệ sinh học / *Tan Tao University obtained approval of offering Doctor of Medicine and Biotechnology programs.*
- Chính thức đưa các sản phẩm gạo sạch mang nhãn hiệu nàng Yến, nếp sạch Vua Liêu ra thị trường / *Launch of Nang Yen and Vua Lieu hygienic rice brands on the market.*
- Chủ tịch Đặng Thị Hoàng Yến được trao Danh hiệu Trí thức tiêu biểu Việt Nam trên mặt trận kinh tế xã hội 2013 / *Chairwoman Dang Thi Hoang Yen was honored Top 100 Vietnamese Intellectuals of 2013 for significant achievements on economic and social fronts.*

2011

- Phối hợp với Đại học Tân Tạo thực hiện thành công thí điểm mô hình trồng gạo sạch đạt tiêu chuẩn Global G.A.P. / *Collaboration with Tan Tao University successfully conducted a pilot hygienic rice production model in accordance with the Global G.A.P Certification.*
- Đã vượt qua mọi khủng hoảng, trong khi hàng trăm doanh nghiệp phải đóng cửa, nhiều doanh nghiệp bị phá sản, Tập đoàn Tân Tạo đã vững vàng vượt qua sóng gió, tiếp tục kinh doanh có lãi và khẳng định bản lĩnh của mình trên thương trường và thực sự là một trong những cánh chim đầu đàn của doanh nghiệp ngoài quốc doanh / *Overcoming the recession period when hundreds of companies went into bankruptcy and others acquired, Tan Tao Group stayed firm to overcome storms to continue to make profits and confirmed its high standing on the market as a lead bird of non-state companies.*

2011

- Là một trong 9 công ty hàng đầu Việt Nam được lựa chọn tính chỉ số Russell Vietnam Index / *One of nine leading Vietnamese companies included into the Russell Vietnam Index.*
- Là một trong 10 công ty Việt Nam có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất được lựa chọn tính chỉ số S&P Vietnam 10 Index / *One of 10 Vietnamese Companies with the largest market capitalization and highest liquidity included into S&P Vietnam 10 Index.*
- Đứng thứ 35 trong số 200 doanh nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam đóng góp thuế thu nhập lớn nhất / *Ranking 35th among Vietnam's Top 200 Private Companies with highest income corporate tax contribution.*

2009

- Lễ khởi công Đại học Tân Tạo / *Ground breaking ceremony of Tan Tao University.*
- Khởi công xây dựng hạ tầng cho Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương có công suất 4,400 MW / *Launch of Infrastructure Construction for the 4,400 MW Kien Luong Thermal Power Complex.*
- Lễ khởi công nhà máy thủy điện DakMi 1 / *Ground breaking ceremony for DakMi 1 Hydro Power Plant.*
- Khởi công xây dựng Tân Đức Plaza và Tân Tạo Plaza cung cấp nhà ở cho công nhân / *Launch of construction of Tan Duc Plaza and Tan Tao Plaza to provide housing for workers.*
- Đón nhận Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng / *Receiving the Third-class Labor Medal of the Government awarded by the State President.*

2007

- Giải thưởng Siêu sao kinh doanh cho kết quả kinh doanh xuất sắc và đóng góp cho cộng đồng do Quốc hội Việt Nam trao tặng / *Business Super Stars Cup in recognition of our scale of business operations and contribution to the community by Vietnam National Assembly.*
- Được vinh danh 100 doanh nghiệp thành công và sáng tạo hàng đầu Việt Nam do VCCI và VTV trao tặng / *Top 100 Successful & Innovative Companies granted by VCCI and Vietnam Television.*
- Hoàn thành xây dựng Khu công nghiệp Tân Đức – Giai đoạn 1 / *Completion of construction works within Tan Duc Industrial Park – Phase One.*
- Lễ ra mắt 3 quỹ từ thiện của Tập đoàn tại Hà Nội: (i) Quỹ ITA vì tương lai, (ii) Quỹ ITA chiến thắng bệnh tật; và (iii) Quỹ ITA hàn gắn vết thương / *Launch of three charitable foundations in Hanoi: (i) ITA Scholarship; (ii) ITA Medical Aid; and (iii) ITA Veterans Assistance.*
- Lễ khởi công Khu công nghiệp Tân Đức – Giai đoạn 1 và Tân Đức E.City / *Ground breaking ceremony for Tan Duc Industrial Park – Stage Two and Tan Duc E.City.*

2006

- Là công ty phát triển khu công nghiệp đầu tiên được niêm yết trên sàn chứng khoán Tp. HCM vào ngày 15 tháng 11 năm 2006 / *The first industrial park developer listed on the HOSE on November 15, 2006.*
- Khởi công Khu công nghiệp Nhơn Hội / *Launch of Nhon Hoi Industrial Park.*
- Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 2 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005 / *The Second-Class Labor Medal granted by the State President for excellent achievements during the 2001-2005 period.*

2005

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Đức – Giai đoạn 1. / *Launch of Tan Duc Industrial Park - Phase One.*

2004

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Tạo – Giai đoạn 2 / *Launch of Tan Tao Industrial Park - Phase Two.*
- Giấy chứng nhận kiểm soát môi trường ISO 14001:1996 và 14001:2004 / *Environmental Control Certificate ISO 14001:1996 and updated version 14001:2004.*

2003

- Được Chủ Tịch Nước tặng Huân chương Lao động Hạng III / *The Third-Class Labor Medal Award granted by the State President*
- Khởi công Khu công nghiệp Nhơn Trạch / *Launch of Nhon Trach Industrial Park.*
- Giấy chứng nhận kiểm soát chất lượng ISO 9001:2000 / *Quality Control Certificate ISO 9001:2000.*



1997

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Tạo – Giai đoạn 1.
Launch of Tan Tao Industrial Park - Phase One.

1996

- Doanh nghiệp tư nhân đầu tiên của Việt Nam được cấp đất phát triển Khu công nghiệp.
The first private sector to be granted land for IP development in Vietnam.



Lễ động thổ KCN Tân Tạo
Ground-breaking ceremony for Tan Tao IP



Chủ tịch tập đoàn Tân Tạo nhận giải thưởng Ngôi Sao Kinh Doanh 2007
Tan Tao Group's Chairwoman received Super Star Award in 2007



Bà Trương Mỹ Hoa phó chủ tịch nước tham dự lễ kỷ niệm 10 năm thành lập KCN Tân Tạo / HE Truong My Hoa - Vice President attended 10 years Anniversary Tan Tao IP



TGD Thái Văn Mẫn cùng đoàn DN Việt Nam tiếp kiến Chủ tịch nước tại Phủ chủ tịch / Mr. Thai Van Men, COO of TTG, and delegation of Vietnamese Entrepreneurs met the President at the Presidency Palace



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & CN TÂN TẠO

ITACO ORGANIZATIONAL CHART

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BOARD OF MANAGEMENT 2015-2016



Mme. Đặng Thị Hoàng Yến
Chủ Tịch HĐQT
Chairwoman



Trần Hoàng Ân
Ủy viên HĐQT
Member



Nguyễn Thanh Phong
Ủy viên HĐQT
Member



Trần Đình Hưng
Ủy viên HĐQT
Member



Huỳnh Hồ
Ủy viên HĐQT
Member

BAN KIỂM SOÁT / SUPERVISORY BOARD



Lê Thị Phương Chi
Ủy viên BKS
Member



Đỗ Tuấn Cường
Trưởng BKS
Head of SB



Võ Tấn Phong
Ủy viên BKS
Member

★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★ **BAN ĐIỀU HÀNH / BOARD OF DIRECTORS** ★★★★★★★★★★★★★★★★★★★



Trần Hoàng Ân
P. TGD
Deputy GD



Đặng Quang Hạnh
P. TGD Thường trực
Deputy GD



Thái Văn Mến
Tổng Giám Đốc
C.O.O



Nguyễn Thị Lài
GD Taserco
Taserco Director



Brent Beachler
TGD TADICO
TADICO's G. Director



Nguyễn Viết Đoàn
Kế Toán Trưởng
Chief Accountant



Đoàn Hồng Hoàng
GD Vật Giá
Procurement Director



Phạm Văn Song
P.TGD TADICO
TADICO'S D Director



Nguyễn Quang Vinh
PT P. Kinh Doanh
Acting Sales Manager



Phạm Mạnh Tiến
GD Ban R&D
R&D Director



Phạm Thị Ngọc Duyên
P. GD Taserco
Vice Director - Taserco



Nguyễn thị Thanh Tuyền
P. GD HC-NS
Admin-HR-V. Director

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN & KINH NGHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

EXPERTISE AND EXPERIENCE OF MEMBERS OF THE BOARD OF MANAGEMENT



Bà Đặng Thị Hoàng Yến là Sáng lập viên và là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Tân Tạo, Chủ tịch của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Hoa Kỳ, Thành viên của Hội đồng tư vấn kinh doanh Ủy ban Kinh tế Xã hội khu vực châu Á-Thái Bình Dương (ESCAP), thành viên Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN-BAC), thành viên của Chương trình nghị sự toàn cầu Khu vực Đông Nam Á của Diễn đàn kinh tế thế giới.

Mme. Dang Thi Hoang Yen is the Founding President and Chairwoman of the Board of Management of Tan Tao University, Chair of the Vietnam-US Business Forum, Member of ESCAP Business Advisory Council, Member of ASEAN Business Advisory Council (ASEAN-BAC), and Member of World Economic Forum's Global Agenda Council on Southeast Asia.

Bà Đặng Thị Hoàng Yến tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tốt nghiệp, bà công tác tại cơ quan Nhà nước 13 năm. Năm 1993, bà quyết định tạo dựng con đường đi cho riêng mình khi thành lập Công ty TNHH Hoàng Yến, tiền thân của Tập đoàn Tân Tạo ngày nay. Tập đoàn Tân Tạo đã phát triển trở thành doanh nghiệp phát triển hạ tầng và khu công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và tạo ra hàng trăm ngàn việc làm trong nước. Hiện nay Tập đoàn Tân Tạo có 21 công ty con hoạt động trên nhiều lĩnh vực như phát triển hạ tầng, xây dựng, năng lượng và truyền thông.

Mme. Yen graduated from the Ho Chi Minh City University of Economics after which time she worked for the Vietnamese Government for 13 years. She started up her own company Hoang Yen Company Ltd. in 1993, which is the precursor of Tan Tao Group. The Group has become a leading industrial park and infrastructure developer in Vietnam and has created hundreds of thousands jobs across Vietnam. The Tan Tao Group has 21 subsidiaries across multiple sectors, including infrastructure development, construction and media.

Công ty Cổ phần đầu tư và công nghiệp Tân Tạo - ITACO, công ty con thuộc Tập đoàn Tân Tạo, đã trở thành một trong 9 cổ phiếu blue-chip được chọn gia nhập chỉ số chứng khoán Russell Global Index và là 1 trong 10 công ty có giá trị vốn hóa lớn và tính thanh khoản tốt nhất Việt Nam hiện nay được lựa chọn tính toán trong chỉ số

S&P Vietnam 10 Index. Theo bảng xếp hạng 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2011 được Công ty Vietnam Report phối hợp với báo VietNamNet và tạp chí Thuế công bố, Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Tân Tạo xếp thứ 129 và xếp thứ 35 trong danh sách 200 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế thu nhập lớn nhất 2011.

ITACO, the publicly listed subsidiary of Tan Tao Group, promptly became one of nine blue-chip stocks to be established as part of the Global nRussell Vietnam Index 10 and the Standard & Poor's Vietnam 10 Index. According to the 2011 ranking of Vietnam's top 1000 companies with the highest corporate income tax contribution conducted by the Vietnam Report Company in coordination with VietnamNet and Tax magazine of the General Department of Taxation, ITACO is ranked 129th and 35th among Vietnam's top 200 private companies with the highest corporate income tax contribution.

Năm 2002, Bà sang Hoa Kỳ để bắt đầu công việc kinh doanh của mình tại đây. Bà đã thành lập Công ty TNHH US Southern Homes, hoạt động trong lĩnh vực phát triển nhà và Công ty Cổ phần US Southern hoạt động trong lĩnh vực phát triển đất đai.

In 2002, Mme. Yen travelled to the United States in order to develop her business in real estate. At that time, she founded US Southern Homes LP in residential development and US Southern Corporation in land development.

Năm 2007, Tập đoàn Tân Tạo đã thành lập Quỹ ITA vì tương lai, Quỹ ITA chiến thắng bệnh tật, Quỹ ITA hàn gắn vết thương nhằm hỗ trợ việc học, y tế và vật chất cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, hàng ngàn học bổng của Tập đoàn được trao tặng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc trên khắp cả nước. Ngoài ra, bà đã tài trợ và sáng lập Trường Đại học Tân Tạo, trường đại học được xây dựng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ giúp sinh viên có cơ hội học năm thứ ba tại Hoa Kỳ. Sinh viên tốt nghiệp của trường sẽ có thể theo học sau đại học tại các trường đại học trên toàn thế giới.

In 2007, Mme. Dang returned to Vietnam and founded ITA Scholarship, ITA Medical Aid and ITA Veterans Assistance for the purpose of providing education, medical support and financial assistance to the needy of Vietnam. Annually, thousands of these scholarships are awarded to outstanding students nationwide. Simultaneously, she donated and founded Tan Tao University (TTU), the country's first Vietnamese-American University, whose accreditation according to US Education standards, will help facilitate qualified students to spend the duration of their third year studying in the US as part of an exchange program. Graduates from TTU will likewise qualify to matriculate in international post-graduate programs.

Bà Đặng Thị Hoàng Yến đã được nhận nhiều giải thưởng và bằng khen như Giải thưởng nhân văn 2011 của Ủy ban hữu nghị thành phố San Francisco và Tp. Hồ Chí Minh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2009), Giải thưởng Bông hồng vàng (2008), Giải thưởng Doanh nhân tiêu biểu (2006, 2007), Giải thưởng siêu sao kinh doanh, Bằng khen của UBND tỉnh Long An (2007, 2008, 2009), Bằng khen của UBND Tp. Hồ Chí Minh (2006, 2007), được đề cử vào danh sách "100 gương mặt tri thức tiêu biểu Việt Nam trên mặt trận kinh tế 2012", "100 gương mặt tri thức tiêu biểu Việt Nam trên mặt trận Kinh tế - Xã hội 2013", "Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh" do Ban Tuyên giáo Trung ương bình chọn năm 2014, "Top 100 gương mặt lao động xuất sắc năm 2015", "Nhà lãnh đạo giỏi ASEAN 2015", "Top 100 Nhà lãnh đạo Tài - Đức 2016"...

Mme. Yen Dang has been awarded numerous prestigious prizes and merits including: Humanitarian Award 2011 by San Francisco - Ho Chi Minh City Sister City Committee, the Prime Minister Certificate of Merit (2009), Golden Rose Award (2008), Outstanding Entrepreneur Award (2006, 2007), Business Super Star Awards (2007), Long An Province People Committee's Certificate of Merit (2007, 2008, 2009), Ho Chi Minh City People Committee's Certificate of Merit (2006, 2007), nominate list of "Top 100 Vietnamese Intellectuals Awards 2012 for significant achievements in economics & social fronts", "Top 100 Vietnamese Intellectuals Awards 2013 for significant achievements in economics & social fronts", "Outstanding Leaders in Ho Chi Minh Era" selected by the Central Popularization Committee in 2014, "Top 100 Excellent Entrepreneurs Awards 2015", "ASEAN Excellent Business Leaders 2015", "Top 100 Talented and Virtuous Leaders 2016" among others.



ÔNG NGUYỄN THANH PHONG

Ông Nguyễn Thanh Phong là thành viên HĐQT từ năm 2006. Ông có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiến trúc và công nghệ thông tin. Ông là Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần đầu tư – tin học & tư vấn xây dựng Phương Nam và phụ trách quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Từ tháng 11 năm 2001 đến nay, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau tại công ty Phương Nam như kỹ sư, Phó Giám đốc, phó Tổng giám đốc. Ông tốt nghiệp ĐH Bách khoa năm 1999 và thạc sỹ quản trị kinh doanh năm 2005 tại trường ĐH Bách Khoa Tp Hồ Chí Minh.

Mr. Nguyen Thanh Phong is a member of the Board of Management since 2006. He has more sixteen years solid experience in the field of IT, Engineering and Architecture. He is also the President of SEI where he is in-charge of the overall management of the technical operation of the company. From November 2001 up to present, he has held various positions at SEI including Engineer, Deputy Director and currently Vice President. Mr. Phong

graduated with a Bachelor's Degree in Engineering in 1999 and a Master's Degree in Business Administration from the Ho Chi Minh City University of Polytechnics in 2005.



ÔNG TRẦN ĐÌNH HƯNG

Ông Trần Đình Hưng là thành viên HĐQT và Phó TGD tài chính của ITACO. Ông Trần Đình Hưng tốt nghiệp đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán năm 2001. Năm 2005, ông nhận bằng Thạc sĩ Kế toán – Tài chính của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và cũng đã hoàn tất chương trình đào tạo tiến sĩ kinh tế (DBA) của Đại Học Châu Âu năm 2016. Ông Trần Đình Hưng đã có hơn 16 năm kinh nghiệm đảm nhận chức vụ Kế Toán Trưởng, Giám đốc Tài chính của Công ty TASERCO, Phó tổng Giám đốc của Western Bank, Tổng giám đốc Tadico, Itawater.

Mr. Tran Dinh Hung is a member of the Board of Management and Chief Financial Officer of ITACO. He graduated from the HCM City University of Economics majoring in accounting and audit in 2001. He also obtained a Master's Degree in Accounting and Finance from HCM City University of Economics in 2005, and graduated from the Doctor of Business Administration program (DBA) of the European University in 2016. Mr. Hung has had more than 16 years of experience as Chief Accountant, Chief Financial Officer at TASERCO, and the Deputy General Director of Western Bank, President of Tadico and Itawater.

Mr. Hung has had more than 16 years of experience as Chief Accountant, Chief Financial Officer at TASERCO, and the Deputy General Director of Western Bank, President of Tadico and Itawater.



ÔNG HUỖNH HỒ

Ông Huỳnh Hồ tốt nghiệp Đại học Sư phạm; học cao học chuyên ngành Toán học; Trung - Cao cấp quản lý Nhà Nước; Cao cấp chính trị. Sau đó, ông nhận bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục và là Chuyên viên cao cấp của Việt Nam.

Thạc sĩ Huỳnh Hồ đã có 41 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành giáo dục và đào tạo từ năm 1972, đặc biệt là trong quản lý giáo dục cấp trường và cấp tỉnh. Từ năm 1975 đến 2008, ông được bổ nhiệm các chức vụ quan trọng trong lĩnh vực quản lý giáo dục ở nhiều đơn vị, như: Hiệu trưởng trường Trung học Phước Hiệp, Củ Chi, tỉnh Gia Định (1975), Phó Hiệu trưởng trường Trung Học Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (8/1975-1977), Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông Càng Long, tỉnh Cửu Long (8/1977-1990), Trưởng Phòng Chuyên môn - Nghiệp vụ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cửu Long (1990-1992), Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh (1992-1996), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh (1996-2008). Tháng 4/2008, Ban thường vụ tỉnh

ủy Trà Vinh quyết định bổ nhiệm Ông làm Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trong 3 tháng trước khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm giữ chức Phó Hiệu trưởng trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh (8/2008 đến 4/2011).

Mr. Huynh Ho graduated from the University of Pedagogy, Major in Mathematics. He later obtained a Master's Degree in Educational Administration. He is considered by many as a Senior Executive of Vietnam.

Mr. Huynh Ho has had 41 years of service in the education system, especially in the management of local and provincial education. He was appointed as Principal of Phuoc Hiep Middle School, Cu Chi, Gia Dinh (1975). Vice Principal of Vung Liem High School, Vinh Long Province (1975-1977). Principal of Cang Long High School, Cuu Long Province (1977-1990). Head of the Functional Department of the Department of Education and Training of Cuu Long Province (1990-1992). Vice Director of the Department of Education and Training of Tra Vinh Province (1992-1996). Lastly, Director of the Department of Education and Training of Tra Vinh Province (1996-2008). He also served for three months as Deputy of the Department of Propaganda and Training of the Party's Committee of Tra Vinh Province before moving to Ho Chi Minh City to hold the position of Vice Principal of Ho Chi Minh City Institute of Educational Managers (August 2008 - 2011).

Trong quá trình công tác, ông Huỳnh Hồ đã nhận được rất nhiều bằng khen từ các cấp về những thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của Việt Nam; nhiều năm liền đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua" cấp cơ sở và cấp tỉnh. Ông cũng đã được các Bộ, Ngành trung ương trao tặng 12 huy chương vì sự nghiệp các loại. Năm 1990, ông được Hội đồng nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu "Nhà Giáo Ưu Tú". Ông Huỳnh Hồ hiện nay giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Đại học Tân Tạo và Hiệu trưởng trường PTTH Năng khiếu Đại học Tân Tạo.

During his career, Mr. Huynh Ho has received many Certificates of Merit from the provincial authorities as well as the Ministry of Education and Training for his achievements and contribution to Vietnam's educational development. He has been awarded the title of "Chiến sĩ thi đua" (Emulation Fighter) for many years. He has also been awarded 12 medals for his numerous achievements throughout his career from various Vietnam's ministries and departments. In 1990, he was awarded the title of "Meritorious Teacher of Vietnam". Currently Mr. Huynh Ho is Tan Tao University's Vice Provost and the Principal of Tan Tao University Talented High School.



Ông Trần Hoàng Ân (Trần Dương) tốt nghiệp Học viện truyền thanh truyền hình quốc tế (Tên tiếng Pháp: L'Institut international de l'image et du son) - Cộng hòa Pháp với các chuyên ngành: Cử nhân quay phim, Cử nhân đạo diễn, Thạc sĩ nghệ thuật điện ảnh. Sau đó, ông tốt nghiệp tiến sĩ kinh tế tại Việt Nam. Tháng 1 năm 2017 ông tốt nghiệp Tiến sĩ kinh tế tại Đại học tổng hợp Hữu nghị các dân tộc Liên bang Nga (Tên tiếng Nga: Российский университет дружбы народов).

Mr. Tran Hoang An (Tran Duong) graduated from the International Institute of image and sound (or in French: L'Institut international de l'image et du son) in France with a Bachelor degree in film directing and camera operation, and Master in television and film arts. Then, he obtained Master and Doctoral degrees in economics and marketing in Vietnam. In January 2017, he obtained Doctoral degrees from Peoples' Friendship University of Russia (or in Russian: Российский университет дружбы народов)

Tiến sĩ Trần Dương đã có kinh nghiệm 19 năm làm việc trong lĩnh vực truyền hình và kinh doanh quốc tế kể từ năm 1997, trong đó 12 năm kinh nghiệm quản lý ở các vị trí quan trọng. Từ năm 2004 đến nay, ông được bổ nhiệm các chức vụ quan trọng trong lĩnh vực truyền hình và kinh doanh quốc tế như: Giám đốc thường trú truyền hình Pháp tại Cộng hòa Algeria. Giám đốc thường trú truyền hình Pháp tại Québec, Canada. Giám đốc thường trú truyền hình Pháp tại Đông Nam Á. Giám đốc nội dung Kênh truyền hình VBC – VTC5. Giám đốc Kênh truyền hình RealTV – VTVcab5. Giám đốc điều hành Tập đoàn NIF Moscow tại Moscow Liên bang Nga.

Dr. Tran Duong has acquired 19 years of proven experience in the field of television and international business since 1997, including 12 years of management experience in key positions. From 2004 to present, he was appointed to critical roles in television and international business such as Resident Director of France Television in the Republic of Algeria. Resident Director of French television in Quebec, Canada. Resident Director of France Television in Southeast Asia. Content Director of VBC – VTC5 Channel in Vietnam. Director of RealTV – VTVcab5 Channel in Vietnam. CEO of NIF Moscow Group in Moscow, Russian Federation.

Trong quá trình công tác, ông Trần Dương được nhận nhiều bằng khen, cúp vàng, bạc, đồng trong lĩnh vực chuyên môn. Ông cũng được học qua nhiều khóa đào tạo về quản lý truyền thông, quản lý hành chính công, quản lý nhân sự cấp cao, hợp tác phát triển kinh tế giáo dục quốc tế, tâm lý học của La Francophonie.

During his career, Mr. Tran Duong has been granted a number of awards, gold, silver and bronze cups. He has also gone through multiple training courses on media management, public administration, senior personnel management, international economic and educational cooperation and development program, La Francophonie's psychology.

Ông Trần Dương hiện nay giữ chức vụ: Phó tổng giám đốc thường trực Tập đoàn Tân Tạo. Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư, nghiên cứu & xuất khẩu gạo thơm Itarice. Phó hiệu trưởng của Đại học Tân Tạo.

Mr. Tran Duong currently serves as Vice Standing President of Tan Tao Group, President of Itarice Fragrant Rice Investment, Research and Export Corporation, and Vice Provost of Tan Tao University.



ÔNG ĐẶNG QUANG HẠNH

Ông Đặng Quang Hạnh tốt nghiệp Đại học Hàng Hải năm 1996. Từ năm 1990 đến 1997 là Máy Trưởng tại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovlighter. Năm 2000, Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa chuyên ngành Kỹ sư Xây dựng. Từ năm 1997 – 2001 Ông là Phó Giám đốc Kỹ thuật công ty TNHH Tân Tạo (Nay là Công ty CP Đầu Tư và Công nghiệp Tân Tạo). Từ năm 2000 – 2002 Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Sài Gòn, Cố vấn Công ty TNHH Phương Nam (Nay là Công ty CP Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam). Từ năm 2006 – 2011 Ông là thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Đầu Tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITA). Ông Đặng Quang Hạnh đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp và có nhiều đóng góp tích cực cho các giải pháp thi công, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả các công trình xây dựng.

Bên cạnh đó từ năm 2007 đến 2012 Ông còn giữ chức vụ Tổng Giám đốc của các Công ty CP Năng lượng Tân Tạo, Công ty CP Đầu tư – Công nghiệp Tân Kiên, Công ty CP Ximăng Tân Tạo. Từ 03/2017- nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Đầu Tư và Công nghiệp Tân Tạo.

Mr. Dang Quang Hanh graduated from Maritime University in 1996. From 1990 to 1997, he was the Chief Engineer at Vietsovlighter Joint Venture. In 2000, He graduated from Polytechnic University majoring in Civil Engineering. From 1997 to 2001, He was Deputy Technical Director of Tan Tao Co., Ltd. (now is Tan Tao Investment and Industry Corporation). From 2000 to 2002, He was the Deputy General Director of Saigon Construction Joint Stock Company and Consultant of Phuong Nam Company (now is Phuong Nam Informatics Investment Consultant Joint Stock Company). From 2006 to 2011, He was a member of the Board of Management and Deputy General Director of Tan Tao Investment and Industry Corporation (ITA). Mr. Dang Quang Hanh has more than 20 years of experience in the field of civil and industrial construction and has contributed positively in solutions to improve the quality and efficiency of constructions.

In addition, from 2007 to 2012, He held the position of General Director of Tan Tao Energy JSC, Tan Kien Investment - Industry JSC, Tan Tao Cement Joint Stock Company. From 03/2017 - now, He is the Deputy General Director of Tan Tao Investment and Industry Corporation.



ÔNG NGUYỄN VIẾT ĐOÀN

Ông Nguyễn Viết Đoàn là kế toán trưởng của ITACO. Ông đã tốt nghiệp Trường đại học Tôn Đức Thắng – TP Hồ Chí Minh năm 2006 chuyên ngành tài chính – kế toán và đang học chương trình thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Đại học Kinh tế Tp.HCM. Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm trong việc lập và phân tích báo cáo tài chính cho các Công ty thuộc khối tư nhân, nhà nước. Trong quá trình công tác Ông đã tham gia nhiều vị trí quan trọng như Trợ lý Hội Đồng Quản Trị của Hoa Sen Group, giảng viên khoa kế toán trường Đại Học Tôn Đức Thắng, kế toán trưởng Công ty Cp phát triển năng lượng Tân Tạo, Tổng giám đốc Công ty Cp Tân Tạo Hanel.

Mr. Nguyen Viet Doan is the Chief Accountant of ITACO. He graduated from Ton Duc Thang University in Ho Chi Minh City in 2006 majoring in finance and accounting and is currently pursuing a Master's degree in Finance and Banking from the HCM City University of Economics. He has had over 10 years of experience in financial analysis for private and state-owned businesses.

During his career, he has participated in important positions such as Assistant to the Board of Management of Hoa Sen Group, lecturer of the School of Accounting of Ton Duc Thang University, Chief Accountant of Tan Tao Energy Development Corporation, President of Tan Tao Hanel Corporation.



BAN KIỂM SOÁT / INSPECTION COMMITTEE



ÔNG ĐỖ TUẤN CƯỜNG

Ông Đỗ Tuấn Cường là Trưởng Ban Kiểm Soát từ năm 2012. Ông có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Tài Chính, Hành Chính, Xuất Nhập Khẩu, Kinh Doanh, Dự Án và Quản lý Công ty. Ông giữ chức vụ Tổng Giám Đốc của Công ty CP Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo (ITATRANS) từ năm 2012 đến nay sau khi luân chuyển qua nhiều đơn vị trong Tập đoàn Tân Tạo. Ông đã trải qua nhiều vị trí từ thấp đến cao như Kế Toán - Tài Chính, Kinh Doanh, Nhân Sự, Quản lý Dự Án... cũng như Giám Đốc tại nhiều doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, nhà nước cũng như doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh Tế Tp. HCM năm 1998.

Mr. Do Tuan Cuong has served as the Head of the Inspection Committee since 2012. He has had over 19 years of experience in Accounting, Finance, Administration, Import-Export, Business, Project and Management. He has served as President of Tan Tao Transportation & Warehousing Corporation (ITATRANS) since 2012 after working in many positions of Tan Tao

Group. He has had much experience in Accounting - Finance, Business, Human Resources, Project Management ... as well as Director of private, state-owned and foreign companies. He graduated from the HCM City University of Economics in 1998.



BÀ LÊ THỊ PHƯƠNG CHI

Bà Lê Thị Phương Chi là thành viên Ban Kiểm soát từ năm 2010. Bà Lê Thị Phương Chi tốt nghiệp đại học Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – tài chính năm 2000. Bà Lê Thị Phương Chi đã có hơn 10 năm kinh nghiệm đảm nhận chức vụ Kế Toán Trưởng của Công ty PHƯƠNG NAM, ITATRANS và TASERCO.

Ms. Le Thi Phuong Chi has been a member of the Inspection Committee since 2010. Ms. Le Thi Phuong Chi graduated from the University of Economics majoring in Accounting and Finance in 2000. Ms. Le Thi Phuong Chi has had more than 10 years of experience as Chief Accountant of PHUONG NAM, ITATRANS and TASERCO.



ÔNG VÕ TẤN PHONG

Ông Võ Tấn Phong, Sinh năm 1982 tại Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cà Nam, tỉnh Bến Tre. Đã tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán - Tin học tại trường Tài Chính kế toán IV năm 2004, năm 2012 tốt nghiệp chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh tại trường Đại Học Kinh Tế Tp.HCM. Đã nhiều năm đảm nhiệm chức vụ kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư Khai Thác sản xuất và Cung cấp nước Sạch.

Mr. Vo Tan Phong was born in 1982 in Cam Son, Mo Cay Nam District, Ben Tre Province. He graduated from the Finance and Accounting School IV majoring in Accounting and Informatics in 2004, and graduated from the HCM City University of Economics majoring in Business Administration in 2012. For years, he has served as the chief accountant at ITA Water Production and Investment Corporation.

* Khu công nghiệp Tân Tạo
Tan Tao Industrial Park



Công ty gạo sạch ITARICE
Headquarter of ITARICE



BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

A D M I N I S T R A T I O N R E P O R T O F I T A C O

Số:
No.

TpHCM, ngày 29 tháng 07 năm 2016
HCMC, day 29 month 07 year 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
(6 tháng/năm)
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(6 months/year)

Kính gửi/To: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
STATE SECURITIES COMMISSION
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THE STOCK EXCHANGE

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Lô 16, Đường số 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP.HCM.
- Điện thoại/ Telephone: (08) 3750.5171 Fax: (08) 3750.8237 Email:
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 9.384.636.070.000 đồng (Chín ngàn ba trăm tám mươi bốn tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).
- Mã chứng khoán/ Securities code: ITA

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/ACTIVITIES OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).
Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	Nghị quyết	29/04/2016	Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
2	Biên bản họp	29/04/2016	Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016

**II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM)
BOARD OF MANAGEMENT (SEMI-ANNUAL/ANNUAL REPORTS):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)
Information about the members of the Board of Management:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch		04	100%	
2	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên độc lập		04	100%	
3	Ông Trần Đình Hưng	Thành viên		04	100%	
4	Ông Huỳnh Hồ	Thành viên		04	100%	
5	Ông Trần Hoàng Ân	Thành viên	Bổ nhiệm TVHĐQT từ ngày 29/04/2016	01	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc.
Supervision by the BOD over the Director (General Director):

HĐQT thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS công ty kiểm tra các nội dung sau:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và HĐQT đã đề ra.
- HĐQT thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ Ban Kiểm soát, cũng như đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để kịp thời có các biện pháp chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, cán bộ lãnh đạo, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực tài chính và nhân sự cho các hoạt động của Công ty.
- HĐQT xem xét giám sát các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của các quý trong năm 2016, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của các cán bộ quản lý.
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc của Công ty phải báo cáo tình hình hoạt động mỗi tháng của Công ty cho HĐQT, từng thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ lãnh đạo, phải báo cáo công việc đã thực hiện trong tuần, tháng và kế hoạch của tháng sau cho HĐQT.
 - Báo cáo tháng của Ban kiểm soát.
3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
Activities of the Board of Directors' committees: Công ty không có các tiểu ban thuộc HĐQT
4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm).
Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	2402/NQ-HĐQT-ITA-16	24/02/2016	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để cân trừ công nợ
2	0903/NQ-HĐQT-ITA-16	09/03/2016	Đồng ý thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2016
3	3003/BBH-ITACO-16	30/03/2016	Vay vốn lưu động tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn
4	1006/BBH-ITACO-16	10/06/2016	Vay vốn lưu động tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn

II. BAN KIỂM SOÁT (BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM) *SUPERVISORY BOARD (SEMI-ANNUAL/ANNUAL REPORTS):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)
Information about members of Supervisory Board:

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Đỗ Tuấn Cường	Trưởng BKS		04	100%	
2	Ông Võ Tấn Phong	Thành viên		04	100%	
3	Bà Lê Thị Phương Chi	Thành viên		04	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*
Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:

Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty. Thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.

Ban kiểm soát cũng có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch Sản xuất kinh doanh, cũng như công tác kế toán.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ Other activities of the Supervisory Board (if any): Không có

IV. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY/ TRAINING ON CORPORATE GOVERNANCE:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.
Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance: Không có

**V. DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 34 ĐIỀU 6 LUẬT CHỨNG KHOÁN (BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM) VÀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY.
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE PUBLIC COMPANY AS SPECIFIED IN CLAUSE 34, ARTICLE 6 OF THE SECURITIES LAW (SEMI-ANNUAL/ANNUAL REPORTS) AND TRANSACTIONS OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY)**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ List of affiliated persons of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)								
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến		Chủ tịch HĐQT			54.349.633	6,48%	
2	Ông Nguyễn Thanh Phong		Thành viên HĐQT			291.859	0,03%	

3	Ông Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD			160.006	0,019%	
4	Ông Huỳnh Hồ		Thành viên HĐQT			32.000	0,0038%	
5	Ông Trần Hoàng Ân		Thành viên HĐQT			0	0	
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)								
1	Ông Đỗ Tuấn Cường		Trưởng BKS			6.825	0,00081%	
2	Ông Võ Tấn Phong		Thành viên BKS			59	0,000007%	
3	Bà Lê Thị Phương Chi		Thành viên BKS			8.910	0,00106%	
THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TGD)								
1	Ông Thái Văn Mến		TGD			763.051	0,091%	
2	Ông Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD			160.006	0,019%	
KẾ TOÁN TRƯỞNG								
1	Ông Nguyễn Việt Đoàn		Kế toán trưởng			0	0	

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.
Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person: Không có
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát
Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power: Không có
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác
Transactions between the company and other objects
- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).
Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of resolutions / decisions of the AGM / BOM adopted (if any, specify date of issue)</i>	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch <i>Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Trưởng Đại Học Tân Tạo	Ông Huỳnh Hồ làm Phó Hiệu Trưởng là thành viên HĐQT ITACO	2154/QĐ-TTg 25/11/2010	Khu đô Thị E..City Tân đức, Huyện đức Hoà, Long An	20/06/2016		33.083.000, 3,92%	

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ *NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

- 4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.
Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO): không có
- 4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.
Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO): không có

**VI. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM).
*TRANSACTIONS OF INTERNAL PERSONS AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON (SEMI-ANNUAL/ANNUAL REPORTS)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.
List of internal persons and their affiliated persons

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share owners hip at the end of the period	Ghi chú Note
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến		Chủ tịch HĐQT			54.349.633	6,48%	
1.1	Ông Đặng Văn Được					2.744	0,0003 %	
1.2	Bà Hoàng Thị Kim Tuyền					0		
1.3	Ông Đặng Quang Hạnh					3.331.781	0,4%	
1.4	Ông Đặng Thành Tâm					19.063.039	2,27%	
1.5	Bà Đặng Thị Hoàng Phương					0		
2	Ông Nguyễn Thanh Phong		Thành viên HĐQT			291.859	0,03%	
2.1	Ông Nguyễn Thành Độ					0		
2.2	Bà Trương Thanh Nhân					0		
2.3	Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng					0		
2.4	Ông Nguyễn Thành Nam					0		
3	Ông Thái Văn Mến		TGD			763.051	0,09%	
3.1	Bà Đặng Thị Tuyết					0		
4	Ông Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD			160.006	0,02%	
4.1	Bà Phan Thị Hồng Giang					6.058	0,0007 %	
5	Ông Huỳnh Hồ		Thành viên HĐQT			32.000	0,004 %	
5.1	Bà Đặng Thúy Oanh					0		

5.2	Huỳnh Đăng Thanh Bình				0		
5.3	Huỳnh Vĩnh Phúc				0		
5.4	Huỳnh Đăng Thanh Sơn				0		
5.5	Huỳnh Văn Đông				0		
6	Ông Trần Hoàng Ân		Thành viên HĐQT		0	0	
6.1	Nguyễn Thị Nhạn				0		
6.2	Trần Tuấn Dũng				0		
6.3	Trần Kiều Thu				0		
6.4	Trần Kim Dung				0		
6.5	Trần Như Băng				0		
6.6	Trần Trà My				0		
6.7	Nguyễn Thu Trang				0		
6.8	Trần Hoàng Anh				0		
6.9	Trần Nhật Minh				0		
7	Ông Đỗ Tuấn Cường		Trưởng BKS		6.825	0,001 %	
7.1	Ông Đỗ Ngọc Tuyên				0		
7.2	Bà Lê Thị Nga				0		
8	Ông Võ Tấn Phong		Thành viên BKS		9	0,000 %	
8.1	Ông Võ Văn Đăng				0		
8.2	Nguyễn Thị Sáng				0		
8.3	Võ Văn Sung				0		
8.4	Võ Thị Thúy				0		
9	Bà Lê Thị Phương Chi		Thành viên BKS		8.910	0,001 %	

9.1	Ông Lê Văn Bảy					0		
9.2	Bà Ngô Thị Châu					0		
9.3	Ông Trịnh Quốc Huy Phong					0		
9.4	Trịnh Lê Huy Hoàng					0		
9.5	Bà Lê Thị Hồng Cẩm					0		
9.6	Ông Lê Tuấn Bảo					0		
10	Ông Nguyễn Việt Đoàn		Kế toán trưởng			0	0	
10.1	Nguyễn Văn Tự					0		
10.2	Trần Thị Hoa					0		
10.3	Trần Thị Bích					0		
10.4	Nguyễn Trần Thiên Phước					0		
10.5	Nguyễn Xuân Thủy					0		
10.6	Nguyễn Thị Quý					0		

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết.
Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company: không có

VII. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC/ OTHER SIGNIFICANT ISSUES

CÔNG TY CP ĐT & CN TÂN TẠO
CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairwoman of the Board of Management



ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN

**CÔNG TY CP ĐT & CN TÂN TẠO
TAN TAO INVESTMENT &
INDUSTRY CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 02-BCQT-ITA-2016
No.02-BCQT-ITA-2016

TpHCM, ngày 02 tháng 02 năm 2017
HCMC, day 02 month 02 year 2017

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊN YẾT
(6 tháng/năm)
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(6 months/year)**

Kính gửi/To: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
STATE SECURITIES COMMISSION
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THE STOCK EXCHANGE

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Lô 16, Đường số 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP.HCM.
- Điện thoại/ Telephone: (08) 3750.5171 Fax: (08) 3750.8237 Email:
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 9.384.636.070.000 đồng (Chín ngàn ba trăm tám mươi bốn tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).
- Mã chứng khoán/ Securities code: ITA

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/ACTIVITIES OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)
Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM) BOARD OF MANAGEMENT (SEMI-ANNUAL/ANNUAL REPORTS):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)
Information about the members of the Board of Management:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch		01	100%	
2	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên độc lập		01	100%	
3	Ông Trần Đình Hưng	Thành viên		01	100%	
4	Ông Huỳnh Hồ	Thành viên		01	100%	
5	Ông Trần Hoàng Ân	Thành viên	Bổ nhiệm TVHĐQT từ ngày 29/04/2016	01	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc
Supervision by the BOD over the Director (General Director):

HĐQT thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS công ty kiểm tra các nội dung sau:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và HĐQT đã đề ra.
- HĐQT thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ Ban Kiểm soát, cũng như đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để kịp thời có các biện pháp chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, cán bộ lãnh đạo, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực tài chính và nhân sự cho các hoạt động của Công ty.
- HĐQT xem xét giám sát các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của các quý trong năm 2016, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của các cán bộ quản lý.
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc của Công ty phải báo cáo tình hình hoạt động mỗi tháng của Công ty cho HĐQT,

từng thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ lãnh đạo, phải báo cáo công việc đã thực hiện trong tuần, tháng và kế hoạch của tháng sau cho HĐQT.

- Báo cáo tháng của Ban kiểm soát.
- 3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
Activities of the Board of Directors' committees:

Công ty không có các tiểu ban thuộc HĐQT

- 4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)
Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	3110/BBH-ITACO-16	31/10/2016	Vay vốn lưu động tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn

**II. BAN KIỂM SOÁT (BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM)
SUPERVISORY BOARD (SEMI-ANNUAL/ANNUAL REPORTS):**

- 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)
Information about members of Supervisory Board:

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Đỗ Tuấn Cường	Trưởng BKS		01	100%	
2	Ông Võ Tấn Phong	Thành viên		01	100%	
3	Bà Lê Thị Phương Chi	Thành viên		01	100%	

- 2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông
Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:
Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:

Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty. Thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.

Ban kiểm soát cũng có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch Sản xuất kinh doanh, cũng như công tác kế toán.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ Other activities of the Supervisory Board (if any): Không có

IV. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRAINING ON CORPORATE GOVERNANCE:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty

Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance: Không có

V. DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 34 ĐIỀU 6 LUẬT CHỨNG KHOÁN (BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM) VÀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE PUBLIC COMPANY AS SPECIFIED IN CLAUSE 34, ARTICLE 6 OF THE SECURITIES LAW (SEMI-ANNUAL/ANNUAL REPORTS) AND TRANSACTIONS OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ List of affiliated persons of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)								
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến		Chủ tịch HĐQT			54.349.633	6,48%	
2	Ông Nguyễn Thanh Phong		Thành viên HĐQT			291.859	0,03%	

3	Ông Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD			160.006	0,019%	
4	Ông Huỳnh Hồ		Thành viên HĐQT			32.000	0,0038%	
5	Ông Trần Hoàng Ân		Thành viên HĐQT			0	0	
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)								
1	Ông Đỗ Tuấn Cường		Trưởng BKS			6.825	0,00081%	
2	Ông Võ Tấn Phong		Thành viên BKS			59	0,000007%	
3	Bà Lê Thị Phương Chi		Thành viên BKS			8.910	0,00106%	
THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TGD)								
1	Ông Thái Văn Mến		TGD			763.051	0,091%	
2	Ông Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD			160.006	0,019%	
KẾ TOÁN TRƯỞNG								
1	Ông Nguyễn Viết Đoàn		Kế toán trưởng			0	0	

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ
Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person: Không có
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/
Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power: Không có
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác
Transactions between the company and other objects
- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization / individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of resolutions / decisions of the AGM / BOM adopted (if any, specify date of issue)</i>	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch <i>Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Cty CP Đại Học Tân Tạo	Bà Đặng Thị Hoàng Yến làm thành viên sáng lập là Chủ tịch HĐQT ITACO Ông Huỳnh Hồ làm Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT ITACO	110075773 3, cấp ngày: 21/12/2006	KCN Tân Đức, Huyện đức Hoà, Long An	Từ 12/08/2016 Đến 31/12/2016		65.709.199, 7,00%	

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.
Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO): không có
- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.
Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO): không có

VI. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM).
TRANSACTIONS OF INTERNAL PERSONS AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON (SEMI-ANNUAL/ANNUAL REPORTS)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.
List of internal persons and their affiliated persons

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến		Chủ tịch HĐQT			54.349.633	6,48%	
1.1	Ông Đặng Văn Được					2.744	0,0003 %	
1.2	Bà Hoàng Thị Kim Tuyến					0		
1.3	Ông Đặng Quang Hạnh					3.331.781	0,4%	
1.4	Ông Đặng Thành Tâm					19.063.039	2,27%	
1.5	Bà Đặng Thị Hoàng Phượng					0		
2	Ông Nguyễn Thanh Phong		Thành viên HĐQT			291.859	0,03%	
2.1	Ông Nguyễn Thành Độ					0		
2.2	Bà Trương Thanh Nhân					0		
2.3	Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng					0		
2.4	Ông Nguyễn Thành Nam					0		

3	Ông Thái Văn Mến		TGD			763.051	0,09%	
3.1	Bà Đặng Thị Tuyết					0		
4	Ông Trần Đình Hưng		Thành viên HĐQT kiêm P.TGD			160.006	0,02%	
4.1	Bà Phan Thị Hồng Giang					6.058	0,0007 %	
5	Ông Huỳnh Hồ		Thành viên HĐQT			32.000	0,004 %	
5.1	Bà Đặng Thúy Oanh					0		
5.2	Huỳnh Đặng Thanh Bình					0		
5.3	Huỳnh Vĩnh Phúc					0		
5.4	Huỳnh Đặng Thanh Sơn					0		
5.5	Huỳnh Văn Đông					0		
6	Ông Trần Hoàng Ân		Thành viên HĐQT			0	0	
6.1	Nguyễn Thị Nhạn					0		
6.2	Trần Tuấn Dũng					0		
6.3	Trần Kiểu Thu					0		
6.4	Trần Kim Dung					0		
6.5	Trần Như Bằng					0		
6.6	Trần Trà My					0		
6.7	Nguyễn Thu Trang					0		
6.8	Trần Hoàng Anh					0		
6.9	Trần Nhật Minh					0		
7	Ông Đỗ Tuấn Cường		Trưởng BKS			6.825	0,001 %	

7.1	Ông Đỗ Ngọc Tuyền					0		
7.2	Bà Lê Thị Nga					0		
8	Ông Võ Tấn Phong		Thành viên BKS			9	0,000 %	
8.1	Ông Võ Văn Đặng					0		
8.2	Nguyễn Thị Sáng					0		
8.3	Võ Văn Sung					0		
8.4	Võ Thị Thúy					0		
9	Bà Lê Thị Phương Chi		Thành viên BKS			8.910	0,001 %	
9.1	Ông Lê Văn Bảy					0		
9.2	Bà Ngô Thị Châu					0		
9.3	Ông Trịnh Quốc Huy Phong					0		
9.4	Trịnh Lê Huy Hoàng					0		
9.5	Bà Lê Thị Hồng Cẩm					0		
9.6	Ông Lê Tuấn Bảo					0		
10	Ông Nguyễn Việt Đoàn		Kế toán trưởng			0	0	
10.1	Nguyễn Văn Tự					0		
10.2	Trần Thị Hoa					0		
10.3	Trần Thị Bích					0		
10.4	Nguyễn Trần Thiên Phước					0		
10.5	Nguyễn Xuân Thủy					0		
10.6	Nguyễn Thị Quý					0		

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết.
Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company: không có

VII. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC/ OTHER SIGNIFICANT ISSUES

**CÔNG TY CP ĐT & CN TÂN TẠO
CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairwoman of the Board of Management



ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN



BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM 2016 & KẾ HOẠCH 2017

SUMMARY REPORT OF 2016 AND PLAN FOR 2017

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2016/ EVALUATION OF BUSINESS OPERATIONS OF 2016

Năm 2016 mặc dù Công ty đã tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng nhằm thu hút đầu tư bằng việc quan tâm giúp đỡ các doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục pháp lý về nhà xưởng, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc cấp phép đầu tư cũng như tăng cường công tác an ninh trật tự- PCCC để góp phần tạo điều kiện cho các nhà đầu tư yên tâm sản xuất kinh doanh, nhưng do những khó khăn về cơ chế chính sách liên quan đến việc tính tiền thuê đất đối với các Doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN theo luật đất đai 2014, cũng như các quy định liên quan đến việc ghi nhận doanh thu cho thuê theo Thông tư 200 của Bộ tài chính đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn đã nỗ lực tập trung thực hiện nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh được giao nhưng kết quả đạt rất thấp so với kế hoạch đề ra. Kết quả hoạt động của Công ty cụ thể như sau:

In 2016, the Company has been actively deploying solutions to support customers for investment attraction by assisting companies to complete legal procedures of the factory, solving difficulties in investment licensing as well as strengthening security, order and fire safety to help create favorable conditions for investors to establish and expand business operations. Nevertheless, due to the difficulties of mechanisms and policies relating to the calculation of rent for industrial park infrastructure developers under the 2014 Land Law as well as the regulations on rental income recognition under Circular 200 of the Ministry of Finance, the business results of the Company has been severely affected. Under the direction of the Board of Management, the Board of Directors and all employees of the Group have made efforts to implement the assigned business plans, but the business results have been much lower than planned. The Company's business operation results are as follows:

Đơn vị tính: Triệu đồng (Unit: Mil. Dong)

Chỉ tiêu/Indicators	Hợp nhất/ Consolidated
Tổng doanh thu & thu nhập khác (Total revenue & other income)	339.267
+ Doanh thu cho thuê đất+nhà xưởng (Land and factory leasing)	122.315
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ (Service rendering)	120.935
+ Doanh thu tài chính (Financial income)	79.069
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Cost of goods and services sold)	130.636
Lợi nhuận sau thuế (After tax profit)	39.224

1.1 Tình hình thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị *Investment attraction, business and marketing*

Những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế thế giới đã tạo ra làn sóng đầu tư đáng kể đến Việt Nam trong năm 2016, nắm bắt được cơ hội này Ban giám đốc đã đưa ra nhiều giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ giải quyết các khó khăn nhằm giúp các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuận lợi để đầu tư thuê thêm đất mở rộng sản xuất, nhưng do những nguyên nhân khách quan từ cơ chế chính sách của Nhà nước nên tình hình thu hút đầu tư vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Kết quả trong năm đã thu hút được 06 khách hàng thuê lại đất, nhà

xưởng trong khu công nghiệp Tân Tạo và Tân Đức với diện tích là 29.018 m² và 71 khách hàng thuê Tân Tạo Plaza, Tân Đức Star, Tân Đức Plaza và nhà phố liền kề, 02 khách hàng mua căn hộ Tân Tạo plaza.

The positive signals from the world economy has created significant investment inflow to Vietnam in 2016. Seizing this opportunity, the Board of Directors has proposed solutions to resolve difficulties to help businesses to effectively manage and improve operations to expand and lease more land; nevertheless, due to the objective causes of the State regulations and mechanisms, the investment attraction has still faced many challenges. During the year, the Company has had six tenants renting land and factories in Tan Tao and Tan Duc Industrial Park with a total area of 29,018 m² and 71 tenants renting apartments in Tan Tao Plaza, Tan Duc Star, Tan Duc Plaza and attached town houses, two customers buying apartments in Tan Tao Plaza.

Ngoài nguyên nhân khách quan liên quan đến chính sách tiền thuê đất thì việc thu hút đầu tư của Công ty năm 2016 chưa khả quan còn do hoạt động kinh doanh tiếp thị có nhiều hạn chế và yếu kém, chưa tổ chức tốt hoạt động kinh doanh tiếp thị để thu hút đầu tư. Mặc dù có sự thay đổi nhân sự trong bộ phận PR và Marketing nhưng tình hình kinh doanh và thu hút đầu tư chưa có sự chuyển biến tích cực nên đã không đáp ứng được kỳ vọng của Hội đồng quản trị.

In addition to the objective causes involving the land rent regulations, the investment attraction of the Company in 2016 fails to meet the expectation due to the limited, inefficient and not well-organized marketing activities. Despite the changes in PR and Marketing personnel, the business operations and investment attraction have not yet produced positive results and fails to meet the expectations of the Board of Directors.

1.2 Công tác xây dựng cơ bản **Basic construction**

Trong năm 2016, Công ty đã kết hợp với các đơn vị liên quan tập trung nỗ lực phấn đấu thực hiện Kế hoạch xây dựng cơ bản được Đại hội cổ đông đã đề ra bằng biện pháp tăng cường công tác quản lý điều hành, đảm bảo nguồn nhân lực có đủ trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng, kinh nghiệm điều hành xây dựng và trực tiếp thi công xây dựng theo phương châm tự thi công, tiết kiệm, tận dụng các nguồn nguyên liệu, vật tư sẵn có để giảm bớt chi phí thi công; nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng sản phẩm.

In 2016, the Company has coordinated with the associated units to focus on efforts to implement the basic construction plan set by the General Shareholders' Meeting by strengthening the management and operation, ensuring human resources to have sufficient technical expertise, skills and experience in operation, construction and directly executing construction with the motto of self-construction and thrift, making full use of available materials and resources to reduce expenditures, construction costs, and improve professionalism and product quality.

Trong năm đã hoàn thiện gần 18.000 m² nhà xưởng để bàn giao cho nhà đầu tư đi vào hoạt động, thực hiện thi công gần 20.000 m² hạ tầng đường, thực hiện đào và san lấp trên 85.000 m³ cho KCN Tân Đức giai đoạn 2, khu Ecity Tân Đức. Đặc biệt đã đưa vào sản xuất 400.000 viên gạch để phục vụ cho việc thi công xây dựng các công trình của Công ty và khách hàng nhằm chủ động về thời gian và chất lượng thi công các công trình.

During the year, nearly 18,000 m² of factories have been completed to be handed over to the investors; nearly 20,000 m² of road infrastructure has been constructed; 85,000 m³ of excavation and leveling for the phase 2 of Tan Duc Industrial Park, Tan Duc E.City have been completed; especially 400,000 bricks have been produced for construction works of the Company and customers to actively manage the time and quality.

Ngoài ra, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư bổ sung cơ sở hạ tầng, tạo cảnh quang ở tuyến đường phố đi bộ, Khu hồ Mặt trời, đại lộ Ecity để tổ chức Hội Xuân tết Đinh Dậu, tạo nơi vui xuân cho hàng ngàn công nhân và nhân dân địa phương, chuẩn bị cho chương trình giới thiệu chào bán sản phẩm Ecity Tân Đức trong giữa năm 2017. Tính đến 31/12/2016 tổng giá trị thi công đã thực hiện là khoảng 120 tỷ.

In addition, the Company continues to invest additional infrastructure, improving landscapes in walking streets, Sun Lake area, Ecity avenue to organize the Spring Festival for the Year of the Rooster, creating joyful atmosphere for thousands of workers and local people to prepare for the launching of Tan Duc E.City in mid-2017. As of December 31, 2016, the total value of construction has reached about 120 billion dong.

1.3 Tình hình tài chính/ tín dụng. Financial/Credit situation

Với chủ trương giảm nợ vay để giảm áp lực chi phí lãi vay, trong năm 2016 Công ty đã hoàn tất việc phát hành 100.038.758 cổ phiếu để căn trừ công nợ cho các đối tác/nhà đầu tư chiến lược. Đồng thời cũng thực hiện hoàn trả được trên 120 tỷ nợ vay cho các Ngân hàng và đang tiếp tục làm việc với một số Ngân hàng trong / ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn lãi suất thấp nhằm tái cấu trúc lại một số khoản vay trong thời gian tới.

With the aim of reducing debt to ease the pressure on interest costs, in 2016, the Company has completed the issue of 100,038,758 shares to offset the debt against strategic partners/investors. At the same time, the Company has also repaid more than VND 120 billion of loans to banks and has continued to work with some domestic and foreign banks to seek low interest loans to restructure some loans in the coming time.

Bên cạnh đó công tác kế toán cũng được tổ chức chuyên nghiệp hơn để đáp ứng yêu cầu trong việc quản lý nguồn thu cũng như việc cân đối nguồn chi cho phù hợp với yêu cầu thực tế, việc lập Báo cáo tài chính công bố thông tin luôn đảm bảo kịp thời theo đúng qui định. Cụ thể một số chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2016 như sau:

In addition, the accounting has been more professionally organized to meet the requirements of revenue management as well as to balance the income sources to satisfy the actual requirements; financial statements and information disclosure have always been timely made in compliance with the regulations. Some financial indicators of the Company for 2016 are specifically as follows:

► **Tình hình tài sản:** Tính đến 31/12/2016 tổng tài sản của Tập đoàn là 12.916 tỷ đồng. Trong đó tập trung chủ yếu vào các KCN, khu đô thị mà Tập đoàn đang đầu tư khai thác. Trong năm đã giảm tài sản dài hạn và tập trung đầu tư hạ tầng KCN Tân Đức 2 để phục vụ cho việc kinh doanh khai thác dẫn đến hàng tồn kho trong kỳ tăng lên.

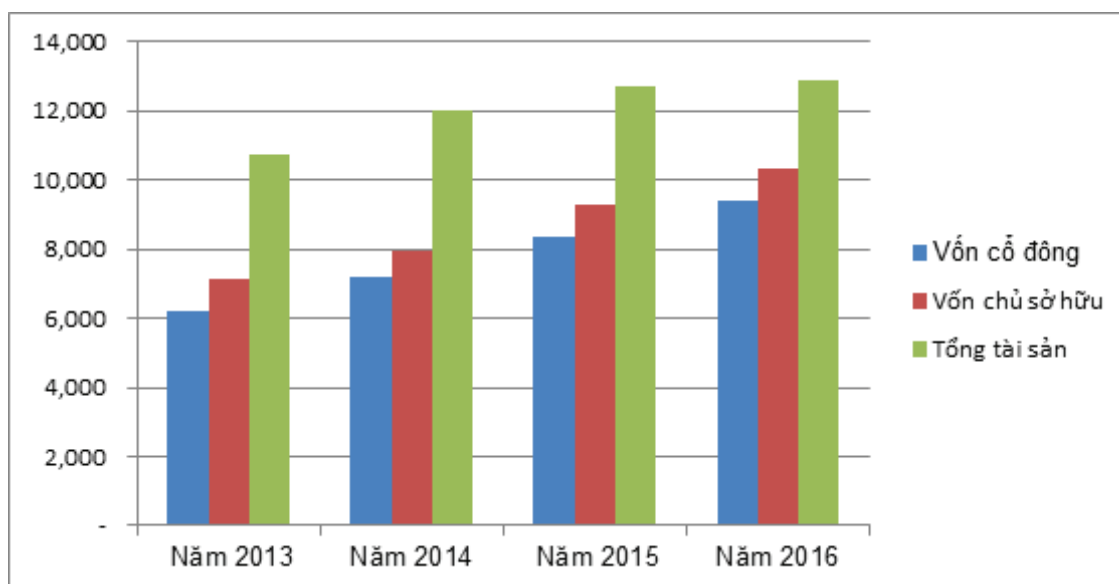
***Total Assets:** As of December 31, 2016, total assets of the Group were VND 12,916 billion. Its primary assets consist of industrial parks and urban areas which have been put into operation or is currently developed by the Group. During the year, we have reduced long-term assets and focused on investing in infrastructure of Tan Duc 2 Industrial Park to serve the business and operation which leads to an increase of inventories.*

► **Tình hình vốn chủ sở hữu:** Trong năm vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 1.039 tỷ trong đó chủ yếu từ việc phát hành căn trừ nợ cho các đối tác/nhà thầu chiến lược. Đến 31/12/2016 tổng lợi nhuận lũy kế + thặng dư vốn chưa chia là 873 tỷ.

Equity: During the year, the Company's equity has increased by VND 1,039 billion, mainly from the issue of shares to offset the debt against strategic partners/contractors. As of December 31, 2016, the total of accumulated profit and undistributed capital surplus is VND 873 billion.

Biểu đồ về tình hình tài sản và vốn chủ sở hữu qua các năm
 Chart of total assets and equity over the years

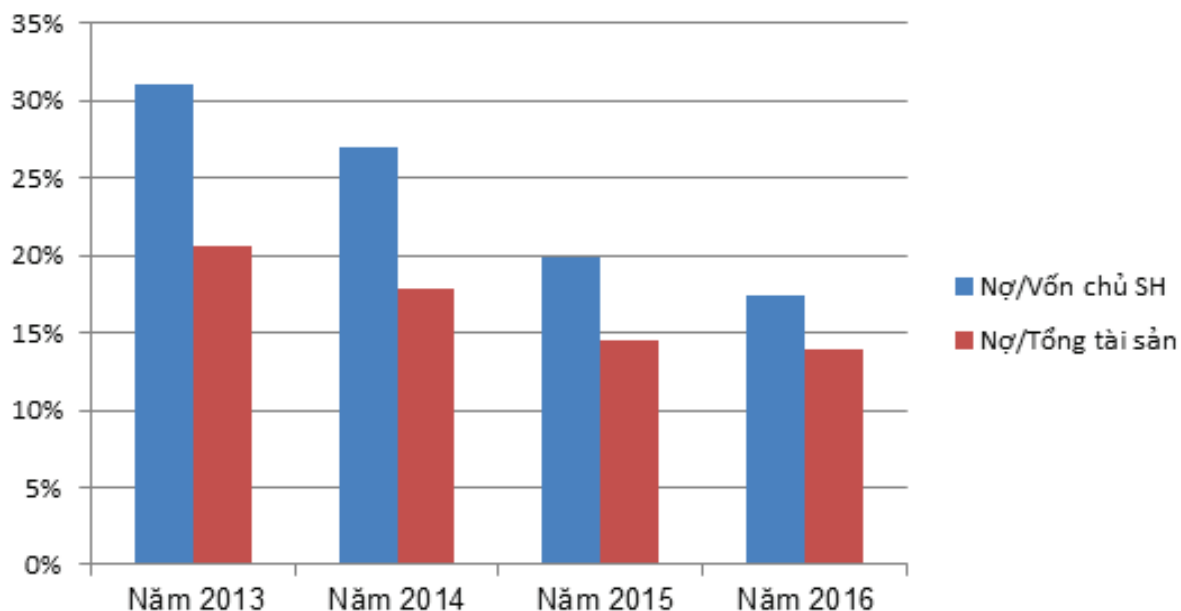
Đơn vị tính: Tỷ đồng
 Unit: Billion dong



► **Tình hình nợ phải trả:** Tại ngày 31/12/2016 nợ phải trả của Tập đoàn là 2.621 tỷ, giảm 863 tỷ so với đầu kỳ. Tuy nhiên chỉ các khoản mục vay và nợ các tổ chức tài chính, nợ nhà cung cấp mới được xem là nợ thực của Tập đoàn. Vì vậy tại ngày 31/12/2016 nợ thực của Tập đoàn là 1.914 tỷ chiếm 15% tổng tài sản và bằng 18,5% tổng vốn chủ sở hữu.

Accounts Payable: As at December 31, 2016, the Group's liabilities were VND 2,621 billion, a decrease of VND 863 billion compared to the beginning period. Nevertheless, only loans and debts owed to financial institutions and suppliers are considered to be the actual liabilities of the Group. As of December 31, 2016, the Group's net debt was VND 1,914 billion, representing 15% of total assets and 18.5% of total equity.

Biểu đồ về tỷ lệ Nợ/Vốn chủ SH và Nợ/Tổng tài sản qua các năm
 Chart of Debt to Equity Ratio and the Debt to Total Assets over years



1.4 Công tác nghiên cứu và phát triển dự án. Project research and development

Để chuẩn bị quỹ đất cho quá trình phát triển trong thời gian tới, Tập đoàn đã xin UBND Tỉnh Long An cho chủ trương lập dự án Quần thể KCN và Thành phố Khoa học Tân Tạo giai đoạn 1: 300 ha thuộc Huyện Bến Lức gần Khu Ecocity Tân Đức. Đến nay đã hoàn tất các hồ sơ pháp lý liên quan và sau khi có chấp thuận chủ trương sẽ tiến hành các bước quy hoạch, đền bù giải phóng mặt bằng trong thời gian tới.

In order to prepare the land bank for its expansion in the coming time, the Group has filed for in-principle approval of the Long An People's Committee to establish the Tan Tao Industrial Park and Science Township Project- Phase 1 with a total area of 300 ha in Ben Luc District, Tan Duc Ecocity. To date, the associated legal documents have been completed, and after receiving in-principle approval of the Province, the Group will carry out land clearance planning and compensation in the coming time.

Đối với dự án nhiệt điện Kiên Lương sau khi đã chính thức ký MOU với Tổng Cục năng lượng thì trong năm 2016, Tập đoàn đã đàm phán và gặp mặt trực tiếp nhiều đối tác nước. Hiện nay Ban lãnh đạo vẫn tiếp tục quá trình tìm kiếm và đàm phán với các đối tác để nhanh chóng đưa dự án vào triển khai. Ngoài ra trong năm 2016, Tân Tạo tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ pháp lý cho các dự án Tân Tạo Hanel, xin đăng ký khám chữa bệnh BHYT cho Bệnh Viện Tân Tạo, hoàn thiện hồ sơ xin mở ngành đào tạo thạc sĩ MBA và đăng ký hoạt động trung tâm khoa học Công nghệ cho Đại học Tân Tạo.

For Kien Luong thermal power project, after the MOU was officially signed between the General Energy Department of the Ministry of Industry and Trade and Tan Tao Energy Corporation in 2016, the Group conducted negotiation with leading foreign power developers. Currently, the leadership continues to seek and negotiate with foreign partners to soon put the project into operation. In addition, in 2016, Tan Tao continued to complete the legal documents for the Tan Tao Hanel project, to apply for health insurance coverage for Tan Tao Hospital, to complete the application for opening MBA program and to complete registration for the Science and Technology Center for Tan Tao University.

1.5 Công tác hành chính nhân sự, an ninh trật tự, quản lý môi trường và công tác xã hội. Human resource management, security and order, environmental management and social activity

- ▶ Về công tác hành chính nhân sự: Trong năm, Tập đoàn tiếp tục sắp xếp lại bộ máy quản lý, giảm nhân sự tại các đơn vị cho phù hợp với tình hình hoạt động. Tính đến cuối năm 2016, tổng số CB-CNV là 586 người, giảm 32 người so với năm 2015.

Personnel - Administration: During the year, the Group continued to restructure the management and cut staff at its subsidiaries in line with the operation situation. By the end of 2016, the number of employees is 586, down 32 from 2015.

- ▶ Công tác ANTT, PCCC được công ty quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, tăng cường công tác phối hợp diễn tập PCCC các Doanh nghiệp với các cơ quan chức năng tạo sự an tâm cho nhà đầu tư.

Order and Security: The Company has paid much attention to the fire protection and has strengthened coordination and fire protection training of companies with the authorities to create a safe environment for investors.

- ▶ Về công tác quản lý môi trường: Đảm bảo việc vận hành và quản lý các nhà máy xử lý nước thải luôn tuân thủ theo qui định của pháp luật. Phối hợp Ban Quản lý và các ngành chức năng tổ chức kiểm tra

môi trường các nhà máy đang hoạt động cũng như quan tâm hướng dẫn các Doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường để công tác bảo vệ môi trường KCN được thực hiện nghiêm túc.

Environmental management: The Company ensures that the operation and management of wastewater treatment plants are always in compliance with the laws. Closely coordinated with the authority and functional departments to inspect the environment of operating factories as well as instruct companies to strictly comply with the regulations on environmental management and protection so that the environmental protection in industrial parks is strictly implemented.

- ▶ Công tác xã hội: Công ty thường xuyên phối hợp cùng Công đoàn Ban Quản lý, Hiệp hội các Doanh nghiệp KCN và Thành Đoàn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, bán hàng bình ổn giá, tặng quà và vé xe cho công nhân về quê ăn tết... tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho công nhân làm việc, giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

Social Activity: The Company has regularly cooperated with the Labor Union of the Authority, the Association of Companies in the Industrial Park and the Youth Union to organize many cultural and artistic activities, selling price-stabilized goods, giving gifts and free bus tickets for workers on the Tet holiday... to create joyful and exciting atmosphere for workers and help companies to overcome difficulties.

II ĐÁNH GIÁ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ. EVALUATION OF IMPROVEMENTS ON ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICIES AND MANAGEMENT.

- ▶ Trong năm 2016, ITA đã bổ nhiệm thêm 01 phó tổng giám đốc thường trực là Ông Trần Hoàng Ân để kịp thời bổ sung nhân sự cho công tác quản lý điều hành. Đồng thời tổ chức tuyển dụng, điều chuyển và đào tạo nhân sự phù hợp với khả năng và phát huy được hiệu quả công việc.

In 2016, the Company appointed an additional Vice Standing President Mr. Tran Hoang An to timely supplement personnel for executive management. At the same time, the Company has carried out recruitment, transfer and training of personnel in line with the capacity to promote work efficiency.

- ▶ Tổ chức họp giao ban hàng tuần lãnh đạo các Công ty có liên quan để giải quyết kịp thời các vướng mắc khó khăn theo báo cáo nhanh của các công ty đã gửi, từ đó công việc triển khai đã đi vào giai đoạn ổn định.

The Company has held weekly briefing sessions of leaders of affiliated companies to timely resolve difficulties and issues according to their quick reports, which has led to the effective and sustainable implementation of tasks.

- ▶ Duy trì và thực hiện nghiêm túc công tác quản trị thông tin, báo cáo hàng tuần và những vấn đề đột xuất ở các phòng ban kịp thời đến Ban tổng giám đốc và HĐQT.

The Company has continued to strictly carry out information management, weekly reports and timely report unexpected issues in the departments to the Board of Directors and the Board of Management.

- ▶ Phân công nhân sự, giao trách nhiệm cụ thể để phối hợp chặt chẽ giữa Ita và các công ty con, công ty liên kết.

The Company has made appointments, and has assigned specific responsibility for close coordination between the Company and its subsidiaries and affiliated companies.

III KẾ HOẠCH KINH DOANH 2017 BUSINESS PLAN FOR 2017

Dự kiến năm 2017 tình hình kinh tế xã hội sẽ có tiến triển tốt hơn, sau khi Chính phủ ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định 135 bổ sung về chính sách tiền thuê đất trả một lần cho các Công ty kinh doanh phát triển hạ tầng KCN sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư vào các KCN. Khi đó Tập đoàn vẫn đón dòng vốn đầu tư với chiều hướng tích cực bằng việc tiếp tục tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn 2 và xây dựng thêm nhà xưởng để sẵn sàng thu hút nhà đầu tư, triển khai dự án quần thể KCN và Thành phố Tân Tạo giai đoạn 1 để chuẩn bị quỹ đất cho tương lai. Mục tiêu và biện pháp thực hiện kế hoạch như sau:

It is expected that the socio-economic situation will improve in 2017 after the Government issued a circular guiding Decree No. 135 of supplementing the one-off land rental payment policy for industrial park infrastructure developers, which will create favorable conditions for attracting investment into industrial parks. Accordingly, the Group carries on receive strong investment inflows with a continued focus on investing in the infrastructure of Tan Duc Industrial Park phase 2 and building additional factories to attract investors, deploying Tan Tao Industrial Park and Township Project – Phase 1 to to prepare the land bank in the future. The objectives and measures for implementing the plan are as follows:

3.1 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2017 Indicators of the Business Plan for 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng
Unit: Million dong

Chỉ tiêu/Indicators	Kế hoạch 2017/ Plan for 2017	Ghi chú/ Note
Tổng doanh thu & thu nhập/ Total revenue & income	880.366	
+ Doanh thu cho thuê đất+nhà xưởng Revenue from leasing land and factories	687.100	
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ Revenue from providing services	73.266	
+ Doanh thu tài chính/Financial revenue	115.000	
Lợi nhuận sau thuế/After-tax profit	309.200	
Cổ tức/Dividend	7%	
Vốn chủ sở hữu cuối kỳ/ Equity at the ending period	10.402.439	
+ Vốn cổ phần/Shareholding capital	9.853.868	
+ Lợi nhuận lũy kế + thặng dư/Accumulated profit + Surplus	539.571	
Tổng tài sản cuối kỳ Total assets at the ending period	13.177.251	
+ Tài sản ngắn hạn/Current assets	7.641.139	
+ Tài sản dài hạn/Long-term assets	5.536.112	

3.2 Các biện pháp thực hiện/Implementation measures

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và nguồn vốn trả nợ ngân hàng cũng như đầu tư các dự án, Công ty đưa ra các biện pháp thực hiện như sau:

In order to the planned targets of revenue, profit and loan repayment as well as project investment, the Company has implemented the following measures:

► Kế hoạch thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị.

Plan for investment attraction, sales and marketing.

- Năm 2017 Ban TGD sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu tiếp cận với những khách hàng cũ cũng như tích cực đáp ứng yêu cầu của những khách hàng mới đã đến khảo sát, làm việc nhằm nhanh chóng ký kết hợp đồng. Cụ thể trong tháng 12/2016, Ban giám đốc đã làm việc với một tập đoàn lớn dự kiến sẽ thuê 8 ha tại KCN Tân Tạo để mở rộng quy mô sản xuất và 2 bên đã thống nhất cơ bản các điều kiện để chuẩn bị đi đến ký kết hợp đồng trong Quý 2/2017.

In 2017, the Board of Directors will continue to pursue the objective of retaining the existing customers as well as actively meeting the requirements of new customers who has conducted surveys and working visits to quickly conclude the agreements. Particularly in December 2016, the Board of Directors had working sessions with a large corporation to lease 8 ha in Tan Tao Industrial Park to expand its production. Two sides basically agreed on the conditions in preparation for signing the agreement in the second quarter of 2017.

- Lên kế hoạch tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư ở một số thị trường quan trọng như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông... đồng thời giao cho Ban kinh doanh tiếp thị thiết lập các mạng lưới khách hàng mới được hưởng lợi từ những hiệp định được ký kết.

To make plans to hold investment promotion programs in important markets such as Korea, Japan and Hong Kong ... and to assign the marketing division to create new customer networks who benefit from the signed trade agreements.

- Hoàn tất công tác tổ chức launching bán nhà tại khu Tài Lộc, Hạnh Phúc của khu Ecity Tân Đức để đẩy nhanh doanh thu bán nhà/căn hộ trong năm 2017.

To complete the launching of the sale of Fortune, Happiness houses in Tan Duc Ecity to increase the sales of houses and apartments in 2017.

► Kế hoạch xây dựng cơ bản.

Basic construction plan

- Để đáp ứng kịp thời nhu cầu thu hút đầu tư trong tình hình mới, trong năm 2017 Công ty sẽ tiếp tục tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn II, xây dựng thêm mới 20.000 m² nhà xưởng KCN Tân Đức để bán và cho thuê.

In order to timely meet new investment demand in 2017, the Company will continue to invest in the infrastructure of Tan Duc Industrial Park – Phase 2, building additional 20,000 m² of factories in Tan Duc IP for sale and for rent.

- Xây dựng hoàn thiện Khu nhà phố 36 căn liền kề, Biệt thự Tài Lộc và Hạnh Phúc tại Khu đô thị E.City Tân Đức theo tiến độ khách hàng đăng ký mua và kế hoạch giới thiệu chào bán sản phẩm trong năm.

To complete construction of 36 townhouses, Fortune Villa and Happy Villa in Tan Duc E.city according to the progress of customers' purchase registration and the launching program during the year.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Tân Đức giai đoạn 2 để thu tiền và giao đất cho các hộ dân.

To continue to invest in completing the infrastructure of the second phase of Tan Duc Resettlement Area to collect funds and allocate land to households.

- Tiếp tục hoàn thiện 2 block chung cư Tân Đức Plaza 5 tầng tại KCN Tân Đức để phục vụ nhu cầu của sinh viên và công nhân.

To continue to complete two blocks of the five-storey Tan Duc Plaza in Tan Duc Industrial Park to serve the needs of students and workers.

► **Công tác tài chính kế toán**
Accounting and financial activity

- Tìm kiếm, thiết lập các mối quan hệ với các tổ chức, các quỹ đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính để tiến hành hợp tác triển khai hoặc thoái vốn tại một số dự án nhằm tập trung vốn trả nợ ngân hàng, đầu tư dự án kinh doanh trọng điểm như KCN Tân Đức giai đoạn 2, khu Ecity Tân Đức, thành phố khoa học Tân Tạo giai đoạn 1 (Sài Gòn Mekong).

To seek and establish relationships with foreign organizations and funds with financial capability to collaborate, jointly develop or divest from several projects to mobilize funds for loan repayment, to invest in main projects including Tan Duc Industrial Park - Phase 2, Tan Duc Ecity, Tan Tao Science City - Phase 1 (Sai Gon Mekong).

- Tiếp tục làm việc với các ngân hàng nước ngoài để thực hiện vay vốn tái cấu trúc nợ với lãi suất thấp để giảm áp lực trả nợ trong thời gian tới cũng như giảm chi phí tài chính cho Công ty.

To continue to work with foreign banks to restructure loans with low interest rate to ease the debt repayment pressure in the future as well as reduce financial costs for the Company.

- Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, quản lý nguồn vốn theo kế hoạch và mang lại hiệu quả cao.

To carry out management cost savings, planned an effective capital management.

► **Công tác nghiên cứu và phát triển dự án:**
Project research and development

- Tập trung hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ pháp lý dự án Quần thể KCN và Thành phố Tân Tạo để chuẩn bị quỹ đất phục vụ cho quá trình phát triển của Tập đoàn.

To focus on completing legal procedures and legal documents of Tan Tao Industrial Park and Township Complex to prepare the land bank for the development of the Group.

- Đối với dự án Kiên Lương sẽ tiếp tục làm việc để chốt được đối tác và hoàn tất Báo cáo nghiên cứu khả thi để cùng phối hợp với các Bộ ngành liên quan làm rõ trước khi được phê duyệt trong năm 2017.

For the Kien Luong Thermal Power Project, the Company will continue to work with investors and complete the Feasibility Study, and coordinate with relevant ministries to make clarification before obtaining approval in 2017.

- Tiếp tục lập hồ sơ xin mở các mã ngành Khoa Nha và Răng – Hàm – Mặt cho Khoa Y của Trường Đại học Tân Tạo, xin phép mở phòng khám đa khoa tại KCN Tân Tạo cho Bệnh viện Tân Tạo và hoàn thành thủ tục đất đai (sổ đỏ) để xin giấy phép xây dựng sau đó sẽ nộp hồ sơ xin phép thành lập Trường tiểu học – Trung học chất lượng cao Tân Tạo.

To continue to apply for the opening of the Odonto-Stomalogy Major for the School of Medicine of Tan Tao University; to apply for opening a clinic of Tan Tao Hospital in Tan Tao Industrial Park and to complete land procedures (red book) to apply for a building permit, and will then apply for permit to establish high-quality Tan Tao Primary and Secondary School.

**► Công tác tổ chức hành chính:
Administration and personnel**

- Có kế hoạch tuyển dụng nhân sự cao cấp từ các tập đoàn lớn để nâng cao hoạt động đào tạo nội bộ, nâng cao vai trò quan hệ đầu tư để phục vụ cho thời kỳ phát triển các dự án của Tập đoàn.

To plan recruitment of senior staff from large corporations to improve internal training, enhance the role of investment relations to serve the development of projects of the Group.

- Tổ chức phong trào thi đua đoàn kết, sáng tạo phát huy tính năng động để hoàn thành kế hoạch năm 2017.

To hold the movements of emulation, unity and creativity to promote dynamism to complete the 2017 plan.



Bệnh viện đa khoa Tân Tạo
Tan Tao General Hospital



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

SUPERVISORY BOARD REPORT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2017
Ho Chi Minh City, June 26th, 2017

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT SUPERVISORY BOARD REPORT

(Cho năm tài chính 2016, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017)
(For fiscal year 2016 at the 2017 Annual General Shareholders' Meeting)

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông
Dear Shareholders

Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo xin báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2016 như sau:

The Inspection Committee of Tan Tao Investment & Industry Corporation would like to report to the General Shareholders Meeting the inspection and supervision results of the Company operations in 2016 as follows:

1. Đánh giá về việc tuân thủ pháp luật và thực hiện quy chế quản trị nội bộ Công ty:
Evaluation of compliance to the law and implementation of Company's internal management regulations

- Hội đồng quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc ("TGD") đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), ban Ban TGD và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

The Board of Management ("BOM") and the Board of Directors ("BOD") have fully complied with the legal regulations on administrative management and transaction. The members of the BOM, the BOD and managerial staffs have exercised the assigned powers and duties according to the regulations of the Enterprise Law, the Company's Charter and the Resolution of the General Shareholders Meeting.

- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

The meetings of the BOM have been convened and organized in compliance with the Enterprise Law, the Company's Charter and Regulations on structure and operation of the BOM.

- Các Biên bản họp của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp.

The meeting minutes of the BOM include all signatures of participating members.

- Các nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp HĐQT hoặc biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ của Công ty. Nội dung đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2016 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD.

The resolutions of the BOM are validly promulgated based on the meeting minutes of the BOM or written opinion statements of members of the BOM and in conformity with the Enterprise Law and the Company's Charter. The contents on implementation of resolutions of the 2016 General Shareholders' Meeting have been timely issued, fulfilling the administrative functions of the BOM whilst satisfying the management requests of the BOD in business and production operation.

- Các Quyết định của ban TGD đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban TGD đều được ban hành sau khi Ban TGD trình HĐQT đã được HĐQT phê duyệt.

The decisions of the BOD have been legally and timely issued with relevant powers; all decisions exceeding the powers of the BOD have been issued only after having them submitted to and receiving the approval from the BOM.

- Các Hợp đồng Kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2016 đều được giao kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi Công ty và cổ đông.

The important economic contracts of the Company in 2016 have been legally formulated to guarantee the interests of the Company and its shareholders.

- Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của Pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty cổ phần đại chúng và công ty niêm yết.

The Company has fully and earnestly complied with the laws and regulations of the Stock Exchange on information announcement of public joint stock companies and listed companies

2. Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty:

Business, production and financial situation of the Company

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

The financial statement has reflected faithfully and properly the financial aspects of the Company as of December 31st, 2016; the business and production results and the cash flow for the fiscal year within the same period, and in accordance with the standards and current corporate accounting regime of Vietnam and related legal regulations.

Năm 2016 đã khép lại và được đánh giá là bối cảnh thị trường toàn cầu với nhiều bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng, phục hồi chậm thậm chí là giảm sút, những dấu mốc quan trọng tạo ra những bất ổn là sự kiện Brexit và Donald Trump được bầu làm Tổng thống Mỹ. Nửa đầu năm 2016 Kinh tế Mỹ sụt giảm, và có dấu hiệu hồi phục ở nửa sau của năm, Nhật Bản vật lộn với tình trạng giảm phát trong khi Kinh tế Trung Quốc được đánh giá là tiếp tục hạ cánh mềm, kinh tế khối EU có những dấu hiệu thoát đáy... tạo nên những thời điểm khiến thị trường tài chính thế giới chao đảo nhưng sau đó đã hồi phục trở lại.

The year 2016 is considered as the year that the world & the country's economy show the sign of recovery after a long period of global recession, but recovery sign is still in the beginning stage and

progresses are still slow; enterprises continue to face many difficulties in production and business activities as well as access to credit source for production and business did not really make the push to the business community.

Trong bối cảnh đó thì Việt Nam cũng bị ảnh hưởng ít nhiều, các doanh nghiệp vẫn tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh cũng chưa thật sự tạo cú hích cho cộng đồng doanh nghiệp dù đã có nhiều chuyển biến tích cực so với năm 2015.

In that context, Viet Nam is also effected more or less, businesses continued to face many difficulties in production and business activities, comparing to 2015, accessing to credit sources with much positive change for production and business did not perform well to stimulate and enable the business community.

Trong bối cảnh chung đó, HĐQT đã có những chính sách điều chỉnh kịp thời, tạo điều kiện cho Ban TGD Công ty điều hành kinh doanh phù hợp với những biến động của thị trường. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh thu được không khả quan như nhiệm vụ kế hoạch về Doanh thu và Lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông năm 2015 giao mặc dù Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp cắt giảm chi phí hoạt động, thay đổi và bổ sung nhân sự tiếp thị và kinh doanh, tăng cường các công tác hỗ trợ và chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện hữu và tăng cường các dịch vụ gia tăng mới để thu hút khách hàng mới đầu tư vào các Khu công nghiệp Tân Tạo và Tân Đức thông qua việc thuê lại đất hoặc xưởng cũng như thuê và mua căn hộ tại các công trình nhà ở của Tập đoàn như Tân Tạo Plaza, Tân Đức Star, Tân Đức Plaza..., phát hành cổ phiếu để cản trở công nợ cho những đối tác và nhà đầu tư chiến lược, tăng cường công tác thu hồi công nợ, tích cực trả nợ, tái cơ cấu lại thời gian trả nợ cũng như tìm các nguồn vay chi phí thấp để tái cơ cấu các khoản vay làm giảm áp lực lên dòng tiền hoạt động... Đây là những giải pháp kịp thời nhằm đảm bảo nguồn thu để cân đối trả nợ vay ngân hàng, các khoản phải trả, tạo nguồn để tiếp tục thực hiện các dự án theo kế hoạch, tiết kiệm được chi phí tài chính nhưng cũng đảm bảo sự vận hành ổn định của Công ty cũng như chuẩn bị nguồn lực cho kế hoạch kinh doanh cho năm 2017.

In that general context, the BOM has made timely adjustment policies, enabling the Board of Executive Directors of the Company to conduct business in accordance with the fluctuations of the market. However, the results of the business had achieved not good results and uncompleted the mission plan for revenue and profit as set by the General Meeting of Shareholders 2015, even the Board of Management and the Board of Executive Directors have focused on implementing solutions that reduce operating costs; change and add Sales & Marketing personnel, strengthen support and customer care; improve the quality of existing services and enhance services as well as new value-added services; to attract new customers to invest in the Tan Tao and Tan Duc Industrial Park through the lease of land or factories; as well as rent and buy apartments in residential buildings of the group as Tan Tao Plaza, Tan Duc Star, Tan Duc Plaza.... to issue share to offset the debt with strategic partners and investors, strengthening collect receivables, pay loan strongly, restructure payment terms and seek low interest in order to restructure the loan and reduce pressure on operating cash flow ... These are timely solutions to ensure revenues to balance with the repayment of bank loans, accounts payable, create resources to implement projects according to plan, save the financial costs but also ensure the stable operation of the company as well as resources for preparing business plans for 2016.

3. Đánh giá chung:

Trong năm 2016 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo các mặt hoạt động của Công ty nhưng vẫn tiếp tục chưa đáp ứng được hết mong mỏi của Cổ đông và vẫn còn các tồn tại cần khắc phục như sau:

In 2016, the Board of Management and the Board of Directors have successfully managed and developed the Company but still not meet all the expectation of shareholders and there are still drawbacks to overcome as follows:

- Cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động nghiên cứu thị trường và giới thiệu hình ảnh của Công ty phục vụ cho công tác thu hút các nhà đầu tư tìm đến đầu tư, kinh doanh và hợp tác với Tập đoàn.

To promote stronger market research and introducing the image of the Company in order to attract investors to invest, do business and cooperate with the Group.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hơn nữa về tổ chức hoạt động và nhân sự marketing, bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Continue to develop and further improve the Operational & Sales - Marketing activities to further improve the efficiency of the business of the Group.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích khả năng sáng tạo, các sáng kiến mới, các đóng góp xây dựng để phát huy hiệu quả hơn nữa công tác quản lý và vận hành Công ty.

Continue to develop and improve the timeliness of reward policy to encourage creativity, new initiatives, and constructive contribution to promote more efficient management and operation of the Company.

- Tiếp tục xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ quản lý từ cấp thấp đến cấp cao, thu hút nhân tài để bổ sung cho bộ máy hiện tại để chuẩn bị cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.

Continue to build, train the management team from low level to high level; to attract talent to complement existing apparatus in preparing a roadmap for each future development stage.

- Tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ nhằm phục vụ tốt hơn nữa cho các nhà đầu tư hiện hữu tạo tiền đề cũng như là tư liệu tham khảo cho các nhà đầu tư/khách hàng mới

Further improve the quality of supporting services in order to serve better for existing investors as well as paving the references for new investors / customers;

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Rất mong được sự góp ý chân thành của quý vị đại biểu, quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong niên độ tới.

The above content is obtained through the supervision and monitoring of the Supervisory Board, to submit to the General Shareholders Meeting. We wish to receive sincere observations and contributions from the shareholders to better understand and fulfill our duty in the next term.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty đã tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

On behalf of the Supervisory Board, I would like to gratefully present thanks to the BOM, the BOD, and different departments of the Company for their cooperation in helping us to fulfill our duties.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp
Best wishes for a successful General Shareholders' Meeting

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
HEAD OF SUPERVISORY BOARD



Đỗ Tuấn Cường



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E&Y

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin chung

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Tập đoàn xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; và kinh doanh nhà ở (xây dựng và sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Công ty có trụ sở chính tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên độc lập	
Ông Trần Đình Hưng	Thành viên	
Ông Huỳnh Hồ	Thành viên	
Ông Trần Hoàng Ân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016
Ông Thái Văn Mến	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Tuấn Cường	Trưởng ban
Bà Lê Thị Phương Chi	Thành viên
Ông Võ Tấn Phong	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Thái Văn Mến	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Đình Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Quang Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2017
Ông Trần Hoàng Ân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Thái Văn Mến.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Đặng Thị Hoàng Yến
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y / CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT BY E & Y

tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập với giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã trình bày các khoản vay với tổng giá trị là 1.492.313.709.921 VND, trong đó 162.738.249.091 VND đã quá hạn thanh toán trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 285.028.339.188 VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 28 của báo cáo tài chính hợp nhất. Hiện tại, Tập đoàn được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và cho khách hàng thuê lại bao gồm Khu Công nghiệp Tân Tạo và Khu Công nghiệp Tân Đức. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu một lần cho toàn bộ thời gian cho thuê lại đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo – Khu Mở Rộng trên tổng diện tích là 919.383 m² và Khu Công nghiệp Tân Đức trên tổng diện tích là 1.674.296 m², cũng như xác định giá vốn tương ứng bao gồm tiền thuê đất phải trả dựa trên đơn giá thuê đất ước tính theo hợp đồng thuê đất hàng năm và các phụ lục hợp đồng liên quan đã được ký kết với Cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm ghi nhận doanh thu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã trích trước tiền thuê đất cho phần diện tích đất này là 27.045.609.235 VND, căn cứ vào các hợp đồng thuê đất và các phụ lục đã ký.

Theo Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội ban hành vào ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các nghị định hướng dẫn, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước một lần cho toàn bộ thời gian thuê của diện tích đất đã được cho thuê lại nêu trên theo đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần mà số tiền này có thể chênh lệch với số tiền đã được Tập đoàn đã trích trước.

Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan Nhà nước để xác định tiền thuê đất phải nộp cho diện đất đã được cho thuê lại nêu trên. Ban Tổng Giám đốc cũng đã nộp các hồ sơ cần thiết đến các cơ quan Nhà nước và đang chờ phản hồi từ các cơ quan này về các vấn đề trên. Kết quả sau cùng hiện chưa xác định được.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2014-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT / vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.438.914.423.005	5.327.060.136.759
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	26.525.394.919	38.197.437.955
111	1. Tiền		26.525.394.919	8.197.437.955
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	8.005.000.321	25.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.005.000.321	25.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.951.234.217.981	1.889.094.020.494
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	528.365.202.139	502.498.491.486
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	426.845.219.050	473.509.076.261
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.031.148.297.304	930.018.473.750
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 7	(35.124.500.512)	(16.932.021.003)
140	IV. Hàng tồn kho	8	3.452.738.016.279	3.374.294.497.963
141	1. Hàng tồn kho		3.452.738.016.279	3.374.294.497.963
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		411.793.505	474.180.347
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		356.487.586	16.042.446
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		55.305.919	458.137.901

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.478.075.993.448	7.413.629.626.738
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.322.834.993.801	2.383.042.901.334
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	1.649.928.887.816	1.710.495.765.285
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	672.906.105.985	672.547.136.049
220	II. Tài sản cố định		70.961.338.783	76.628.135.404
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.332.993.151	60.644.553.394
222	Nguyên giá		137.059.907.807	136.610.156.615
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(81.726.914.656)	(75.965.603.221)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	15.628.345.632	15.983.582.010
228	Nguyên giá		20.992.324.940	20.992.324.940
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.363.979.308)	(5.008.742.930)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	511.506.989.427	468.837.328.289
231	1. Nguyên giá		599.481.950.825	534.894.793.334
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(87.974.961.398)	(66.057.465.045)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.437.663.520.641	1.365.740.245.132
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	13.1	1.368.224.315.891	1.324.943.214.466
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.2	69.439.204.750	40.797.030.666
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	3.128.049.954.998	3.115.953.932.230
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		418.044.620.514	384.008.514.204
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.858.978.224.898	2.857.903.224.898
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(148.972.890.414)	(125.957.806.872)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.059.195.798	3.427.084.349
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.059.195.798	3.427.084.349
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.916.990.416.453	12.740.689.763.497

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại – Thuyết minh số 30)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.621.095.621.532	3.484.406.597.451
310	I. Nợ ngắn hạn		1.282.952.107.299	1.939.203.356.643
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	111.716.612.792	109.440.697.226
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	122.184.366.699	71.515.440.065
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	98.443.521.444	99.064.187.950
314	4. Phải trả người lao động		5.398.876.446	3.951.036.749
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	335.594.525.234	305.284.385.566
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.052.274.496	1.861.980.871
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	158.717.171.909	1.067.624.603.278
320	8. Vay ngắn hạn	19	447.766.588.279	280.382.854.938
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		78.170.000	78.170.000
330	II. Nợ dài hạn		1.338.143.514.233	1.545.203.240.808
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	122.771.107.738	78.242.128.651
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	78.407.687.125	46.414.868.160
338	3. Vay dài hạn	19	1.044.547.121.642	1.312.787.679.718
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	90.805.484.147	105.989.199.798
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		1.612.113.581	1.769.364.481
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.295.894.794.921	9.256.283.166.046
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.295.894.794.921	9.256.283.166.046
411	1. Vốn cổ phần	20.1	9.384.636.070.000	8.384.248.490.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.384.636.070.000	8.384.248.490.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	307.376.827.511	307.376.827.511
415	3. Cổ phiếu quỹ	20.1	(3.673.910.000)	(3.673.910.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	9.154.986.000	9.154.986.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	566.309.426.194	528.073.799.952
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		528.073.799.952	413.687.200.633
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		38.235.626.242	114.386.599.319
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		32.091.395.216	31.102.972.583
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.916.990.416.453	12.740.689.763.497

Trần Hữu Phước
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Viết Đoàn
Kế toán trưởng

Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	311.098.727.616	846.184.439.403
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(67.846.215.360)	(104.997.255.426)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	243.252.512.256	741.187.183.977
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(130.636.814.780)	(429.665.921.914)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.615.697.476	311.521.262.063
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	79.069.625.286	339.951.314.269
22	7. Chi phí tài chính	23	(95.265.413.182)	(421.591.746.707)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(72.224.141.941)	(88.459.931.006)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(1.771.144.535)	(7.049.828.579)
25	9. Chi phí bán hàng		(844.660.732)	(2.218.939.452)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(65.817.465.777)	(71.260.702.788)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.986.638.536	149.351.358.806
31	12. Thu nhập khác	25	16.946.974.477	9.315.513.031
32	13. Chi phí khác	25	(10.006.470.666)	(6.470.899.797)
40	14. Lợi nhuận khác		6.940.503.811	2.844.613.234
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.927.142.347	152.195.972.040
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(10.886.809.123)	(8.022.595.127)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.1	15.183.715.651	(7.698.435.976)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		39.224.048.875	136.474.940.937
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ		38.235.626.242	136.186.504.868
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		988.422.633	288.436.069
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	43	166
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	43	166

Trần Hữu Phước
Người lập

Nguyễn Viết Đoàn
Kế toán trưởng

Thái Văn Mên
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.927.142.347	152.195.972.040
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	9, 10, 11	28.422.292.974	23.674.250.296
03	Các khoản dự phòng		41.050.312.151	81.262.742.869
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.2	(2.948.197.021)	(11.183.370.582)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(76.095.713.513)	(319.248.229.611)
06	Chi phí lãi vay	23	72.224.141.941	88.459.931.006
	Chi phí tài chính khác		-	258.069.363.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		97.579.978.879	273.230.659.018
09	Tăng các khoản phải thu		(20.402.091.004)	(307.945.631.477)
10	Tăng hàng tồn kho		(96.080.097.998)	(488.469.761.825)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		202.886.658.805	(144.685.766.534)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.972.556.589)	4.462.530.027
14	Tiền lãi vay đã trả		(101.654.780.579)	(211.797.858.867)
	Tiền chi phí tài chính khác đã trả		-	(181.105.263.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(10.616.905.548)	(731.157.681)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		67.740.205.966	(1.057.042.250.339)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(9.480.174.084)	(3.654.411.538)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	2.600.000.000
23	Tiền chi cho vay		-	(170.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		16.994.999.679	145.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(35.111.106.310)	(2.020.894.815)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	218.587.600.784
27	Cổ tức và tiền lãi nhận được		2.935.002.262	157.782.548.790
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(24.661.278.453)	348.294.843.221

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Nhận chi viện đặc biệt		-	1.000.387.597.000
	Nhận (chi) tạm ứng kinh doanh thuần		46.105.854.186	(51.533.453.669)
33	Tiền thu từ đi vay	19	43.098.851.074	97.642.571.591
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(143.955.675.809)	(348.210.693.783)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(54.750.970.549)	698.286.021.139
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(11.672.043.036)	(10.461.385.979)
60	Tiền đầu năm		38.197.437.955	48.658.823.934
70	Tiền cuối năm	4	26.525.394.919	38.197.437.955

Trần Hữu Phước
Người lập

Nguyễn Viết Đoàn
Kế toán trưởng



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động đăng ký của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Tập đoàn xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; và kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Công ty có trụ sở chính tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 592 (31 tháng 12 năm 2015: 638).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 6 công ty con sau đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

► **Công ty TNHH Khai thác Dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo (“TASERCO”)**

Công ty này là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4104000027 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2001, và các GCNĐKKD điều chỉnh. TASERCO có trụ sở chính tại Lô 60A, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của TASERCO là mua, bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, nhà kho; sửa chữa nhà xưởng, văn phòng, nhà ở.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong công ty này (31 tháng 12 năm 2015: 100%).

► **Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức (“TAD”)**

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5003000109 do SKHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2005, và các GCNĐKKD điều chỉnh. TAD có trụ sở chính tại Lô 8, Khu Công Nghiệp Tân Đức, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của TAD là đầu tư, xây

dựng và phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, bến cảng và cung cấp các dịch vụ phụ trợ; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, văn phòng, khách sạn, nhà hàng và trung tâm thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 98,5% phần vốn chủ sở hữu và 98,5% quyền biểu quyết trong công ty này (31 tháng 12 năm 2015: 98,5%).

► **Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo (“ITATRANS”)**

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000408 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2001, và các GCNĐKKD điều chỉnh. ITATRANS có trụ sở chính tại Lô 21, Đường 1, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của ITATRANS là giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường bộ; đại lý giao nhận hàng xuất nhập khẩu bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ; cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 94,5% phần vốn chủ sở hữu và 94,5% quyền biểu quyết trong công ty này (31 tháng 12 năm 2015: 94,5%).

► **Công ty Cổ phần Bàu trời Tân Tạo Mê Kông (“MKS”)**

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh. MKS có trụ sở chính tại Lô 117-119 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của MKS là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 51% phần vốn chủ sở hữu và 51% quyền biểu quyết trong công ty này (31 tháng 12 năm 2015: 51%).

► **Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Đô Thị Tân Tạo Mê Kông (“MKC”)**

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010034 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh. MKC có trụ sở chính tại Số 4/6 Nguyễn Văn Lượng, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của MKC là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 51% phần vốn chủ sở hữu và 51% quyền biểu quyết trong công ty này (31 tháng 12 năm 2015: 51%).

► **Công ty Cổ phần Bờ Biển Dài Tân Tạo (“LB”)**

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1701391473 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh. LB có trụ sở chính tại Số 24, Đường Trần Hưng Đạo, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của LB là kinh doanh dịch vụ nhà hàng và khách sạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 60% phần vốn chủ sở hữu và 60% quyền biểu quyết trong công ty này (31 tháng 12 năm 2015: 60%).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Giả định về hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã trình bày các khoản vay phải trả trị giá 1.492.313.709.921 VND, trong đó 162.738.249.091 VND đã quá hạn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 285.028.339.188 VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh số 19). Ngoài ra, doanh thu từ việc cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng khu công nghiệp của Tập đoàn đã sụt giảm trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do việc Tập đoàn vẫn đang trong quá trình xác định đơn giá cho thuê lại đất do sự thay đổi của luật đất đai.

Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phụ thuộc vào khả năng Tập đoàn thu xếp được các dòng tiền trong tương lai để hoàn trả các khoản vay khi đến hạn thanh toán, và đạt được các thỏa thuận với các ngân hàng để tái cơ cấu các khoản vay hiện tại và gia hạn thời gian thanh toán các khoản nợ quá hạn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã xin được sự phê duyệt của các Ngân hàng cho việc gia hạn thời hạn thanh toán cho các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc cũng đang trong quá trình trao đổi với các cơ quan Nhà nước để xin hướng dẫn và ý kiến cuối cùng cho khoản tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước liên quan đến đất được cho thuê lại mà theo đó, Tập đoàn có thể xác định đơn giá cho thuê và ký kết các hợp đồng cho thuê lại đất trong năm 2017. Ban Tổng Giám đốc cũng đã lập kế hoạch dòng tiền mà dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động cho thuê lại đất và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn để Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu bao gồm là đất đai, nhà xưởng trong các khu công nghiệp, nhà ở, căn hộ trong các khu đô thị và các tài sản của các dự án bất động sản khác đã hoàn thành, được

mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 47 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao và hao mòn mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	36 - 39 năm
Nhà cửa và nhà xưởng	20 - 37 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.7 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phân

ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ phát sinh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Thuê tài sản

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Tập đoàn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết

quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn trước được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cho thuê đất khu công nghiệp đã phát triển cơ sở hạ tầng

Doanh thu từ cho thuê đất khu công nghiệp đã phát triển cơ sở hạ tầng được ghi nhận một lần

đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản;
- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Tập đoàn phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu kinh doanh phân lô bán nền

Doanh thu được ghi nhận khi đã chuyển giao nền đất cho khách hàng khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Hợp đồng không hủy ngang;
- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất; và
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

Doanh thu từ cho thuê hoạt động

Doanh thu từ cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	383.988.541	224.398.366
Tiền gửi ngân hàng	26.141.406.378	7.973.039.589
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>26.525.394.919</u>	<u>38.197.437.955</u>

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn sáu (6) tháng bằng VND tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 5,1%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	528.365.202.139	502.498.491.486
Bên liên quan	251.637.400.086	264.010.471.868
Bên khác, trong đó:	276.727.802.053	238.488.019.618
- Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Tân Đức	92.936.417.600	91.549.915.467
- Phải thu khách hàng khu tái định cư	43.166.801.905	37.835.671.649
- Công ty Cổ Phần Sửa Công Nghệ Cao Việt Nam - US	20.519.951.001	20.213.817.461
- Công ty Cổ phần Đầu tư – Khai thác – Sản xuất và Cung cấp Nước sạch ITA	15.697.783.018	16.057.783.018
- Công ty TNHH Kanaan Sài Gòn	16.657.840.508	15.049.151.106
- Khác	87.749.008.021	57.781.680.917
Dài hạn	1.649.928.887.816	1.710.495.765.285
Bên liên quan	1.310.299.584.680	1.313.390.104.468
Bên khác, trong đó:	339.629.303.136	397.105.660.817
- Công ty Cổ phần Truyền Thông Việt Nam	132.010.912.896	132.010.912.896
- Công ty Cổ phần Đầu tư – Khai thác – Sản xuất và Cung cấp Nước sạch ITA	109.114.110.573	97.566.110.573
- Phải thu khách hàng khu tái định cư	30.926.306.590	75.671.343.297
- Công ty TNHH Kanaan Sài Gòn	34.115.854.180	39.602.064.315
- Khác	33.462.118.897	52.255.229.736
TỔNG CỘNG	2.178.294.089.955	2.212.994.256.771
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.449.686.025)	(12.150.033.233)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.160.844.403.930	2.200.844.223.538
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.561.936.984.766	1.577.400.576.336
Bên khác	616.357.105.189	635.593.680.435

Tập đoàn đã thế chấp một phần các khoản phải thu khách hàng thuộc dự án E-City Tân Đức nhằm đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 19).

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	106.982.587.941	134.542.449.928
Bên khác, trong đó:	319.862.631.109	338.966.626.333
- Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Tân Đức	164.478.928.036	185.357.957.236
- Công ty Cổ phần Truyền Thông Việt Nam	94.500.000.000	94.500.000.000
- Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	21.439.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Thạnh Phú	15.681.575.100	15.681.575.100
- Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Tân Kiên	24.264.600.000	8.230.600.000
- Khác	20.937.527.973	13.757.493.997
TỔNG CỘNG	426.845.219.050	473.509.076.261
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	-	(873.138.029)
GIÁ TRỊ THUẦN	426.845.219.050	472.635.938.232

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.031.148.297.304	930.018.473.750
Tạm ứng hoàn lại không lãi xuất	855.562.762.368	821.652.185.181
Phải thu cổ tức	160.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	15.585.534.936	8.366.288.569
Dài hạn	672.906.105.985	672.547.136.049
Phải thu tạm ứng - Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Việt Nam	589.693.102.131	589.833.732.195
Phải thu cổ tức	67.144.621.854	66.644.621.854
Tạm ứng đầu tư	15.700.000.000	15.700.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	368.382.000	368.782.000
TỔNG CỘNG	1.704.054.403.289	1.602.565.609.799
Dự phòng phải thu khó đòi	(17.674.814.487)	(3.908.849.741)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.686.379.588.802	1.598.656.760.058
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.073.812.179.893	994.356.793.506
Bên khác	630.242.223.396	608.208.816.293

8. HÀNG TỒN KHO

Chi tiết hàng tồn kho theo các dự án được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu Công nghiệp (“KCN”) Tân Đức (*)	1.239.765.564.218	1.209.531.737.662
Khu E-City Tân Đức (*)	1.307.482.766.819	1.271.128.163.148
KCN Tân Tạo (*)	515.528.399.479	474.426.358.655
Chung cư Tân Đức	202.220.694.777	202.139.434.777
Nhà xưởng tại KCN Tân Đức	50.817.522.795	77.667.099.182
Khu dân cư Tân Đức	66.705.537.149	62.320.779.738
Chung cư Tân Tạo Plaza	21.764.512.943	22.644.715.259
Dự án khác	48.453.018.099	54.436.209.542
TỔNG CỘNG	<u>3.452.738.016.279</u>	<u>3.374.294.497.963</u>

(*) Tập đoàn đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của các dự án này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 19*).

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng	VND
Nguyên giá:							
Số đầu năm	105.414.430.965	7.434.599.865	21.865.221.596	1.824.347.769	71.556.420	136.610.156.615	
Mua trong năm	-	485.000.000	353.000.000	-	-	838.000.000	
Thanh lý	-	-	(388.248.808)	-	-	(388.248.808)	
Số cuối năm	105.414.430.965	7.919.599.865	21.829.972.788	1.824.347.769	71.556.420	137.059.907.807	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	12.182.629.838	5.704.403.333	20.020.979.454	1.431.539.284	71.556.420	39.411.108.329	
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	(45.761.197.463)	(6.786.975.400)	(21.599.380.602)	(1.746.493.336)	(71.556.420)	(75.965.603.221)	
Khấu hao trong năm	(5.767.607.427)	(187.465.757)	(180.728.499)	(13.758.560)	-	(6.149.560.243)	
Thanh lý	-	-	388.248.808	-	-	388.248.808	
Số cuối năm	(51.528.804.890)	(6.974.441.157)	(21.391.860.293)	(1.760.251.896)	(71.556.420)	(81.726.914.656)	
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	59.653.233.502	647.624.465	265.840.994	77.854.433	-	60.644.553.394	
Số cuối năm	53.885.626.075	945.158.708	438.112.495	64.095.873	-	55.332.993.151	

(*) Tập đoàn đã sử dụng một số nhà cửa và vật kiến trúc này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	<u>16.696.109.435</u>	<u>4.296.215.505</u>	<u>20.992.324.940</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	4.296.215.505	4.296.215.505
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(712.527.425)	(4.296.215.505)	(5.008.742.930)
Hao mòn trong năm	<u>(355.236.378)</u>	-	<u>(355.236.378)</u>
Số cuối năm	<u>(1.067.763.803)</u>	<u>(4.296.215.505)</u>	<u>(5.363.979.308)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>15.983.582.010</u>	-	<u>15.983.582.010</u>
Số cuối năm	<u>15.628.345.632</u>	-	<u>15.628.345.632</u>

Tập đoàn đã sử dụng một số quyền sử dụng đất này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 19*).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bất động sản đầu tư cho thuê (<i>Thuyết minh số 11.1</i>)	546.428.555.441	481.841.397.950
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (<i>Thuyết minh số 11.2</i>)	<u>53.053.395.384</u>	<u>53.053.395.384</u>
TỔNG CỘNG	599.481.950.825	534.894.793.334
<i>Trừ: Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế</i> (<i>Thuyết minh số 11.1</i>)	<u>(87.974.961.398)</u>	<u>(66.057.465.045)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	511.506.989.427	468.837.328.289

11.1 Bất động sản đầu tư cho thuê

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa và nhà xưởng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	21.909.795.907	459.931.602.043	481.841.397.950
Chuyển từ hàng tồn kho	-	64.587.157.491	64.587.157.491
Số cuối năm	<u>21.909.795.907</u>	<u>524.518.759.534</u>	<u>546.428.555.441</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(9.013.702.110)	(57.043.762.935)	(66.057.465.045)
Khấu hao và hao mòn trong năm	<u>(449.812.685)</u>	<u>(21.467.683.668)</u>	<u>(21.917.496.353)</u>
Số cuối năm	<u>(9.463.514.795)</u>	<u>(78.511.446.603)</u>	<u>(87.974.961.398)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>12.896.093.797</u>	<u>402.887.839.108</u>	<u>415.783.932.905</u>
Số cuối năm	<u>12.446.281.112</u>	<u>446.007.312.931</u>	<u>458.453.594.043</u>

11.2 Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư trị giá 53.053.395.384 VND thể hiện giá trị của lô đất tọa lạc tại Bãi Sao, Khu phố 4, Thị trấn An Thới, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

11.3 Thuyết minh bổ sung

Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư chưa được Tập đoàn đánh giá và xác định lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường của đất, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Khoản phải thu tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày tại Thuyết minh số 28.

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 21.3.

12. CHI PHÍ LÃI VAY VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 90.231.679.234 VND (năm trước: 122.438.218.202 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển các công trình xây dựng của dự án E-City Tân Đức, dự án Kiên Lương và dự án KCN Tân Đức.

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

13.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Nhiệt điện Kiên Lương (*)	491.860.371.510	450.264.211.125
Đất chưa phát triển cơ sở hạ tầng	468.356.060.000	468.356.060.000
Khu vui chơi giải trí Tân Đức (*)	258.730.877.745	257.045.936.705
Khu Đô thị Ba Hòn	149.277.006.636	149.277.006.636
TỔNG CỘNG	<u>1.368.224.315.891</u>	<u>1.324.943.214.466</u>

(*) Tập đoàn đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của dự án này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn Ngân hàng (Thuyết minh số 19).

13.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chung cư công nhân	36.806.398.106	36.806.398.106
Văn phòng Công ty	20.000.000.000	-
Hệ thống xử lý nước thải	3.346.566.088	3.346.566.088
Khác	9.286.240.556	644.066.472
TỔNG CỘNG	<u>69.439.204.750</u>	<u>40.797.030.666</u>

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.1)	418.044.620.514	384.008.514.204
Đầu tư vào đơn vị khác	2.858.978.224.898	2.857.903.224.898
Trong đó:		
Đầu tư vào công ty niêm yết (Thuyết minh số 14.2)	13.994.600.000	13.994.600.000
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)	2.843.161.263.869	2.842.086.263.869
Đầu tư dài hạn khác	1.822.361.029	1.822.361.029
TỔNG CỘNG	<u>3.277.022.845.412</u>	<u>3.241.911.739.102</u>
Dự phòng đầu tư dài hạn	(148.972.890.414)	(125.957.806.872)
Công ty niêm yết (Thuyết minh số 14.2)	(7.836.976.000)	(6.017.678.000)
Đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)	(141.135.914.414)	(119.940.128.872)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.128.049.954.998</u>	<u>3.115.953.932.230</u>

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Xây dựng khu công nghiệp và khu dân cư, tư vấn thương mại và đầu tư	Trước hoạt động	38,46	197.102.972.831	38,46	165.027.593.116
Công ty Cổ phần Bệnh viện Tân Tạo	Đầu tư xây dựng bệnh viện, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh, và đào tạo cán bộ ngành y tế	Đang hoạt động	49	127.885.258.034	49	125.525.090.738
Công ty Cổ phần Xi măng Tân Tạo	Sản xuất và kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng, bao bì và xây dựng công trình	Trước hoạt động	42	81.307.558.658	42	80.078.951.422
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Quảng Bình	Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, kinh doanh khách sạn, nhà hàng	Đang hoạt động	20	11.748.830.991	20	13.376.878.928
TỔNG CỘNG				418.044.620.514		384.008.514.204

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Bảng sau trình bày các thông tin tài chính tóm tắt về thay đổi của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm:

VND

	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty Cổ phần Bệnh viện Tân Tạo	Công ty Cổ phần Xi măng Tân Tạo	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Quảng Bình	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:					
Số đầu năm	168.173.492.707	130.549.356.100	84.000.000.000	13.000.000.000	395.722.848.807
Tăng giá trị đầu tư	31.376.750.845	4.430.500.000	-	-	35.807.250.845
Số cuối năm	199.550.243.552	134.979.856.100	84.000.000.000	13.000.000.000	431.530.099.652
Phần lũy kế (lỗ) lãi sau khi mua công ty liên kết:					
Số đầu năm	(3.145.899.591)	(5.024.265.362)	(3.921.048.578)	376.878.928	(11.714.334.603)
Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết	698.628.870	(2.070.332.704)	1.228.607.236	(1.628.047.937)	(1.771.144.535)
Số cuối năm	(2.447.270.721)	(7.094.598.066)	(2.692.441.342)	(1.251.169.009)	(13.485.479.138)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	165.027.593.116	125.525.090.738	80.078.951.422	13.376.878.928	384.008.514.204
Số cuối năm	197.102.972.831	127.885.258.034	81.307.558.658	11.748.830.991	418.044.620.514

14.2 Đầu tư vào công ty niêm yết

Công ty niêm yết	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND
Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Nam Việt Dự phòng giảm giá đầu tư	Đang hoạt động	1.399.460	13.994.600.000 (7.836.976.000)	1.399.460	13.994.600.000 (6.017.678.000)
GIÁ TRỊ THUẬN			6.157.624.000		7.976.922.000

14.3 Đầu tư góp vốn vào công ty khác

Giá gốc khoản đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu (*)	Giá trị VND	% sở hữu (*)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	1.752.748.089.908	19,00	1.752.748.089.908	19,00
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	611.560.043.671	13,00	611.560.043.671	13,00
Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo 2	417.730.820.290	10,00	416.655.820.290	10,00
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đà Lạt	25.519.500.000	15,95	25.519.500.000	15,95
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội	16.000.000.000	16,00	16.000.000.000	16,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo	11.000.000.000	7,27	11.000.000.000	7,27
Công ty Cơ khí 276	5.602.810.000	16,40	5.602.810.000	16,40
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí- Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	3.000.000.000	0,06	3.000.000.000	0,06
TỔNG CỘNG	2.843.161.263.869		2.842.086.263.869	
Dự phòng đầu tư	(141.135.914.414)		(119.940.128.872)	
GIÁ TRỊ THUẦN	2.702.025.349.455		2.722.146.134.997	

(*) Tỷ lệ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của các công ty này.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	90.134.827.770	91.348.624.462
- Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Tân Đức	36.610.944.059	36.610.944.059
- Morris Architects Inc.	18.296.175.111	18.296.175.111
- Phải trả khác	30.873.037.521	36.441.505.292
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	21.581.785.022	18.092.072.764
TỔNG CỘNG	111.716.612.792	109.440.697.226

15.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Allsum International Group	69.814.467.414	-
Công ty TNHH Khải Định	4.032.896.709	-
Công ty Cổ phần Hạ An Long An	-	12.676.512.684
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nguyễn Phát Long An	-	6.933.632.798
Các khách hàng khác	48.337.002.576	51.905.294.583
TỔNG CỘNG	122.184.366.699	71.515.440.065

Đây chủ yếu là các khoản tiền nhận trước không chịu lãi từ các khách hàng đối với các hợp đồng cho thuê đất mà Tập đoàn chưa bàn giao đất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.819.156.875	10.628.455.199	(10.616.905.548)	48.830.706.526
Thuế giá trị gia tăng	47.268.536.301	36.742.691.805	(38.121.506.299)	45.889.721.807
Thuế thu nhập cá nhân	339.559.941	681.496.068	(115.153.801)	905.902.208
Thuế sử dụng đất	1.702.227.590	3.688.990.680	(3.760.320.480)	1.630.897.790
Các loại thuế khác	934.707.243	440.397.201	(188.811.331)	1.186.293.113
TỔNG CỘNG	99.064.187.950	52.182.030.953	(52.802.697.459)	98.443.521.444

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại – Thuyết minh số 30)
Ngắn hạn	335.594.525.234	305.284.385.566
Chi phí lãi vay	187.375.068.457	171.103.006.948
Chi phí hoàn thiện đất hoặc nhà xưởng đã cho thuê	113.871.208.671	107.544.948.711
Các khoản khác	34.348.248.106	26.636.429.907
Dài hạn	122.771.107.738	78.242.128.651
Chi phí lãi vay	122.771.107.738	78.242.128.651
TỔNG CỘNG	458.365.632.972	383.526.514.217

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	158.717.171.909	1.067.624.603.278
Nhận chi viện đặc biệt (*)	-	1.000.387.597.000
Nhận tạm ứng (**)	128.250.515.270	44.457.380.508
Khác	30.466.656.639	22.779.625.770
Dài hạn	78.407.687.125	46.414.868.160
Nhận ký quỹ, ký cược (***)	78.407.687.125	46.414.868.160
TỔNG CỘNG	237.124.859.034	1.114.039.471.438
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	162.909.789.937	76.907.695.301
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	74.215.069.097	1.037.131.776.137
(*) Các khoản này thể hiện các khoản chi viện đặc biệt không lãi suất từ các bên liên quan và không có thời hạn thanh toán. Các khoản nợ phải trả này đã được chuyển đổi thành vốn cổ phần vào ngày 23 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh số 20.1).		
(**) Các khoản này bao gồm số tiền ứng trước không lãi suất nhận được từ các bên liên quan và không có thời hạn thanh toán trị giá 74.215.069.097 VND (Thuyết minh số 27) (31 tháng 12 2015: 34.361.801.629 VND).		
(***) Số dư này thể hiện các khoản nhận đặt cọc từ các khách hàng của Tập đoàn theo các hợp đồng thuê đất và nhà xưởng trong khu công nghiệp.		

19. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (*)	447.766.588.279	280.382.854.938
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	100.607.053.436	88.786.173.854
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	339.005.534.843	181.609.904.617
Vay dài hạn từ đối tượng khác đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	8.154.000.000	9.986.776.467
Vay dài hạn	1.044.547.121.642	1.312.787.679.718
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	1.032.364.371.642	1.293.544.679.718
Vay từ đối tượng khác (Thuyết minh số 19.3)	12.182.750.000	19.243.000.000
TỔNG CỘNG	1.492.313.709.921	1.593.170.534.656
(*) Trong đó:		
<i>Vay quá hạn tại ngày 31 tháng 12</i>	162.738.249.091	75.550.000.000
<i>Vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng</i>	285.028.339.188	204.832.854.938

Tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

	VND
	Giá trị
Số đầu năm	1.593.170.534.656
Tiền thu từ đi vay	43.098.851.074
Tiền chi trả nợ gốc vay	(143.955.675.809)
Số cuối năm	<u>1.492.313.709.921</u>

19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn					
Khoản vay 1	25.057.053.436	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2016 đến ngày 6 tháng 7 năm 2017	7,75%	Quyền sử dụng 5.550 m ² đất tại Xã Đức Hòa, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An giá trị 11.995.065.000 VND	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân					
Khoản vay 1	75.550.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*)	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng và thay đổi khi có thông báo mới (dao động từ 12,5% đến 13,5%/năm)	Quyền sử dụng 2.486 m ² đất thuộc dự án khu dân cư Tân Đức thuộc quyền sở hữu của TAD và Quyền sử dụng 54.571 m ² đất của dự án E-city Tân Đức thuộc sở hữu của Tập đoàn	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
TỔNG CỘNG	100.607.053.436				

(*) Trong năm 2015, Tập đoàn đã đệ trình tới Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân (“NCB”) đề xuất một thỏa thuận chi trả khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán trong đó bao gồm việc xin được miễn toàn bộ phần lãi phạt chậm trả. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, NCB hiện đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cho việc thanh toán các khoản nợ nêu trên và thỏa thuận chi trả nợ vay dự kiến sẽ được hoàn tất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

19.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Khoản vay 1	317.400.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 25 tháng 4 năm 2021	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3% - 6%/năm (trung bình 11,5%/năm)	Quyền sử dụng của 41.786 m ² tại KCN Tân Tạo; Quyền sử dụng đất của 248,7 héc-ta và cơ sở hạ tầng tại Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương; Quyền sử dụng 265.693 m ² đất tại KCN Tân Đức sở hữu bởi TAD	Tài trợ dự án Kiên Lương
Khoản vay 2	55.700.000.000				Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
Khoản vay 3	29.275.384.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 1 tháng 1 năm 2020	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 3% - 6%/năm và được thay đổi mỗi 6 tháng (dao động từ 11,3% đến 13,9%/năm)	468.000 cổ phiếu ITA sở hữu bởi công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo; 350.000 cổ phiếu ITA sở hữu bởi TTUC; Quyền sử dụng của 5.550 m ² đất và Quyền sử dụng đất của 2.486 m ² đất tại KCN Tân Đức sở hữu bởi TAD	Tài trợ dự án Khu dân cư Tân Đức
Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam					
Khoản vay 1	169.900.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 24 tháng 12 năm 2018	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 4,2%/năm và được thay đổi mỗi 6 tháng (dao động từ 11,5% đến 12%/năm)	Quyền sử dụng đất tại Khu C thuộc dự án E-City Tân Đức với tổng trị giá 899,5 tỷ VND; Nguồn thu từ dự án E-City Tân Đức	Tài trợ dự án E-City Tân Đức

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Thời hạn và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>	<i>Mục đích vay</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân					
Khoản vay 1	56.174.260.987	Hoàn trả mỗi 6 tháng đến ngày 17 tháng 11 năm 2017	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 5,2%/năm và được thay đổi mỗi 3 tháng (dao động từ 8% đến 11,5%/năm)	Quyền sử dụng đất tại KCN Tân Đức với tổng giá trị là 161,9 tỷ VND được sở hữu bởi TAD	Tài trợ dự án Kiên Lương
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng					
Khoản vay 1	333.214.744.225	Hoàn trả mỗi 6 tháng đến ngày 15 tháng 8 năm 2020	Trung bình lãi suất tiền gửi 12 tháng của các ngân hàng BIDV, Vietcombank và Vietinbank +3%/năm và được thay đổi mỗi 6 tháng (dao động từ 9,2% đến 10,69%/năm)	Tài sản của Tập đoàn gồm quyền sử dụng 931.366 m ² đất và các tài sản trên đất tại khu B, thuộc dự án E-City Tân Đức	Tài trợ dự án E-City Tân Đức
Khoản vay 2	169.067.479.956				Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
Khoản vay 3	23.080.208.356	Hoàn trả hàng quý đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Lãi suất trung bình 9,2%/năm	1.400.000 cổ phiếu của ITA thuộc quyền sở hữu của Quỹ ITA Vì Tương Lai; 600.000 cổ phiếu của ITA thuộc quyền sở hữu của Bà Đặng Thị Hoàng Yến; 400.000 cổ phiếu của ITA thuộc quyền sở hữu của Bà Vũ Thị Nga	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam					
Khoản vay 1	75.000.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 22 tháng 12 năm 2020	Trung bình lãi suất tiền gửi 12 tháng + 2,5%/năm và được thay đổi mỗi 3 tháng (12 tháng đầu tiên lãi suất là 7,5%/năm)	Quyền sử dụng của 357.243 m ² đất tại huyện Đức Hòa; Khoản phải thu từ hoạt động cho thuê thuộc dự án E-City Tân Đức	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
Khoản vay 2	6.017.000.000	Hoàn trả hàng tháng đến ngày 7 tháng 6 năm 2023		Quyền sử dụng của 4.840 m ² đất tại khu công nghiệp Tân Tạo vào ổng giá trị nhà xưởng hoàn thành trong tương lai trị giá 28 tỷ VND	Tài trợ dự án xây dựng nhà kho tại Lô 39D, khu công nghiệp Tân Tạo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam					
Khoản vay 1	12.100.000.000	Hoàn trả hàng tháng đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Lãi tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +3%/năm và có thể được thay đổi mỗi 3 tháng (dao động từ 10% đến 11,5%/năm)	Quyền sử dụng của 28.934 m ² đất tại Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An với tổng giá trị là 46 tỷ VND, thuộc sở hữu của TAD	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động
TỔNG CỘNG	1.371.369.906.485				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	339.005.534.843				
Vay dài hạn	1.032.364.371.642				

19.3 Vay dài hạn từ đối tượng khác

Chi tiết khoản vay dài hạn đối tượng khác như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	9.843.750.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 15 tháng 3 năm 2021	Lãi suất trái phiếu đô thị Thành phố Hồ Chí Minh kỳ hạn 10 năm + 0,5%/năm (trung bình 7,8%/năm)	7.000.000 cổ phần của TAD	Tài trợ việc xây dựng công trình Khu căn hộ Tân Tạo
Quỹ đầu tư Phát triển Tỉnh Long An					
Khoản vay 1	10.493.000.000	Hoàn trả hàng quý đến ngày 20 tháng 6 năm 2021	Lãi tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +3%/năm và có điều chỉnh mỗi 3 tháng (dao động từ 10% đến 10,5%/năm)	Quyền sử dụng đất với diện tích 24.327m ² và tổng giá trị tài sản hoàn thành từ "Trung tâm Dạy Nghề Công nghệ và Ứng dụng Tân Đức" sở hữu bởi Công ty trị giá 123 tỷ VND	Tài trợ dự án Khu dân cư Tân Đức
TỔNG CỘNG	20.336.750.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	8.154.000.000				
Vay dài hạn	12.182.750.000				

19.4 Vay quá hạn

Số tiền này thể hiện các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi tiết như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Nợ gốc	Nợ gốc
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.800.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	94.274.753.661	75.550.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng	43.663.495.430	-
TOTAL	<u>162.738.249.091</u>	<u>75.550.000.000</u>

Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã xin được sự phê duyệt của các Ngân hàng cho việc tái cơ cấu các khoản vay và gia hạn thời hạn trả nợ mới cho các khoản vay đã quá hạn. Theo đó, các khoản nợ vay đã quá hạn đã được đề cập bên trên với số tiền là 162.738.249.091 VND đã được chấp thuận thời hạn trả nợ là trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước						
Số đầu năm	7.190.479.110.000	307.376.827.511	(3.673.910.000)	9.154.986.000	434.616.950.124	7.937.953.963.635
Phát hành cổ phiếu	1.193.769.380.000	-	-	-	-	1.193.769.380.000
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	136.186.504.868	136.186.504.868
Mua thêm sở hữu từ cổ	-	-	-	-	(21.799.905.549)	(21.799.905.549)
đóng không kiểm soát	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	8.384.248.490.000	307.376.827.511	(3.673.910.000)	9.154.986.000	549.003.549.443	9.246.109.942.954
Năm nay						
Số đầu năm	8.384.248.490.000	307.376.827.511	(3.673.910.000)	9.154.986.000	549.003.549.443	9.246.109.942.954
(trình bày trước đây)						
Ảnh hưởng của trình						
bày lại (Thuyết minh						
số 30)	-	-	-	-	(20.929.749.491)	(20.929.749.491)
Số đầu năm	8.384.248.490.000	307.376.827.511	(3.673.910.000)	9.154.986.000	528.073.799.952	9.225.180.193.463
(đã trình bày lại)	1.000.387.580.000	-	-	-	-	1.000.387.580.000
Phát hành cổ phiếu (i)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	38.235.626.242	38.235.626.242
trong năm	9.384.636.070.000	307.376.827.511	(3.673.910.000)	9.154.986.000	566.309.426.194	10.263.803.399.705
Số cuối năm						

(i) Căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội thường niên số 2404/NQ-DHDCD-ITA-15 ngày 24 tháng 4 năm 2015, và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 2402/NQ-HDQT-ITA-16 ngày 24 tháng 2 năm 2016, các cổ đông của Tập đoàn đã thông qua phương án phát hành 100.038.758 cổ phiếu riêng lẻ để cân trừ công nợ cho các chi viện đặc biệt cho Tập đoàn lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu vào ngày 23 tháng 6 năm 2016 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành thêm là 100.038.758 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu và Tập đoàn cũng đã gửi Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, tại ngày này vốn cổ phần của Tập đoàn tăng thêm 1.000.387.580.000 VND.

20.2 Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	8.384.248.490.000	7.190.479.110.000
Tăng trong năm	1.000.387.580.000	1.193.769.380.000
- Cổ phiếu phát hành mới	<u>1.000.387.580.000</u>	<u>1.193.769.380.000</u>
Số cuối năm	<u>9.384.636.070.000</u>	<u>8.384.248.490.000</u>

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu được phép phát hành	938.463.607	838.424.849
Cổ phiếu đã phát hành	938.463.607	838.424.849
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	938.463.607	838.424.849
- Cổ phiếu phổ thông	938.463.607	838.424.849
Cổ phiếu quỹ	(142.032)	(142.032)
- Cổ phiếu phổ thông	(142.032)	(142.032)
Cổ phiếu đang lưu hành	938.321.575	838.282.817
- Cổ phiếu phổ thông	938.321.575	838.282.817

20.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	38.235.626.242	136.186.504.868
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>893.345.031</u>	<u>818.005.091</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND)	<u>43</u>	<u>166</u>

Tập đoàn không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	311.098.727.616	846.184.439.403
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng</i>	95.060.931.704	588.392.803.096
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	120.935.697.368	107.866.923.323
<i>Doanh thu cho thuê hoạt động nhà xưởng, kho bãi và đất</i>	92.970.448.544	74.938.412.500
<i>Doanh thu bán đất nền tái định cư</i>	1.256.130.000	72.412.796.084
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	875.520.000	2.573.504.400
Các khoản giảm trừ doanh thu	(67.846.215.360)	(104.997.255.426)
Hàng bán trả lại, trong đó:		
<i>Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng</i>	(67.846.215.360)	(104.997.255.426)
Doanh thu thuần	243.252.512.256	741.187.183.977
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng</i>	27.214.716.344	483.395.547.670
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	120.935.697.368	107.866.923.323
<i>Doanh thu cho thuê hoạt động nhà xưởng, kho bãi và đất</i>	92.970.448.544	74.938.412.500
<i>Doanh thu bán đất tái định cư</i>	1.256.130.000	72.412.796.084
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	875.520.000	2.573.504.400
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	240.006.394.580	507.193.936.803
<i>Doanh thu với bên liên quan</i>	3.246.117.676	233.993.247.174

Trong năm, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu từ hoạt động cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng tại các khu công nghiệp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo chính sách kế toán như được trình bày tại Thuyết minh số 3.17. Nếu doanh thu từ việc cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng này được phân bổ đều trong thời hạn thuê đất, ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành của Tập đoàn như sau:

	VND	
	<i>Trường hợp doanh thu được ghi nhận một lần</i>	<i>Trường hợp doanh thu được phân bổ trong thời hạn thuê đất</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	243.252.512.256	231.014.368.003
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng</i>	27.214.716.344	14.976.572.091
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(130.636.814.780)	(124.353.012.223)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.615.697.476	106.661.355.780
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.927.142.347	28.972.800.651

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ việc thanh lý các khoản đầu tư (*)	-	208.448.878.945
Thu nhập từ cổ tức	62.030.665.000	100.000.000.000
Lãi từ các khoản phải thu của hợp đồng thuê đất và nhà xưởng	13.160.711.251	19.796.985.552
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.948.197.021	11.183.370.582
Lãi tiền gửi ngân hàng	904.337.262	442.582.238
Khác	25.714.752	79.496.952
TỔNG CỘNG	79.069.625.286	339.951.314.269

(*) Đây là khoản tiền lãi phát sinh từ nghiệp vụ thanh lý toàn bộ khoản đầu tư (51%) vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276 và 2% khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo.

21.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	92.970.448.544	74.938.412.500
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(22.947.317.673)	(18.561.124.709)
TỔNG CỘNG	70.023.130.871	56.377.287.791

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	89.912.156.690	74.376.534.587
Giá vốn đất đã phát triển cơ sở hạ tầng đã bán	20.313.560.214	273.600.879.666
Giá vốn nhà máy, nhà kho và văn phòng cho thuê	22.947.317.673	18.561.124.709
Giá vốn bán đất tái định cư	1.256.130.000	72.849.178.100
Giá vốn căn hộ đã bán	880.202.316	3.128.613.372
Hoàn nhập giá vốn đất đã phát triển cơ sở hạ tầng trả lại	(9.146.730.684)	(21.779.474.894)
Khác	4.474.178.571	8.929.066.374
TỔNG CỘNG	130.636.814.780	429.665.921.914

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính khác (*)	-	258.069.363.000
Chi phí lãi vay	72.224.141.941	88.459.931.006
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	23.096.421.850	75.060.402.701
Khác	(55.150.609)	2.050.000
TỔNG CỘNG	95.265.413.182	421.591.746.707

(*) Khoản này thể hiện khoản lãi phát sinh phải trả cho các đối tượng đã chi viện đặc biệt cho Tập đoàn, theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và Biên bản Hội đồng Quản trị Số 1612/BBH-HĐQT-ITACO-15 ngày 16 tháng 12 năm 2015.

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	31.399.671.221	27.724.182.515
Dự phòng phải thu khó đòi	20.503.313.174	6.061.202.597
Chi phí nghiên cứu phát triển	-	9.838.982.621
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.914.481.382	27.636.335.055
TỔNG CỘNG	65.817.465.777	71.260.702.788

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	16.946.974.477	9.315.513.031
Tiền phạt thu được	11.350.819.488	-
Tiền phạt do hủy hợp đồng	2.704.763.025	1.196.613.973
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	205.454.546	2.600.000.000
Khác	2.685.937.418	5.518.899.058
Chi phí khác	(10.006.470.666)	(6.470.899.797)
Lãi phạt nộp chậm thuế	(7.064.772.040)	(4.901.833.569)
Các khoản phạt	(1.097.385.951)	-
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	(11.141.945)
Khác	(1.844.312.675)	(1.557.924.283)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	6.940.503.811	2.844.613.234

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế cho năm hiện hành (2015: 22%).

TAD có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng thuế suất phổ thông cho các năm tiếp theo. Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức được miễn thuế TNDN trong 6 (sáu) năm từ 2006 đến 2012, và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 (chín) năm tiếp theo.

TASERCO có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Tập đoàn ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.886.809.123	8.022.595.127
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>(15.183.715.651)</u>	<u>7.698.435.976</u>
TỔNG CỘNG	<u>(4.296.906.528)</u>	<u>15.721.031.103</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lợi nhuận chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>34.927.142.347</u>	<u>152.195.972.040</u>
Thuế TNDN theo thuế suất của Tập đoàn	6.985.428.469	30.439.194.408
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	898.344.651	4.762.298.323
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.598.988.638	-
Chia lỗ từ công ty liên kết	354.228.907	1.206.042.800
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ cổ tức được miễn thuế	(12.406.133.000)	(20.000.000.000)
Thu nhập từ hoạt động duy tu cơ sở hạ tầng KCN không chịu thuế	(849.229.898)	(686.504.428)
Khác	<u>(1.878.534.295)</u>	<u>-</u>
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	<u>(4.296.906.528)</u>	<u>15.721.031.103</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (thuế thu nhập hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Lợi nhuận từ việc cho thuê đất và nhà xưởng chưa chịu thuế	(87.355.660.696)	(89.677.260.410)	2.321.599.714	20.748.993.612	
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(7.012.483.497)	(6.576.975.857)	(435.507.640)	(914.955.596)	
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	-	(1.623.781.047)	1.623.781.047	(4.322.435.742)	
Lợi nhuận chưa thực hiện nội bộ	2.171.127.522	806.855.246	1.364.272.276	(4.006.477.005)	
Trích trước chi phí hoạt động	4.856.613.363	5.313.279.805	(456.666.442)	3.063.778.818	
Lô tính thuế mang sang	10.841.443.976	-	10.841.443.976	(22.116.809.295)	
Các khoản khác	(14.306.524.815)	(14.231.317.535)	(75.207.280)	(150.530.768)	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả thuần	(90.805.484.147)	(105.989.199.798)	15.183.715.651	(7.698.435.976)	

Thuế TNDN hoãn lại

Lô chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 54.207.219.878 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016
2016	2021	54.207.219.878	-	-	54.207.219.878
TỔNG CỘNG		54.207.219.878	-	-	54.207.219.878

(*) Lô tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Bên liên quan	Nhận tạm ứng Chi tạm ứng Mua sở hữu trong TAD	16.011.000.000 528.000.000 -	156.907.540.937 163.898.000.000 40.560.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận tạm ứng Chi tạm ứng Chuyển đổi nợ thành vốn Cho thuê đất Đất thuê trả lại	48.998.000.000 34.731.061.193 - - -	208.853.000.000 28.601.000.000 513.094.000.000 346.968.036.273 104.997.255.426	
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận tạm ứng Chi tạm ứng	29.900.000.000 7.341.100.000	31.694.500.000 53.630.104.631	
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Cổ tức Chi tạm ứng Nhận tạm ứng	60.000.000.000 15.315.938.486 -	100.000.000.000 17.973.000.000 222.092.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam	Bên liên quan	Chi tạm ứng Nhận tạm ứng	7.713.607.865 -	6.082.000.000 13.900.000.000	
Công ty Cổ phần Truyền Thông - Giải Trí và Sản xuất Media Ban Mai	Bên liên quan	Chuyển đổi nợ thành vốn Nhận tạm ứng Nhận chi viện đặc biệt Trả chi phí tài chính khác	301.522.294.000 11.646.000.000 - -	- - 301.522.294.000 73.303.747.200	

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Delta Miền Nam	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	17.726.429.325	199.625.322.000
		Nhận tạm ứng	12.912.000.000	-
		Chi tạm ứng	9.151.000.000	728.592.000.000
		Thanh lý khoản đầu tư	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nghiên Cứu & Xuất Khẩu Gạo Thơm ITA-RICE	Bên liên quan	Chuyển đổi nợ thành vốn	-	164.785.000.000
		Cho thuê đất	-	20.807.094.572
		Chi tạm ứng	9.860.000.000	41.155.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	6.144.667.000	-
		Chi tạm ứng	-	170.000.000.000
		Chuyển đổi nợ thành vốn	-	25.500.000.000
		Trả chi phí tài chính khác	-	-
Trường Đại học Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	50.026.000.000	-
		Chi tạm ứng	14.595.000.000	56.886.057.000
		Chuyển đổi nợ thành vốn	-	345.890.380.000
Bà Vũ Thị Nga	Bên liên quan	Trả chi phí tài chính khác	-	51.833.557.000
		Nhận tạm ứng	11.865.044.094	178.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Tân Tạo	Công ty liên kết	Tiền tạm ứng nhận được	200.000.000	30.000.000.000
		Chi tạm ứng	71.708.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đầu thị Sài Gòn – Mekong	Bên liên quan	Chi tạm ứng	1.000.000.000	5.880.125.000
		Chuyển đổi nợ thành vốn	318.867.304.200	-
Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Kiên Lương	Bên liên quan	Nhận chi viện đặc biệt	500.000.000	318.867.304.200
		Chi tạm ứng	-	31.696.060.000
	Bên liên quan	Chuyển đổi nợ thành vốn	379.997.998.800	-
		Nhận chi viện đặc biệt	-	379.997.998.800
		Chi tạm ứng	-	19.847.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu khách hàng					
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Cho thuê đất	1.287.144.545.456	1.287.144.545.456	
Công ty Cổ phần Delta Miền Nam	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	200.155.529.000	200.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	43.434.209.270	59.104.209.270	
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nghiên Cứu & Xuất Khẩu Gạo Thơm ITA-RICE	Bên liên quan	Cho thuê đất	29.182.491.331	29.168.973.321	
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.293.077.720	1.300.942.720	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây Dựng Phương Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	727.131.989	681.905.569	
			1.561.936.984.766	1.577.400.576.336	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Delta Miền Nam	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	72.878.961.130	70.842.124.766	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây Dựng Phương Nam	Bên liên quan	Dịch vụ tư vấn và giám sát công trình	33.864.825.162	33.864.825.162	
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nghiên Cứu & Xuất Khẩu Gạo Thơm ITA-RICE	Bên liên quan	Khác	238.801.649	80.000.000	
Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Kiên Lương	Bên liên quan	Khác	-	29.755.500.000	
			106.982.587.941	134.542.449.928	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu khác					
Công ty Cổ phần Delta Miền Nam	Bên liên quan	Chi tạm ứng	477.362.999.553	500.919.999.553	
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Bên liên quan	Chi tạm ứng	152.727.806.129	175.286.706.129	
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Cổ tức Chi tạm ứng	160.000.000.000 56.796.938.486	100.000.000.000 41.481.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nghiên Cứu & Xuất Khẩu Gạo Thơm ITA-RICE	Bên liên quan	Chi tạm ứng	51.368.228.732	54.418.078.732	
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Cổ tức	47.197.116.460	46.697.116.460	
Bà Vũ Thị Nga	Bên liên quan	Chi tạm ứng	42.824.124.471	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam	Bên liên quan	Chi tạm ứng	38.893.202.201	31.790.603.736	
Công ty Cổ phần Phát triển Tân Tạo	Bên liên quan	Cổ tức Chi tạm ứng	20.000.000.000 300.000	20.000.000.000 -	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo	Bên liên quan	Chi tạm ứng	18.731.852.651	12.423.677.686	
Công ty Cổ phần Xi Măng Tân Tạo	Bên liên quan	Chi hộ	3.994.086.881	3.994.086.881	
Bên liên quan cá nhân	Bên liên quan	Khác	3.914.024.329	3.914.024.329	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Tân Tạo	Công ty liên kết	Chi tạm ứng	-	3.430.500.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	Chi khác	1.500.000	1.000.000	
			1.073.812.179.893	994.356.793.506	

Vào ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Delta Miền Nam	Bên liên quan	Phí san lấp	16.428.876.106	13.429.803.848	
Công ty Cổ phần Dầu Tự Nghiên Cứu & Xuất Khẩu Gạo Thơm ITA-RICE	Bên liên quan	Chi phí dịch vụ	2.000.028.327	2.610.488.327	
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Bên liên quan	Chi phí dịch vụ	2.051.780.589	2.051.780.589	
Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo	Bên liên quan	Phí san lấp	1.101.100.000	-	
			21.581.785.022	18.092.072.764	

Vào ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghị quyết</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	31.436.913.119	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	20.575.113.772	-	-
Công ty Cổ phần Truyền Thông - Giải Trí và Sản xuất Media Ban Mai	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	9.646.004.000	301.522.294.000	
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nghiên Cứu & Xuất Khẩu Gạo Thơm ITA-RICE	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	7.014.557.000	4.540.000	
Trường Đại học Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	4.413.955.906	189.000.000	
Quý ITA vì tương lai	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	628.521.100	628.521.100	
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Sài Gòn – Mekong	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	500.004.200	-	
Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Kiên Lương	Bên liên quan	Nhận chi viện đặc biệt	-	379.997.998.800	
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Bên liên quan	Nhận chi viện đặc biệt	-	318.867.304.200	
Bà Vũ Thị Nga	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	-	355.865.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	-	28.683.875.529	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	-	4.500.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	Khác	-	1.332.377.508	
		Khác	-	1.050.000.000	
			74.215.069.097	1.037.131.776.137	

Các nghiệp vụ khác:

Một phần giá trị quyền sử dụng đất của dự án E-City Tân Đức của Tập đoàn đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam – là công ty liên quan trị giá 56.994.533.432 VND.

Tập đoàn cam kết sẽ điều chỉnh các thỏa thuận sử dụng tài sản đảm bảo nợ vay để phù hợp với các điều khoản liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư số 121/TT-BTC “Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng” ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 sau ngày phát sinh các nghiệp vụ trên.

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản cam kết chi phí đầu tư

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản cam kết theo hợp đồng liên quan đến việc xây dựng và dịch vụ phục vụ dự án như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng	440.544.067.555	238.555.305.619
Giải phóng mặt bằng	30.737.800.000	76.087.800.000
Tư vấn khảo sát	60.682.890.752	37.202.844.532
Tư vấn thiết kế	9.145.982.338	11.104.171.692
Khác	-	777.690.768
TỔNG CỘNG	541.110.740.645	363.727.812.611

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.265.317.540	5.405.312.831
Trên 1 - 5 năm	3.893.299.215	4.401.545.877
Trên 5 năm	31.517.031.082	34.469.730.519
TỔNG CỘNG	36.675.647.837	44.276.589.227

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	27.555.487.451	70.377.151.334
Từ 1 - 5 năm	67.153.025.341	152.303.550.098
Trên 5 năm	109.295.099.295	114.403.186.148
TỔNG CỘNG	204.003.612.087	337.083.887.580

Các khoản cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty khác như sau:

Công ty	Mối quan hệ	Theo GCNĐKKD		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Vốn điều lệ VND	% sở hữu	Vốn điều lệ đã góp VND	Vốn điều lệ chưa góp VND
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	Công ty được đầu tư trực tiếp với tỷ lệ dưới 20%	1.900.000.000.000	19,00	1.752.748.089.908	147.251.910.092
Công Ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo 2	Công ty được đầu tư trực tiếp với tỷ lệ dưới 20%	1.000.000.000.000	10,00	417.730.820.290	582.269.179.710
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Công ty được đầu tư trực tiếp với tỷ lệ dưới 20%	750.000.000.000	13,00	611.560.043.671	138.439.956.329
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	390.000.000.000	38,46	199.550.243.552	190.449.756.448
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tân Tạo	Công ty liên kết	147.000.000.000	49,00	134.979.856.100	12.020.143.900
TỔNG CỘNG		4.187.000.000.000		3.116.569.053.521	1.070.430.946.479

Nợ tiềm tàng

Hiện tại, Tập đoàn được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu một lần cho toàn bộ thời gian cho thuê lại đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo – Khu Mở Rộng trên tổng diện tích là 919.383 m² và Khu Công Nghiệp Tân Đức trên tổng diện tích là 1.674.296 m², cũng như xác định giá vốn tương ứng bao gồm tiền thuê đất phải trả dựa trên đơn giá thuê đất ước tính theo hợp đồng thuê đất hàng năm và các phụ lục hợp đồng liên quan đã được ký kết với Cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm ghi nhận doanh thu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã trích trước tiền thuê đất cho phần diện tích đất này là 27.045.609.235 VND, căn cứ vào các hợp đồng thuê đất và các phụ lục đã ký.

Theo Luật Đất đai số 45/2013/QH2013 được Quốc hội ban hành vào ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các nghị định hướng dẫn, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước một lần cho toàn bộ thời gian thuê của diện tích đất đã được cho thuê lại nêu trên theo đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần mà số tiền này có thể chênh lệch với số tiền đã được Tập đoàn trích trước.

Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã ước tính lại tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước và đang trong quá trình làm việc với các cơ quan Nhà nước để xác định tiền thuê đất phải nộp cho diện tích đất đã được cho thuê lại nêu trên. Ban Tổng Giám đốc cũng đã nộp các hồ sơ cần thiết đến các cơ quan Nhà nước và đang chờ phản hồi từ các cơ quan này về các vấn đề trên. Kết quả sau cùng hiện chưa xác định được.

Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định công bố khoản nợ dự phòng này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

29 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phát triển và đầu tư khu công nghiệp và khu dân cư, cung cấp thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng, và cung cấp các dịch vụ có liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng	Doanh thu cho thuê nhà xưởng, nhà kho và văn phòng	Doanh thu bán căn hộ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
VND					
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Doanh thu thuần					
Doanh thu	27.214.716.344	92.970.448.544	875.520.000	122.191.827.368	243.252.512.256
Tổng doanh thu	27.214.716.344	92.970.448.544	875.520.000	122.191.827.368	243.252.512.256
Kết quả					
Lợi nhuận góp	16.047.886.814	73.858.150.307	(4.682.316)	22.714.342.671	112.615.697.476
Chi phí không phân bổ					(77.688.555.129)
Lợi nhuận thuần trước thuế					34.927.142.347
Chi phí thuế TNDN					4.296.906.528
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					39.224.048.875
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	6.162.144.149.399	192.511.812.790	299.136.164.215	614.250.760.123	7.268.042.886.527
Tài sản không phân bổ					5.648.947.529.926
Tổng tài sản					12.916.990.416.453
Công nợ bộ phận	586.400.098.242	298.897.878	24.751.538.400	65.987.726.265	677.438.260.785
Công nợ không phân bổ					1.943.657.360.747
Tổng công nợ					2.621.095.621.532

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

	Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng	Doanh thu cho thuê nhà xưởng, nhà kho và văn phòng	Doanh thu bán căn hộ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Doanh thu thuần					
Doanh thu	483.395.547.670	74.938.412.500	74.986.300.484	107.866.923.323	741.187.183.977
Tổng doanh thu	483.395.547.670	74.938.412.500	74.986.300.484	107.866.923.323	741.187.183.977
Kết quả					
Lợi nhuận gộp	231.574.142.898	56.377.287.791	(555.108.972)	24.124.940.346	311.521.262.063
Lợi nhuận không phân bổ					(159.325.290.023)
Lợi nhuận thuần trước thuế					152.195.972.040
Thu nhập thuế TNDN					(15.721.031.103)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					136.474.940.937
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	5.990.513.199.368	317.028.474.387	283.439.183.112	887.761.879.982	7.478.742.736.849
Tài sản không phân bổ					5.261.947.026.648
Tổng tài sản					12.740.689.763.497
Công nợ bộ phận	352.036.871.277	3.680.693.052	18.088.639.160	176.332.082.998	550.138.286.487
Công nợ không phân bổ					2.934.268.310.964
Tổng công nợ					3.484.406.597.451

30. ĐIỀU CHỈNH LẠI SỐ LIỆU CỦA NĂM TRƯỚC

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã điều chỉnh lại việc ghi nhận thiếu giá vốn đất đã được cho thuê lại và đã được ghi nhận doanh thu một lần cho toàn bộ thời gian cho thuê lại đất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bằng việc ghi nhận tăng chi phí trả trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ghi nhận tăng giá vốn hàng bán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với cùng số tiền là 20.929.749.491 VND. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh được tóm tắt như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại (*)	VND Số đầu năm (được trình bày lại)
--	--	-------------------	---

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	549.003.549.443	(20.929.749.491)	528.073.799.952
Chi phí phải trả ngắn hạn	284.354.636.075	20.929.749.491	305.284.385.566

(*) Căn cứ vào Hợp đồng thuê đất được ký giữa TAD và Nhà nước vào năm 2005, tiền thuê đất tại Khu Công Nghiệp Tân Đức được miễn cho toàn bộ thời gian mà TAD thuê đất với Nhà nước để phát triển và cho thuê lại khu công nghiệp trong vòng 50 năm từ năm 2005 đến năm 2055. Do đó, giá vốn đất đã được TAD cho khách hàng thuê lại và đã được ghi nhận doanh thu cho toàn bộ thời gian cho thuê lại là bằng 0 VND. Tuy nhiên, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư sửa đổi của TAD được Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Long An cấp vào ngày 18 tháng 2 năm 2014, tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước của Khu Công nghiệp Tân Đức được miễn là 15 năm, tính từ năm 2005 đến năm 2020. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã tính toán lại giá vốn của diện tích đất đã được cho thuê lại và đã được ghi nhận doanh thu một lần cho toàn bộ thời gian cho thuê lại đến trước ngày 18 tháng 2 năm 2014 và điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tăng chi phí phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với cùng số tiền là 20.929.749.491 VND.

31. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	VND Số đầu năm (được phân loại lại)
--	--	---------------	---

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Hàng tồn kho	3.631.340.434.668	(257.045.936.705)	3.374.294.497.963
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	1.067.897.277.761	257.045.936.705	1.324.943.214.466

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Hữu Phước
Người lập



Nguyễn Viết Đoàn
Kế toán trưởng



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Tan Tao Investment and Industry Corporation

Consolidated financial statements

31 December 2016

GENERAL INFORMATION

THE COMPANY

Tan Tao Investment and Industry Corporation (“the Company”) is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate (“BRC”) No. 4103001108 issued by the Department of Planning and Investment (“DPI”) of Ho Chi Minh City on 15 July 2002 and the amended BRC.

The Company’s shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with License No. 68/UB-CK-GPNY issued by the State Securities Commission on 15 November 2006.

The registered principal activities of the Company and its subsidiaries (“the Group”) are constructing and trading infrastructures in Industrial Parks; constructing and trading industrial parks and urban residential areas; leasing out completed infrastructure land lots; leasing out or selling the plants constructed by the Company in industrial parks; providing logistical services in industrial parks, investment consulting, and science and technology transfer consulting; constructing, civil and transportation projects; providing forwarding and warehousing services; constructing electricity works up to 35 KV; and trading houses (constructing and repairing houses for lease or sales).

The Company’s registered head office is located at Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Mrs Dang Thi Hoang Yen	Chairwoman	
Mr Nguyen Thanh Phong	Independent member	
Mr Tran Dinh Hung	Member	
Mr Huynh Ho	Member	
Mr Tran Hoang An	Member	appointed on 29 April 2016
Mr Thai Van Men	Member	resigned on 29 April 2016

MANAGEMENT

Members of the Management during the year and at the date of this report are:

Mr Thai Van Men	General Director	
Mr Tran Dinh Hung	Deputy General Director	
Mr Dang Quang Hanh	Deputy General Director	appointed on 29 March 2017
Mr Tran Hoang An	Permanent deputy General Director	appointed on 13 January 2017

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Thai Van Men.

AUDITORS

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS

Board of Directors of Tan Tao Investment and Industry Corporation (“the Company”) is pleased to present its report and approval of the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries (“the Group”) for the year ended 31 December 2016.

MANAGEMENT’S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year. In preparing those consolidated financial statements, management is required to:

- ▶ select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- ▶ make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- ▶ state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- ▶ prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Group and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements.

APPROVAL OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

We hereby approve the accompanying consolidated financial statements which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2016, and of the consolidated results of its operations and the consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of Directors:


Dang Thi Hoang Yen
Chairwoman

Ho Chi Minh City, Vietnam
31 March 2017

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders of Tan Tao Investment and Industry Corporation

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Tan Tao Investment and Industry Corporation ("the Company") and its subsidiaries ("the Group") as prepared on 31 March 2017 and set out on pages 5 to 62, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2016, and the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's responsibility

The Company's management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Group's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2016, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

Emphasis of matters

We draw attention to Notes 2.1 to the consolidated financial statements. The accompanying consolidated financial

statements have been prepared on the assumption that the Group will continue as a going concern. As at 31 December 2016, the Group reported an aggregated loan payable amounting to VND 1,492,313,709,921, of which VND 162,738,249,091 was overdue for repayment in the year ended 31 December 2016 and VND 285,028,339,188 will be due for repayment in the year ending 31 December 2017. These factors indicate the existence of a material uncertainty which may cast significant doubt about the Group's ability to continue as a going concern.

In addition, we draw attention to Note 28 of the consolidated financial statements. Currently, the Group leases land from the State for development of Tan Tao Industrial Park and Tan Duc Industrial Park to sublease to customers. Accumulated up to 31 December 2016, the Group recognised outright revenue from sub-leasing of land and infrastructure on 919,383 square meters in Tan Tao Industrial Park – Expanded Area and 1,674,296 square meters at Tan Duc Industrial Park for the whole sub-leasing period, as well as corresponding cost of subleased land in which included the land rental estimated in accordance with the land lease agreements and the appendices signed with the State agencies at that time. As at 31 December 2016, the Group made the accruals for land rental payables on those area of VND 27,045,609,235, based on the signed land lease agreements and the appendices.

According to the Land Law No. 45/2013/QH13 dated 29 November 2013 issued by the National Assembly and relevant Decrees, the Group has obligations to pay fully land rental to the State for the entire lease term of the said subleased land belonging to Tan Tao Industrial Park and Tan Duc Industrial Park, based on unit price of land rental applied for one-time payment which may be different from the accrued land rental payable.

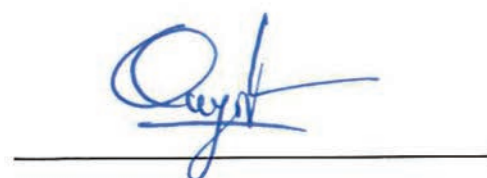
At the date of this report, the Group's management is working with the relevant local authorities to determine land rental payables for the said sub-leased land. Management submitted the necessary documents to the local authorities and are waiting for the comments from these authorities on such matters. The ultimate outcome of this matter is yet to be determined as the date of this report.

Our opinion is not modified in respect of these matters.

Ernst & Young Vietnam Limited

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Ernest Yoong Chin Kang
Deputy General Director
Audit Practicing Registration Certificate
No. 1891-2013-004-1



Nguyen Thi Nhu Quynh
Auditor
Audit Practicing Registration Certificate
No. 3040-2014-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam
31 March 2017

CONSOLIDATED BALANCE SHEET
as at 31 December 2016

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
100	A. CURRENT ASSETS		5,438,914,423,005	5,327,060,136,759
110	I. Cash and cash equivalents	4	26,525,394,919	38,197,437,955
111	1. Cash		26,525,394,919	8,197,437,955
112	2. Cash equivalents		-	30,000,000,000
120	II. Short-term investment	5	8,005,000,321	25,000,000,000
123	1. Held-to-maturity investment		8,005,000,321	25,000,000,000
130	III. Current accounts receivables		1,951,234,217,981	1,889,094,020,494
131	1. Short-term trade receivables	6.1	528,365,202,139	502,498,491,486
132	2. Short-term advances to suppliers	6.2	426,845,219,050	473,509,076,261
136	3. Other short-term receivables	7	1,031,148,297,304	930,018,473,750
137	4. Provision for doubtful short-term receivables	6.1, 6.2, 7	(35,124,500,512)	(16,932,021,003)
140	IV. Inventories	8	3,452,738,016,279	3,374,294,497,963
141	1. Inventories		3,452,738,016,279	3,374,294,497,963
150	V. Other current assets		411,793,505	474,180,347
151	1. Short-term prepaid expenses		356,487,586	16,042,446
152	2. Value-added tax deductible		55,305,919	458,137,901

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
200	B. NON-CURRENT ASSETS		7,478,075,993,448	7,413,629,626,738
210	I. Long-term receivables		2,322,834,993,801	2,383,042,901,334
211	1. Long-term trade receivables	6.1	1,649,928,887,816	1,710,495,765,285
216	2. Other long-term receivables	7	672,906,105,985	672,547,136,049
220	II. Fixed assets		70,961,338,783	76,628,135,404
221	1. Tangible fixed assets	9	55,332,993,151	60,644,553,394
222	Cost		137,059,907,807	136,610,156,615
223	Accumulated depreciation		(81,726,914,656)	(75,965,603,221)
227	2. Intangible assets	10	15,628,345,632	15,983,582,010
228	Cost		20,992,324,940	20,992,324,940
229	Accumulated amortisation		(5,363,979,308)	(5,008,742,930)
230	III. Investment properties	11	511,506,989,427	468,837,328,289
231	1. Cost		599,481,950,825	534,894,793,334
232	2. Accumulated depreciation		(87,974,961,398)	(66,057,465,045)
240	IV. Long-term assets in progress		1,437,663,520,641	1,365,740,245,132
241	1. Long-term work-in-process	13.1	1,368,224,315,891	1,324,943,214,466
242	2. Construction in progress	13.2	69,439,204,750	40,797,030,666
250	V. Long-term investments	14	3,128,049,954,998	3,115,953,932,230
252	1. Investments in associates		418,044,620,514	384,008,514,204
253	2. Investment in other entities		2,858,978,224,898	2,857,903,224,898
254	3. Provision for diminution in value of long-term investments		(148,972,890,414)	(125,957,806,872)
260	VI. Other long-term assets		7,059,195,798	3,427,084,349
261	1. Long-term prepaid expenses		7,059,195,798	3,427,084,349
270	TOTAL ASSETS		12,916,990,416,453	12,740,689,763,497

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance (restated – Note 30)
300	C. LIABILITIES		2,621,095,621,532	3,484,406,597,451
310	I. Current liabilities		1,282,952,107,299	1,939,203,356,643
311	1. Short-term trade payables	15.1	111,716,612,792	109,440,697,226
312	2. Short-term advances from customers	15.2	122,184,366,699	71,515,440,065
313	3. Statutory obligations	16	98,443,521,444	99,064,187,950
314	4. Payables to employees		5,398,876,446	3,951,036,749
315	5. Short-term accrued expenses	17	335,594,525,234	305,284,385,566
318	6. Short-term unearned revenues		3,052,274,496	1,861,980,871
319	7. Other short-term payables	18	158,717,171,909	1,067,624,603,278
320	8. Short-term loans	19	447,766,588,279	280,382,854,938
322	9. Bonus and welfare fund		78,170,000	78,170,000
330	II. Non-current liabilities		1,338,143,514,233	1,545,203,240,808
333	1. Long-term accrued expenses	17	122,771,107,738	78,242,128,651
337	2. Other long-term liabilities	18	78,407,687,125	46,414,868,160
338	3. Long-term loans	19	1,044,547,121,642	1,312,787,679,718
341	4. Deferred tax liabilities	26.3	90,805,484,147	105,989,199,798
342	5. Long-term provisions		1,612,113,581	1,769,364,481
400	D. OWNERS' EQUITY		10,295,894,794,921	9,256,283,166,046
410	I. Capital		10,295,894,794,921	9,256,283,166,046
411	1. Share capital	20.1	9,384,636,070,000	8,384,248,490,000
411a	- Shares with voting rights		9,384,636,070,000	8,384,248,490,000
412	2. Share premium	20.1	307,376,827,511	307,376,827,511
415	3. Treasury shares	20.1	(3,673,910,000)	(3,673,910,000)
418	4. Investment and development fund	20.1	9,154,986,000	9,154,986,000
421	5. Undistributed earnings	20.1	566,309,426,194	528,073,799,952
421a	- Undistributed earnings up to prior year-end		528,073,799,952	413,687,200,633
421b	- Undistributed earnings of current year		38,235,626,242	114,386,599,319
429	6. Non-controlling interests		32,091,395,216	31,102,972,583
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		12,916,990,416,453	12,740,689,763,497

Tran Huu Phuoc
Preparer

Nguyen Viet Doan
Chief Accountant




Thai Van Men
General Director

31 March 2017

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
for the year ended 31 December 2016

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenues from sale of goods and rendering of services	21.1	311,098,727,616	846,184,439,403
02	2. Deductions	21.1	(67,846,215,360)	(104,997,255,426)
10	3. Net revenues from sale of goods and rendering of services	21.1	243,252,512,256	741,187,183,977
11	4. Costs of goods sold and services rendered	22	(130,636,814,780)	(429,665,921,914)
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services		112,615,697,476	311,521,262,063
21	6. Finance income	21.2	79,069,625,286	339,951,314,269
22	7. Finance expenses	23	(95,265,413,182)	(421,591,746,707)
23	<i>In which: Interest expense</i>		(72,224,141,941)	(88,459,931,006)
24	8. Shares of loss of associates	14.1	(1,771,144,535)	(7,049,828,579)
25	9. Selling expenses		(844,660,732)	(2,218,939,452)
26	10. General and administrative expenses	24	(65,817,465,777)	(71,260,702,788)
30	11. Operating profit		27,986,638,536	149,351,358,806
31	12. Other income	25	16,946,974,477	9,315,513,031
32	13. Other expenses	25	(10,006,470,666)	(6,470,899,797)
40	14. Other profit		6,940,503,811	2,844,613,234
50	15. Accounting profit before tax		34,927,142,347	152,195,972,040
51	16. Current corporate income tax expense	26.1	(10,886,809,123)	(8,022,595,127)
52	17. Deferred tax income (expense)	26.1	15,183,715,651	(7,698,435,976)
60	18. Net profit after tax		39,224,048,875	136,474,940,937
61	19. Net profit after tax attributable to shareholders of the parent		38,235,626,242	136,186,504,868
62	20. Net profit after tax attributable to non-controlling interests		988,422,633	288,436,069
70	21. Basic earnings per share	20.4	43	166
71	22. Diluted earnings per share	20.4	43	166


Tran Huu Phuoc
Preparer
31 March 2017


Nguyen Viet Doan
Chief Accountant



CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT
for the year ended 31 December 2016

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	Accounting profit before tax		34,927,142,347	152,195,972,040
	<i>Adjustments for:</i>			
02	Depreciation and amortisation of fixed assets and investment properties	9, 10, 11	28,422,292,974	23,674,250,296
03	Provisions		41,050,312,151	81,262,742,869
04	Foreign exchange gains arisen from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency	21.2	(2,948,197,021)	(11,183,370,582)
05	Profits from investing activities		(76,095,713,513)	(319,248,229,611)
06	Interest expense	23	72,224,141,941	88,459,931,006
	Other finance expense		-	258,069,363,000
08	Operating profit before changes in working capital		97,579,978,879	273,230,659,018
09	Increase in receivables		(20,402,091,004)	(307,945,631,477)
10	Increase in inventories		(96,080,097,998)	(488,469,761,825)
11	Increase (decrease) in payables		202,886,658,805	(144,685,766,534)
12	(Increase) decrease in prepaid expenses		(3,972,556,589)	4,462,530,027
14	Interest paid		(101,654,780,579)	(211,797,858,867)
	Other finance expense paid		-	(181,105,263,000)
15	Corporate income tax paid	16	(10,616,905,548)	(731,157,681)
20	Net cash flows from (used in) operating activities		67,740,205,966	(1,057,042,250,339)
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	Purchase and construction of fixed assets		(9,480,174,084)	(3,654,411,538)
22	Proceed from disposals of fixed assets		-	2,600,000,000
23	Loans to other entities		-	(170,000,000,000)
24	Collections from borrowers		16,994,999,679	145,000,000,000
25	Payments for investments in other entities		(35,111,106,310)	(2,020,894,815)
26	Proceeds from sale of investments in other entities		-	218,587,600,784
27	Interest and dividends received		2,935,002,262	157,782,548,790
30	Net cash flows (used in) from investing activities		(24,661,278,453)	348,294,843,221

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
	Special support received		-	1,000,387,597,000
	Net operating advances received (transferred)		46,105,854,186	(51,533,453,669)
33	Drawdown of borrowings	19	43,098,851,074	97,642,571,591
34	Repayment of borrowings	19	(143,955,675,809)	(348,210,693,783)
40	Net cash flows (used in) from financing activities		(54,750,970,549)	698,286,021,139
50	Net decrease in cash for the year		(11,672,043,036)	(10,461,385,979)
60	Cash at beginning of year		38,197,437,955	48,658,823,934
70	Cash at end of year	4	26,525,394,919	38,197,437,955



Tran Huu Phuoc
Preparer

31 March 2017



Nguyen Viet Doan
Chief Accountant



Thái Văn Mạnh
General Director

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS as at 31 December 2016 and for the year then ended

1 CORPORATE INFORMATION

Tan Tao Investment and Industry Corporation (“the Company”) is a shareholding company incorporated and domiciled in Vietnam accordance with Business Registration Certificate (“BRC”) No. 4103001108 issued by the Department of Planning and Investment (“DPI”) of Ho Chi Minh City on 15 July 2002 and the amended Business Registration Certificates.

The Company’s shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with License No. 68/UBCK-GPNY issued by the State Securities Commission on 15 November 2006.

The registered principal activities of the Company and its subsidiaries (“the Group”) are constructing and trading infrastructures in Industrial Parks; constructing and trading industrial parks and urban residential areas; leasing out completed infrastructure land lots; leasing out or selling the plants constructed by the Company in industrial parks; providing logistical services in industrial parks, investment consulting, and science and technology transfer consulting; constructing, civil and transportation projects; providing forwarding and warehousing services; constructing electricity works up to 35 KV; and trading houses (constructing or repairing houses for lease or sales).

The Company’s registered head office is located at Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Group’s employees as at 31 December 2016 was 592 (31 December 2015: 638).

Corporate structure

The Company’s corporate structure includes 6 subsidiaries, in which:

▶ *Tan Tao Services Utilization – Office and Warehousing Trade Co., Ltd. (“TASERCO”)*

This is a one-member limited liability company established in accordance with BRC No. 4104000027 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 12 September 2001, as amended. TASERCO’s head office is located at Lot 60A, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Its registered principal activities are buying, selling and leasing out residential houses, workshops, offices, warehouses; and providing repair services.

As at 31 December 2016, the Company holds a 100% equity share and 100% voting rights in this subsidiary (31 December 2015: 100%).

▶ *Tan Duc Investment Corporation (“TAD”)*

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 5003000109 issued by the DPI of Long An province on 27 June 2005, as amended. TAD’s head office is located at Lot 8, Tan Duc Industrial Park, Duc Hoa Ha Ward, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam. Its registered principal activities are investing in construction and developing industrial parks, city and port and supporting services; space, workshop, office, hotel, restaurant and commercial center leasing.

As at 31 December 2016, the Company holds a 98.5% equity share and 98.5% voting rights in this subsidiary (31 December 2015: 98.5%).

► *Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation (“ITATRANS”)*

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 4103000408 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 8 May 2001, as amended. ITATRANS’s head office is located at Lot 21, Road 1, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Its registered principal activities are forwarding goods overseas and domestically by sea, air, rail and land; providing agency services for delivery and transfer of import - export goods by air, sea, rail and land; warehouse leasing, loading and unloading, storing, packing good services and customs declaration services.

As at 31 December 2016, the Company holds a 94.5% equity share and 94.5% voting rights in this subsidiary (31 December 2015: 94.5%).

► *an Tao Mekong Sky Corporation (“MKS”)*

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 4103010071 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 21 April 2008, as amended. MKS’s head office is located at Lot 117-119 Pasteur, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam. Its registered principal activities are construction and services.

As at 31 December 2016, the Company holds a 51% equity share and 51% voting rights in this subsidiary (31 December 2015: 51%).

► *Tan Tao Mekong City Investment and Trading Corporation (“MKC”)*

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 4103010034 issued by the DPI of Ho Chi Minh City on 17 April 2008, as amended. MKC’s head office is located at No. 4/6, Nguyen Van Luong Street, Ward 16, Go Vap District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Its registered principal activities are constructing of civil, industrial projects and providing services.

As at 31 December 2016, the Company holds a 51% equity share and 51% voting rights in this subsidiary (31 December 2015: 51%).

► *Tan Tao Long Beach Joint Stock Company (“LB”)*

This is a shareholding company established in accordance with BRC No. 1701391473 issued by the People Committee of Kien Giang Province on 17 June 2010, as amended. LB’s head office is located at No 124, Tran Hung Dao Street, Phu Quoc District, Kien Giang Province, Vietnam. Its registered principal activities are providing the hotel and restaurant services.

As at 31 December 2016, the Company holds a 60% equity share and 60% voting rights in this subsidiary (31 December 2015: 60%).

2 BASIS OF PREPARATION

2.1 Going concern assumption

The consolidated financial statements have been prepared on a going concern basis, which presumes that the Group will be able to realise its assets and discharge its liabilities in the normal course of operations for the foreseeable future.

As at 31 December 2016, the Group reported loans payable amounting to VND 1,492,313,709,921, of which VND 162,738,249,091 was overdue for repayment in the year ended 31 December 2016 and VND 285,028,339,188 will be due for repayment in the year ending 31 December 2017 (Note 19). Moreover, revenue from sub-leasing of land lots and related infrastructures during the year ended 31 December 2016 has decreased significantly

because the Group is still in the process of finalising the sub-leasing land price to its customers due to the recent changes in land laws.

In view thereof, the Group's ability to continue in business is dependent upon management's success of achieving future cash flows to repay the loans and obtaining agreement from banks to restructure and extend the new repayment term for the current loans.

As at the date of these consolidated financial statements, the Company obtained the approval from the banks to extend the repayment terms for outstanding loan balances which was overdue for repayment in the year ended 31 December 2016. Management are discussing with the local authorities to obtain their final comments and guidance on the land rental payable to the Government on land sub-leased whereby the Group can determine the new sub-leasing land price and enter into new contracts with its customers in the year 2017. In addition, management had prepared a cash flows projection which is based on expected transactions from sub-leased land and other operating activities which will enable the Group to meet its liabilities as and when their obligations fall due, and to continue operations in the following year.

Accordingly, the consolidated financial statements do not include any adjustments to assets and liabilities that may be necessary if the Group is unable to continue as a going concern.

2.2 Accounting standards and system

The consolidated financial statements of the Group, expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- ▶ Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- ▶ Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- ▶ Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- ▶ Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- ▶ Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated financial statements, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.3 Applied accounting documentation system

The Group's applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.4 Fiscal year

The Group's fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.5 Accounting currency

The consolidated financial statements are prepared in VND which is also the Group's accounting currency.

2.6 Basis of consolidation

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiaries for the year ended 31 December 2016.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of subsidiaries are prepared for the same reporting year as the parent company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or loss resulting from intra-company transactions are eliminated in full.

Non-controlling interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Group and are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet, separately from parent shareholders' equity.

Impact of change in the ownership interest of a subsidiary, without a loss of control, is recorded in equity.

3 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Cash

Cash comprise cash on hand and cash in banks.

3.2 Inventories

Inventories mainly comprise land, factories, properties in industrial parks, apartments in residential areas, and properties of other estate projects completed, purchased or being constructed for sale in the ordinary course of business, rather than to be held for rental or capital appreciation, and is measured at the lower of cost and net realizable value.

Cost includes:

- ▶ *Freehold and leasehold rights for land;*
- ▶ *Amounts paid to contractors for construction; and*
- ▶ *Borrowing costs, planning and design costs, costs of site preparation, professional fees for legal services, property transfer taxes, construction overheads and other related costs*

Net realisable value is the estimated selling price of inventory property in the ordinary course of the business, based on market prices at the reporting date and discounted for the time value of money if material, less costs to completion and the estimated costs of sale.

The cost of inventory property recognised in profit or loss on disposal is determined with reference to the specific costs incurred on the property sold and an allocation of any non-specific costs based on the relative size of the property sold.

3.3 Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the consolidated income statement.

3.4 Fixed assets

Tangible fixed assets and intangible assets are stated at cost less accumulated depreciation or amortisation.

The cost of a fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the fixed asset to working condition for its intended use. Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred.

When fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

3.5 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	5 - 20 years
Machinery and equipment	4 - 10 years
Means of transportation	5 - 10 years
Office equipment	3 - 6 years
Land use rights	20 - 47 years

3.6 Investment properties

Investment properties are stated at cost including transaction costs less accumulated depreciation and amortisation. Investment properties held for capital appreciation are not depreciated/amortised but subject to impairment review.

Subsequent expenditure relating to an investment property that has already been recognized is added to the net book value of the investment property when it is probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, will flow to the Group.

Depreciation and amortisation of investment properties are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Land use rights	36 - 39 years
Buildings and structures	20 - 37 years

Investment properties are derecognised when either they have been disposed of or when the investment properties are permanently withdrawn from use and no future economic benefit is expected from its disposal. The difference between the net disposal proceeds and the carrying amount of the assets is recognised in the consolidated income statement in the year of retirement or disposal.

Transfers are made to investment properties when, and only when, there is a change in use, evidenced by ending of owner-occupation, commencement of an operating lease to another party or ending of construction or development. Transfers are made from investment properties when, and only when, there is change in use,

evidenced by commencement of owner-occupation or commencement of development with a view to sale. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventories does not change the cost or the carrying value of the property for subsequent accounting at the date of change in use.

3.7 Investments

Investments in associates

The Group's investments in its associates are accounted for using the equity method of accounting. An associate is an entity in which the Group has significant influence that are neither subsidiaries nor joint ventures. The Group generally deems they have significant influence if they have over 20% of the voting rights.

Under the equity method, the investment is carried in the consolidated balance sheet at cost plus post acquisition changes in the Group's share of net assets of the associates. Goodwill (if any) arising on acquisition of the associate is included in the carrying amount of the investment. Goodwill is not amortised and subject to annual review for impairment. The consolidated income statement reflects the share of the post-acquisition results of operation of the associate.

The share of post-acquisition profit (loss) of the associates is presented on the face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividends receivable from associates reduce the carrying amount of the investment.

The financial statements of the associates are prepared for the same reporting year and use the same accounting policies as the Group. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Group.

Investments in other entities

In securities and investments in other entities are stated at their acquisition costs.

Provision diminution in value of investments

Provision is made for any diminution in value of the investments in other entities at the balance sheet date in accordance with the guidance under the Circular No. 228/2009/TT-BTC dated 7 December 2009 and Circular No. 89/2013/TT-BTC dated 28 June 2013 issued by the Ministry of Finance. Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the consolidated income statement.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are stated at their acquisition costs. After initial recognition, held-to-maturity investments are measured at recoverable amount. Any impairment loss incurred is recognised as expense in the consolidated income statement and deducted against the value of such investments.

3.8 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that an entity incurs in connection with the borrowing of funds.

Borrowing costs are recorded as expense during the year in which they are incurred, except to the extent that they are capitalized. Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that necessarily take a substantial period of time to get ready for its intended use or sale are capitalized as part of the cost of the respective asset.

3.9 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the consolidated balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

3.10 Lease assets

Where the Group is the lessor

Assets subject to operating leases are included as the Group's investment property in the consolidated balance sheet. Initial direct costs incurred in negotiating an operating lease are recognised in the consolidated income statement as incurred.

Lease income is recognised in the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

Where the Group is the lessee

Rentals under operating leases are charged to the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

3.11 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

3.12 Accrual for severance pay

The severance pay to employee is accrued at the end of each reporting year for all employees who have been in service for more than 12 months up to 31 December 2008 at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service up to 31 December 2008 in accordance with the Labour Code, and related implementing guidance. The average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting year following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date. Any increase to the accrued amount will be taken to the consolidated income statement.

This accrued severance pay is used to settle the termination allowance to be paid to employee upon termination of their labour contract following Article 48 of the Labour Code.

3.13 Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Group's accounting currency of VND are recorded at the actual transaction exchange rates at transaction dates which are determined as follows:

- Transaction resulting in receivables are recorded at the buying exchange rates of the commercial banks designated for collection; and*
- Transactions resulting in liabilities are recorded at the selling exchange rates of the commercial banks designated for payment.*

At the end of the year, monetary balances denominated in foreign currencies are translated at the actual exchange rates at the balance sheet dates which are determined as follows:

- Monetary assets are translated at buying exchange rate of the commercial bank where the Group conducts transactions regularly; and*
- Monetary liabilities are translated at selling exchange rate of the commercial bank where the Group conducts transactions regularly.*

All foreign exchange differences incurred during the year and arisen from the translation of monetary accounts denominated in foreign currency at year-end are taken to the consolidated income statement.

3.14 Treasury shares

Own equity instruments which are reacquired (treasury shares) are recognised at cost and deducted from equity. No gain or loss is recognised in profit or loss upon purchase, sale, issue or cancellation of the Group's own equity instruments.

3.15 Earnings per share

Basic earnings per share amount is computed by dividing net profit for the year attributable to ordinary shareholders, by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, where applicable. Diluted earnings per share amount is calculated by dividing the net profit (loss) after tax attributable to ordinary equity holders of the Group (after adjusting for interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

3.16 Appropriation of net profits

Net profit after tax (excluding negative goodwill arising from a bargain purchase) is available for appropriation to shareholders after approval at the shareholders' meeting, and after making appropriations to reserve funds in accordance with the Group's Charter and Vietnamese's regulatory requirements.

The Group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the Annual General Meeting.

Investment and development fund

This fund is set aside for use in the Group's expansion of its operation or of in-depth investment

Bonus and welfare fund

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits, and presented as liabilities in the consolidated balance sheet.

3.17 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Lease of industrial plots and related infrastructure

Sales from lease of land lots and related infrastructures are recognised at the entire rental amount received in advance when all these conditions are met:

- ▶ *The lease period is more than 90% of the useful life of the assets;*
- ▶ *The lessee is not entitled to cancel the lease contract and the lessor has no obligation to repay the amount received in advance in all cases and in all forms;*
- ▶ *The amount received in advance from the lease is not less than 90% of the total lease amount expected to fulfilled under the contract during the lease term and the lessee must pay the entire amount of lease within 12 months from the beginning of the lease;*
- ▶ *Almost all the risks and benefits associated with ownership of the leased asset are transferred to the lessee; and*

- ▶ *The Group must estimate relatively the full cost of the lease.*

Sales from trading of land plots

Revenues from selling land plots are recognized when land plots are transferred to the customers and all these conditions are met:

- ▶ *Contracts are non-cancellable;*
- ▶ *Risks and benefits associated with the land plots are transferred to the buyer;*
- ▶ *The turnover is determined reliably;*
- ▶ *Costs related to sale of plots may be determined; and*
- ▶ *The Group has received or will receive economic benefits from sales of the plots.*

Rendering of services

Revenue from rendering of services is recognized as and when the services are rendered to the customers and are stated net of discounts, value-added tax and allowances.

Rental income

Rental income arising from operating leases is accounted for on a straight-line basis over the lease term.

Interest

Revenue is recognised as interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Dividends

Income is recognised when the Group's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

3.18 Taxation

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to offset current tax assets against current tax liabilities and when the Group intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- ▶ *where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.*
- ▶ *in respect of taxable temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.*

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except :

- ▶ *where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.*
- ▶ *in respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.*

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the consolidated balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to off-set current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on:

- ▶ *either the same taxable entity; or*
- ▶ *when the Group intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.*

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Cash on hand	383,988,541	224,398,366
Cash at banks	26,141,406,378	7,973,039,589
Cash equivalents	-	30,000,000,000
TOTAL	<u>26,525,394,919</u>	<u>38,197,437,955</u>

5. SHORT-TERM INVESTMENT

This amount represents the term deposit at Bank for Investment and Development of Vietnam with maturity of six (6) months and earns the interest at interest rate of 5.1% per annum.

6. TRADE RECEIVABLES AND ADVANCES TO SUPPLIERS

6.1 Trade receivables

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Short-term	528,365,202,139	502,498,491,486
Related parties	251,637,400,086	264,010,471,868
Other parties, in which:	276,727,802,053	238,488,019,618
- <i>Tan Duc Construction Investment Co., Limited</i>	92,936,417,600	91,549,915,467
- <i>Customers at resettlement area</i>	43,166,801,905	37,835,671,649
- <i>Vietnam - US High Technology Dairy Corporation</i>	20,519,951,001	20,213,817,461
- <i>ITA Investment - Manufacturing and Supply Water Joint Stock Company</i>	15,697,783,018	16,057,783,018
- <i>Kanaan Saigon Company Limited</i>	16,657,840,508	15,049,151,106
- <i>Other customers</i>	87,749,008,021	57,781,680,917
Long-term	1,649,928,887,816	1,710,495,765,285
Related parties	1,310,299,584,680	1,313,390,104,468
Other parties, in which:	339,629,303,136	397,105,660,817
- <i>Vietnamese Broadcasting Corporation</i>	132,010,912,896	132,010,912,896
- <i>ITA Investment - Manufacturing and Supply Water Joint Stock Company</i>	109,114,110,573	97,566,110,573
- <i>Customers at resettlement area</i>	30,926,306,590	75,671,343,297
- <i>Kanaan Saigon Company Limited</i>	34,115,854,180	39,602,064,315
- <i>Other customers</i>	33,462,118,897	52,255,229,736
TOTAL	<u>2,178,294,089,955</u>	<u>2,212,994,256,771</u>
Provision for doubtful short-term receivables	(17,449,686,025)	(12,150,033,233)
NET	<u>2,160,844,403,930</u>	<u>2,200,844,223,538</u>
<i>In which:</i>		
<i>Related parties (Note 27)</i>	1,561,936,984,766	1,577,400,576,336
<i>Other parties</i>	616,357,105,189	635,593,680,435

The Group has pledged part of its receivables of E-City Tan Duc to secure for its long-term loans from banks (Note 19).

6.2 Short-term advances to suppliers

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Related parties (Note 27)	106,982,587,941	134,542,449,928
Other parties, in which:	319,862,631,109	338,966,626,333
- Tan Duc Construction Investment Co., Limited	164,478,928,036	185,357,957,236
- Vietnamese Broadcasting Corporation	94,500,000,000	94,500,000,000
- Bank for Investment and Development of Vietnam ("BIDV") – West Saigon Branch	-	21,439,000,000
- Thanh Phu Investment JSC	15,681,575,100	15,681,575,100
- Tan Kien Investment and Construction Co., Ltd.	24,264,600,000	8,230,600,000
- Others	20,937,527,973	13,757,493,997
TOTAL	426,845,219,050	473,509,076,261
Provision for short-term advances to suppliers	-	(873,138,029)
NET	426,845,219,050	472,635,938,232

7. OTHER RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term	1,031,148,297,304	930,018,473,750
Non-interest bearing advance	855,562,762,368	821,652,185,181
Dividend income	160,000,000,000	100,000,000,000
Others	15,585,534,936	8,366,288,569
Long-term	672,906,105,985	672,547,136,049
Advance receivable from Vietnam Land Investment Corporation	589,693,102,131	589,833,732,195
Dividend income	67,144,621,854	66,644,621,854
Advance for investment	15,700,000,000	15,700,000,000
Deposits	368,382,000	368,782,000
TOTAL	1,704,054,403,289	1,602,565,609,799
Provision for doubtful receivables	(17,674,814,487)	(3,908,849,741)
NET	1,686,379,588,802	1,598,656,760,058
<i>In which:</i>		
Related parties (Note 27)	1,073,812,179,893	994,356,793,506
Other parties	630,242,223,396	608,208,816,293

8. INVENTORIES

Details of inventories by the Group's projects as at the balance sheet date are as follows:

		VND
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Tan Duc Industrial Park (*)	1,239,765,564,218	1,209,531,737,662
E-City Tan Duc (*)	1,307,482,766,819	1,271,128,163,148
Tan Tao Industrial Park (*)	515,528,399,479	474,426,358,655
Tan Duc Apartment	202,220,694,777	202,139,434,777
Factories for lease in Tan Duc Industrial Park	50,817,522,795	77,667,099,182
Tan Duc Residential area	66,705,537,149	62,320,779,738
Tan Tao Apartment Plaza	21,764,512,943	22,644,715,259
Other projects	48,453,018,099	54,436,209,542
TOTAL	<u>3,452,738,016,279</u>	<u>3,374,294,497,963</u>

(*) The Group used certain of land use rights of these projects as collateral for long-term loans from banks (*Note 19*).

9. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures (*)	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Other assets	Total	VND
Cost:							
Beginning balance	105,414,430,965	7,434,599,865	21,865,221,596	1,824,347,769	71,556,420	136,610,156,615	
New purchases	-	485,000,000	353,000,000	-	-	838,000,000	
Disposal	-	-	(388,248,808)	-	-	(388,248,808)	
Ending balance	105,414,430,965	7,919,599,865	21,829,972,788	1,824,347,769	71,556,420	137,059,907,807	
<i>In which:</i>							
Fully depreciated	12,182,629,838	5,704,403,333	20,020,979,454	1,431,539,284	71,556,420	39,411,108,329	
Accumulated depreciation:							
Beginning balance	(45,761,197,463)	(6,786,975,400)	(21,599,380,602)	(1,746,493,336)	(71,556,420)	(75,965,603,221)	
Depreciation for the year	(5,767,607,427)	(187,465,757)	(180,728,499)	(13,758,560)	-	(6,149,560,243)	
Disposal	-	-	388,248,808	-	-	388,248,808	
Ending balance	(51,528,804,890)	(6,974,441,157)	(21,391,860,293)	(1,760,251,896)	(71,556,420)	(81,726,914,656)	
Net carrying amount:							
Beginning balance	59,653,233,502	647,624,465	265,840,994	77,854,433	-	60,644,553,394	
Ending balance	53,885,626,075	945,158,708	438,112,495	64,095,873	-	55,332,993,151	

(*) The Group used certain of those buildings and structures as collateral for long-term loans from banks (Note 19).

10. INTANGIBLE ASSETS

	VND		
	<i>Land use rights</i>	<i>Computer software</i>	<i>Total</i>
Costs:			
Beginning and ending balances	16,696,109,435	4,296,215,505	20,992,324,940
<i>In which:</i>			
<i>Fully amortised</i>	-	4,296,215,505	4,296,215,505
Accumulated amortisation:			
Beginning balance	(712,527,425)	(4,296,215,505)	(5,008,742,930)
Amortisation for the year	(355,236,378)	-	(355,236,378)
Ending balance	(1,067,763,803)	(4,296,215,505)	(5,363,979,308)
Net carrying amount:			
Beginning balance	15,983,582,010	-	15,983,582,010
Ending balance	15,628,345,632	-	15,628,345,632

The Group used certain of those land use rights as collateral for long-term loans from banks (Note 19).

11. INVESTMENT PROPERTIES

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Investment property for rent (Note 11.1)	546,428,555,441	481,841,397,950
Investment property for capital appreciation (Note 11.2)	53,053,395,384	53,053,395,384
TOTAL	599,481,950,825	534,894,793,334
Less: accumulated depreciation and amortisation (Note 11.1)	(87,974,961,398)	(66,057,465,045)
NET	511,506,989,427	468,837,328,289

11. INVESTMENT PROPERTIES (continued)

11.1 Investment property for rent

	<i>Land use rights</i>	<i>Buildings and structures</i>	<i>Total</i>
VND			
Cost:			
Beginning balance	21,909,795,907	459,931,602,043	481,841,397,950
Transfer from inventories	-	64,587,157,491	64,587,157,491
Ending balance	<u>21,909,795,907</u>	<u>524,518,759,534</u>	<u>546,428,555,441</u>
Accumulated depreciation:			
Beginning balance	(9,013,702,110)	(57,043,762,935)	(66,057,465,045)
Depreciation and amortisation for the year	<u>(449,812,685)</u>	<u>(21,467,683,668)</u>	<u>(21,917,496,353)</u>
Ending balance	<u>(9,463,514,795)</u>	<u>(78,511,446,603)</u>	<u>(87,974,961,398)</u>
Net carrying amount:			
Beginning balance	<u>12,896,093,797</u>	<u>402,887,839,108</u>	<u>415,783,932,905</u>
Ending balance	<u>12,446,281,112</u>	<u>446,007,312,931</u>	<u>458,453,594,043</u>

11.2 Investment property for capital appreciation

The cost of the land lot located at Bai Sao, Ward 4, An Thoi Ward, Phu Quoc District, Kien Giang Province, Viet Nam, amounted of VND 53,053,395,384 was kept for the purpose of capital appreciation.

11.3 Additional disclosures

As at 31 December 2016, the fair value of investment properties has not been formally assessed. However, given the present occupancy of these properties and the market value of the land, it is management's assessment that these properties' fair values are higher than their carrying values at the balance sheet date.

The future annual rental receivable under the operating lease is included in Note 28.

Revenue and expense relating to investment properties are represented at Note 21.3.

12. CAPITALIZED BORROWING COSTS

During the year, the Group capitalized borrowing costs amounting to VND 90,231,679,234 (previous year: VND 122,438,218,202). These costs relate to the borrowings taken to finance the development and construction of the projects including E-City Tan Duc, Kien Luong and Tan Duc Industrial Park.

13. LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS

13.1 Long-term work-in-process

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Kien Luong Energy and Power Center (*)	491,860,371,510	450,264,211,125
Land to develop industrial park	468,356,060,000	468,356,060,000
Tan Duc Entertainment area (*)	258,730,877,745	257,045,936,705
Ba Hon Urban Area	149,277,006,636	149,277,006,636
TOTAL	<u>1,368,224,315,891</u>	<u>1,324,943,214,466</u>

(*) The Group used certain of land use rights of this project as collateral for long-term loans from banks (Note 19).

13.2 Long-term construction in progress

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Workers' apartment plaza	36,806,398,106	36,806,398,106
The Company's Office	20,000,000,000	-
Waste water treatment plant	3,346,566,088	3,346,566,088
Others	9,286,240,556	644,066,472
TOTAL	<u>69,439,204,750</u>	<u>40,797,030,666</u>

14. LONG-TERM INVESTMENTS

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Investments in associates (Note 14.1)	418,044,620,514	384,008,514,204
Other long-term investments	2,858,978,224,898	2,857,903,224,898
<i>In which:</i>		
<i>Investments in a listed entity (Note 14.2)</i>	<i>13,994,600,000</i>	<i>13,994,600,000</i>
<i>Investments in other entities (Note 14.3)</i>	<i>2,843,161,263,869</i>	<i>2,842,086,263,869</i>
<i>Other long-term investments</i>	<i>1,822,361,029</i>	<i>1,822,361,029</i>
TOTAL	<u>3,277,022,845,412</u>	<u>3,241,911,739,102</u>
Provision for long-term investments	(148,972,890,414)	(125,957,806,872)
<i>Listed entity (Note 14.2)</i>	<i>(7,836,976,000)</i>	<i>(6,017,678,000)</i>
<i>Other entities (Note 14.3)</i>	<i>(141,135,914,414)</i>	<i>(119,940,128,872)</i>
NET	<u>3,128,049,954,998</u>	<u>3,115,953,932,230</u>

14.1 Investments in associates

Name of associates	Business activities	Status	Ending balance		Beginning balance	
			% interest	Cost of investment VND	% interest	Cost of investment VND
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Residential and industrial construction and trading and investment consulting	Pre-operating	38.46	197,102,972,831	38.46	165,027,593,116
Tan Tao Hospital Corporation	Investing in construction of hospitals, import and export medicines and medical equipment and personnel training in health sector	Operating	49	127,885,258,034	49	125,525,090,738
Tan Tao Cement Corporation	Manufacturing and trading of cement, building materials, packaging and construction	Pre-operating	42	81,307,558,658	42	80,078,951,422
Sai Gon - Quang Binh Tourist Company	Organizing domestic and international tours and running business of hotels and restaurants	Operating	20	11,748,830,991	20	13,376,878,928
TOTAL				418,044,620,514		384,008,514,204

4.1 Investments in associates (continued)

Details of movements of these investments in associates during the year are as follows:

	Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Tan Tao Hospital Corporation	Tan Tao Cement Corporation	Sai Gon - Quang Binh Tourist Company	VND Total
Cost of investment:					
Beginning balance	168,173,492,707	130,549,356,100	84,000,000,000	13,000,000,000	395,722,848,807
Increase	31,376,750,845	4,430,500,000	-	-	35,807,250,845
Ending balance	199,550,243,552	134,979,856,100	84,000,000,000	13,000,000,000	431,530,099,652
Accumulated share in post-acquisition (loss) profit of the associates:					
Beginning balance	(3,145,899,591)	(5,024,265,362)	(3,921,048,578)	376,878,928	(11,714,334,603)
Share (loss) profit from the associates for the year	698,628,870	(2,070,332,704)	1,228,607,236	(1,628,047,937)	(1,771,144,535)
Ending balance	(2,447,270,721)	(7,094,598,066)	(2,692,441,342)	(1,251,169,009)	(13,485,479,138)
Net carrying amount:					
Beginning balance	165,027,593,116	125,525,090,738	80,078,951,422	13,376,878,928	384,008,514,204
Ending balance	197,102,972,831	127,885,258,034	81,307,558,658	11,748,830,991	418,044,620,514

14.2 Investments in listed entity

Name of associates	Status	Ending balance		Beginning balance	
		Number of share	Cost of investment VND	Number of share	Cost of investment VND
Nam Viet Commercial Joint Stock Bank	Operating	1,399,460	13,994,600,000	1,399,460	13,994,600,000
Provision for diminution in value			(7,836,976,000)		(6,017,678,000)
FAIR VALUE			6,157,624,000		7,976,922,000

14.3 Investments in other entities

<i>Cost of investments</i>	<i>Ending balance</i>		<i>Beginning balance</i>	
	<i>Amount</i>	<i>% of VND interest (*)</i>	<i>Amount</i>	<i>% of VND interest (*)</i>
Tan Tao Energy Development Corporation	1,752,748,089,908	19.00	1,752,748,089,908	19.00
Tan Tao University Corporation	611,560,043,671	13.00	611,560,043,671	13.00
Tan Tao Energy Corporation 2	417,730,820,290	10.00	416,655,820,290	10.00
Sai Gon - Da Lat Joint Stock Company	25,519,500,000	15.95	25,519,500,000	15.95
Saigon - Nhon Hoi Industrial Park Corporation	16,000,000,000	16.00	16,000,000,000	16.00
Vinatex - Tan Tao Investment Corporation	11,000,000,000	7.27	11,000,000,000	7.27
276 Mechanics Corporation	5,602,810,000	16.40	5,602,810,000	16.40
Tan Tao Agrimeco Mechanics - Energy Industrial Park Corporation	3,000,000,000	0.06	3,000,000,000	0.06
TOTAL	2,843,161,263,869		2,842,086,263,869	
Provision for investments	(141,135,914,414)		(119,940,128,872)	
NET	2,702,025,349,455		2,722,146,134,997	

(*) These are based on the Business Registration Certificates of the investee companies.

15. TRADE PAYABLES AND ADVANCES FROM CUSTOMERS

15.1 Short-term trade payables

	<i>VND</i>	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Other parties	90,134,827,770	91,348,624,462
- <i>Tan Duc Construction and Investment Limited Company</i>	36,610,944,059	36,610,944,059
- <i>Morris Architects Inc.</i>	18,296,175,111	18,296,175,111
- <i>Other suppliers</i>	30,873,037,521	36,441,505,292
Related parties (<i>Note 27</i>)	21,581,785,022	18,092,072,764
TOTAL	111,716,612,792	109,440,697,226

15.2 Short-term advances from customers

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Allsum International Group Ltd	69,814,467,414	-
Khai Dinh Limited Company	4,032,896,709	-
Ha An Long An Joint Stock Company	-	12,676,512,684
Nguyen Phat Long An Production and Trading Services Joint Stock Company	-	6,933,632,798
Other customers	48,337,002,576	51,905,294,583
TOTAL	122,184,366,699	71,515,440,065

This amount mainly represents non-interest bearing advances received from the Group's customers for land lease contracts.

16. STATUTORY OBLIGATIONS

	VND			
	<i>Beginning balance</i>	<i>Increase during the year</i>	<i>Payment during the year</i>	<i>Ending balance</i>
Corporate income tax	48,819,156,875	10,628,455,199	(10,616,905,548)	48,830,706,526
Value-added tax	47,268,536,301	36,742,691,805	(38,121,506,299)	45,889,721,807
Personal income tax	339,559,941	681,496,068	(115,153,801)	905,902,208
Land use tax	1,702,227,590	3,688,990,680	(3,760,320,480)	1,630,897,790
Other taxes	934,707,243	440,397,201	(188,811,331)	1,186,293,113
TOTAL	99,064,187,950	52,182,030,953	(52,802,697,459)	98,443,521,444

17. ACCRUED EXPENSES

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance (as restated – Note 30)</i>
Short-term	335,594,525,234	305,284,385,566
Interest expense	187,375,068,457	171,103,006,948
Cost of the leased land or factories	113,871,208,671	107,544,948,711
Others	34,348,248,106	26,636,429,907
Long-term	122,771,107,738	78,242,128,651
Interest expense	122,771,107,738	78,242,128,651
TOTAL	<u>458,365,632,972</u>	<u>383,526,514,217</u>

18. OTHER PAYABLES

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Short-term	158,717,171,909	1,067,624,603,278
Special supports received (*)	-	1,000,387,597,000
Advances received (**)	128,250,515,270	44,457,380,508
Others	30,466,656,639	22,779,625,770
Long-term	78,407,687,125	46,414,868,160
Deposits received (***)	78,407,687,125	46,414,868,160
TOTAL	<u>237,124,859,034</u>	<u>1,114,039,471,438</u>

In which:

<i>Other parties</i>	162,909,789,937	76,907,695,301
<i>Related parties (Note 27)</i>	74,215,069,097	1,037,131,776,137

(*) These amounts represented the non-interest bearing special supports from related parties with no repayment terms, which were converted to contributed share capital on 23 June 2016 (Note 20.1).

(**) These amounts included the non-interest bearing advances received from related parties with no repayment terms, amounting to VND 74,215,069,097 (Note 27) (31 December 2015: VND 34,361,801,629).

(***) This amount represents deposits received from the Group's customers for factory and land lease contracts.

19. LOANS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term loans (*)	447,766,588,279	280,382,854,938
Loans from banks (Note 19.1)	100,607,053,436	88,786,173,854
Current portion of long-term loans from banks (Note 19.2)	339,005,534,843	181,609,904,617
Current portion of long-term loans from others (Note 19.3)	8,154,000,000	9,986,776,467
Long-term loans	1,044,547,121,642	1,312,787,679,718
Loans from banks (Note 19.2)	1,032,364,371,642	1,293,544,679,718
Loans from others (Note 19.3)	12,182,750,000	19,243,000,000
TOTAL	1,492,313,709,921	1,593,170,534,656
(*) In which:		
Overdue loans at 31 December	162,738,249,091	75,550,000,000
Due in the next 12 months	285,028,339,188	204,832,854,938

Movements of loans during the year are as follows:

	VND
	Amount
Beginning balance	1,593,170,534,656
Drawdown of borrowings	43,098,851,074
Repayment of borrowings	(143,955,675,809)
Ending balance	<u>1,492,313,709,921</u>

19.1 Short-term bank loans

Detail of the bank loans are as follows:

Name of Bank	Ending balance VND	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development					
Loan 1	25,057,053,436	From 6 July 2016 to 6 July 2017	7.75%	Land use right of 5,550 m ² at Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An Province with total value of VND 11,995,065,000	Financing the working capital requirements
National Citizen Commercial Joint Stock Bank					
Loan 1	75,550,000,000	31 December 2014 (*)	Prevailing interest rate applied by the bank, applied until new announcement (ranging from 12.5% to 13.5% p.a.)	Land use right of 2,486 m ² of Tan Duc Residential project owned by TAD and Land use right of 54,571 m ² of E-City Tan Duc project, owned by the Group	Financing the working capital requirements
TOTAL	100,607,053,436				

19.1 Short-term bank loans (continued)

(*) In 2015, the Group submitted an Official Letter to National Citizen Commercial Joint Stock Bank (“NCB”) to request for an alternative settlement arrangement which includes the waiver of all penalty relating to the late settlement of this loan. As at the date of these consolidated financial statements, NCB is in the process to complete the abovementioned arrangement to settle the loans which is expected to be completed in the year ending 31 December 2017.

19.2 Long-term bank loans

Detail of the bank loans are as follows:

Name of bank	Ending balance VND	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
Bank for Investment and Development of Vietnam					
Loan 1	317,400,000,000	Quarterly repayment up to 25 April 2021	12-month saving rate + margin 3% - 6% p.a. (average rate of 11.5% p.a.)	Land use right of 41,786 m ² at Tan Tao IP; Land use right of 248.7 ha and infrastructure of Kien Luong Energy and Power Center; Land use right of 265,693 m ² at Tan Duc IP owned by TAD	Financing Kien Luong project Financing the working capital requirements
Loan 2	55,700,000,000				
Loan 3	29,275,384,000	Quarterly repayment up to 1 January 2020	12-month saving rate + margin 3% - 6% p.a. and can be adjusted every 6 months (ranging from 11.3% to 13.9% p.a.)	468,000 shares of ITA owned by Tan Tao Corporation; 350,000 shares of ITA owned by TTUC; Land use right of 5,550 m ² and land use right of 2,486 m ² at Tan Duc IP owned by TAD	Financing Tan Duc Residential area

19.2 Long-term bank loans (continue)

Detail of the bank loans are as follows: (continued)

<i>Name of bank</i>	<i>Ending balance VND</i>	<i>Term and maturity date</i>	<i>Interest rate</i>	<i>Description of collateral</i>	<i>Purpose</i>
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade					
Loan 1	169,900,000,000	Quarterly repayment up to 24 December 2018	12-month saving rate + fixed rate 4.2% p.a., and can be adjusted every 6 months (ranging from 11.5% to 12% p.a.)	Assets owned by the Group including land use rights of area C of E-City Tan Duc project with total value of VND 899.5 billion; receivable from E-City Tan Duc project	Financing E-City Tan Duc Project
Vietnam Maritime Joint Stock Bank					
Loan 1	124,440,828,961	Quarterly repayment up to 31 August 2018	Prevailing interest rate applied by the Bank, can be adjusted every 6 months (ranging from 11.5% to 12% p.a.)	Land use right of 561,839 m ² and infrastructures at Tan Duc IP phase II owned by TAD	Financing Tan Duc IP phase II

19.2 Long-term bank loans (continued)

Detail of the bank loans are as follows: (continued)

Name of bank	Ending balance VND	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
National Citizen Commercial Joint Stock Bank					
Loan 1	56,174,260,987	Semi-annual up to 17 November 2017	12-month saving rate + fixed rate 5.2% p.a., and can be adjusted every 3 months (ranging from 8% to 11.5% p.a.)	Land use rights of land at Tan Duc IP with total value of VND 161.9 billion, owned by TAD	Financing Kien Luong Project
Vietnam Public Commercial Bank					
Loan 1	333,214,744,225	Semi-annual repayment up to 15 August 2020	Average 12-month saving rate of BIDV, VCB and Vietinbank + fixed rate 3% p.a., can be adjusted every 6 months (ranging from 9.2% to 10.69% p.a.)	The Group's assets including Land use right of 931,366 m ² and attached assets on the land of area B of E-City Tan Duc	Financing E-City Tan Duc Project Financing working capital requirements
Loan 2	169,067,479,956				
Loan 3	23,080,208,356	Quarterly repayment up to 31 December 2018	Average rate of 9.2% p.a.	1,400,000 shares of ITA owned by ITA for future fund; 600,000 shares of ITA owned by Ms Dang Thi Hoang Yen and 400,000 shares of ITA owned by Ms. Vu Thi Nga	Financing working capital requirements

19.2 Long-term bank loans (continued)

Detail of the bank loans are as follows: (continued)

Name of bank	Ending balance VND	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam					
Loan 1	75,000,000,000	Quarterly repayment up to 22 December 2020	12-month saving rate + fixed rate 2.5% p.a., and can be adjusted every 3 months (first 12 months at 7.5% p.a.)	Assets owned by the Group including land use rights of 357,243 m ² at Duc Hoa Commune; receivable from rental income of E-City Tan Duc project	Financing the working capital requirements
Loan 2	6,017,000,000	Monthly repayment up to 7 June 2023			

19.2 Long-term bank loans (continued)

Detail of the bank loans are as follows: (continued)

Name of bank	Ending balance VND	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development					
Loan 1	12,100,000,000	Monthly repayment up to 31 December 2018	12-month deposit rate + 3% p.a. and can be adjusted every 3 months (ranging from 10% to 11.5% p.a.)	Land use right of 28,934 m ² at Huu Thanh Ward, Duc Hoa District, Long An Province with total value of VND 46 billion owned by TAD	Financing the working capital requirements
TOTAL	<u>1,371,369,906,485</u>				
<i>In which:</i>					
Current portion	339,005,534,843				
Non-current portion	1,032,364,371,642				

19.3 Long-term loans from other entities

Details are as follows:

Name of lender	Ending balance VND	Term and maturity date	Interest rate	Description of collateral	Purpose
Ho Chi Minh City Finance and Investment Stated-owned Company					
Loan 1	9,843,750,000	Quarterly repayment up to 15 March 2021	Interest rate of 10-year Ho Chi Minh City's bond + 0.5% p.a. (average rate of 7.8% p.a.)	7,000,000 shares of TAD	Financing the construction of Tan Tao Apartment Plaza
Long An Province's Fund Investment and Development					
Loan 1	10,493,000,000	Quarterly repayment up to 20 June 2021	12-month deposit rate + 3% p.a. and can be adjusted every 3 months (ranging from 10% to 10.5% p.a.)	Land use right of 24,327 m ² and total value of future assets formed from the project "Vocational Training and Applications Tan Duc centres" owned by the Group value of VND 123 billion	Financing Tan Duc Residential area
TOTAL	20,336,750,000				
<i>In which:</i>					
Current portion	8,154,000,000				
Non-current portion	12,182,750,000				

19.4 Overdue loans

These amounts represent bank loans that were overdue for repayment at the balance sheet date. The details are as follows:

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
	<i>Loans Principal</i>	<i>Loans Principal</i>
Bank for Investment and Development of Vietnam	24,800,000,000	-
National Citizen Commercial Joint Stock Bank	94,274,753,661	75,550,000,000
Vietnam Public Commercial Joint Stock Bank	43,663,495,430	-
TOTAL	162,738,249,091	75,550,000,000

As at the date of these consolidated financial statements, the Group obtained approval from the banks to restructure all outstanding loans as at 31 December 2016 and extend its repayment term for the overdue loans balances. Accordingly, the above overdue loans of VND 162,738,249,091 were approved to extend its new repayment terms to be repaid during the financial year ending 31 December 2017.

20. OWNERS' EQUITY

20.1 Changes in owners' equity

	Share capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development fund	Undistributed earnings (as restated – Note 30)	VND Total
Previous year						
Beginning balance	7,190,479,110,000	307,376,827,511	(3,673,910,000)	9,154,986,000	434,616,950,124	7,937,953,963,635
New shares issued	1,193,769,380,000	-	-	-	-	1,193,769,380,000
Net profit for the year	-	-	-	-	136,186,504,868	136,186,504,868
Additional acquisition from non-controlling interests	-	-	-	-	(21,799,905,549)	(21,799,905,549)
Ending balance	8,384,248,490,000	307,376,827,511	(3,673,910,000)	9,154,986,000	549,003,549,443	9,246,109,942,954
Current year						
Beginning balance (previously reported)	8,384,248,490,000	307,376,827,511	(3,673,910,000)	9,154,986,000	549,003,549,443	9,246,109,942,954
Impact of restatement (Note 30)	-	-	-	-	(20,929,749,491)	(20,929,749,491)
Beginning balance (as restated)	8,384,248,490,000	307,376,827,511	(3,673,910,000)	9,154,986,000	528,073,799,952	9,225,180,193,463
New shares issued (*)	1,000,387,580,000	-	-	-	-	1,000,387,580,000
Net profit for the year	-	-	-	-	38,235,626,242	38,235,626,242
Ending balance	9,384,636,070,000	307,376,827,511	(3,673,910,000)	9,154,986,000	566,309,426,194	10,263,803,399,705

(*) In accordance with the Annual General Meeting Resolutions No. 2404/NQ-DHDCD-ITA-15 dated 24 April 2015 and the Resolution of the Board of Director No. 2402/NQ-HDQT-ITA-16 dated 24 February 2016, the Group's shareholders approved the issuance plan of 100,038,758 shares to net off the payables to other entities for their special support to the Group up to 31 December 2015. The Group completed the issuance of 100,038,758 new shares on 23 June 2016 at par value of VND 10,000 per share and the Group also submitted the Report Offering The Shares Under Private Placement to the State Securities Commission of Vietnam. Accordingly, the Group's share capital increased by VND 1,000,387,580,000 as at this date.

20.2 Capital transactions with owners and distribution of dividends

	VND	
	Current year	Previous year
Issued share capital		
Beginning balance	8,384,248,490,000	7,190,479,110,000
Increase:	1,000,387,580,000	1,193,769,380,000
- Ordinary shares	1,000,387,580,000	1,193,769,380,000
Ending balance	<u>9,384,636,070,000</u>	<u>8,384,248,490,000</u>

20.3 Shares

	Number of shares	
	Ending balance	Beginning balance
Authorized shares	938,463,607	838,424,849
Issued shares	938,463,607	838,424,849
Issued and paid-up shares	938,463,607	838,424,849
Ordinary shares	938,463,607	838,424,849
Treasury shares	(142,032)	(142,032)
Ordinary shares	(142,032)	(142,032)
Shares in circulation	938,321,575	838,282,817
Ordinary shares	938,321,575	838,282,817

20.4 Earnings per share

	Current year	Previous year
Net profit attributable to ordinary equity holders of the parent (VND)	38,235,626,242	136,186,504,868
Weighted average number of ordinary shares	<u>893,345,031</u>	<u>818,005,091</u>
Basic and diluted earnings per share (VND)	<u>43</u>	<u>166</u>

There were no potential dilutive ordinary shares as at the balance sheet date.

21. REVENUES

21.1 Revenues from sale of goods and rendering of services

	VND	
	Current year	Previous year
Gross revenues	311,098,727,616	846,184,439,403
<i>Of which:</i>		
Lease of land lots and related infrastructures	95,060,931,704	588,392,803,096
Rendering of services	120,935,697,368	107,866,923,323
Operating lease of factories and land	92,970,448,544	74,938,412,500
Sale of land at resettlement area	1,256,130,000	72,412,796,084
Sale of apartments	875,520,000	2,573,504,400
Less sales deduction	(67,846,215,360)	(104,997,255,426)
<i>Sales returns, of which:</i>		
Lease of land lots and related infrastructures	(67,846,215,360)	(104,997,255,426)
Net revenues	243,252,512,256	741,187,183,977
<i>Of which:</i>		
Lease of land lots and related infrastructures	27,214,716,344	483,395,547,670
Rendering of services	120,935,697,368	107,866,923,323
Operating lease of factories and land	92,970,448,544	74,938,412,500
Sale of land at resettlement area	1,256,130,000	72,412,796,084
Sale of apartments	875,520,000	2,573,504,400
<i>Of which:</i>		
Sale to other parties	240,006,394,580	507,193,936,803
Sale to related parties	3,246,117,676	233,993,247,174

During the year, the Group recorded revenue from long-term lease of land and infrastructure at the industrial parks in the consolidated income statement following the accounting policy as mentioned in Note 3.17. If the revenue from the lease of land and infrastructure is allocated on a straight-line basis over the lease term, the impact to revenue, cost of sales and rendering of service, and profit before corporate income tax of the Group for the current financial year are as follows:

	VND	
	Revenue recognized in full at the land handover date	Revenue is amortized over the lease term
Revenue from sale of goods and rendering of services	243,252,512,256	231,014,368,003
<i>In which:</i>		
Revenue from lease of land and related infrastructures	27,214,716,344	14,976,572,091
Cost of goods sold and services rendered	(130,636,814,780)	(124,353,012,223)
Gross profit of goods sold and services rendered	112,615,697,476	106,661,355,780
Profit before tax	34,927,142,347	28,972,800,651

21.2 Finance income

	VND	
	Current year	Previous year
Gain from disposal of investments (*)	-	208,448,878,945
Dividend income	62,030,665,000	100,000,000,000
Interest income from land and factory rental contracts	13,160,711,251	19,796,985,552
Foreign exchange gains arisen from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency	2,948,197,021	11,183,370,582
Bank interest income	904,337,262	442,582,238
Others	25,714,752	79,496,952
TOTAL	79,069,625,286	339,951,314,269

(*) This amount represented the gains from disposal of the Group's entire interest (51%) in Tan Tao 276 Investment Corporation and 2% interest in Tan Tao University Corporation.

21.3 Revenue and expense relating to investment properties

	VND	
	Current year	Previous year
Operating lease of factory and land	92,970,448,544	74,938,412,500
Direct operating expenses of investment properties that generated rental income during the year	(22,947,317,673)	(18,561,124,709)
TOTAL	70,023,130,871	56,377,287,791

22. COSTS OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	VND	
	Current year	Previous year
Cost of services rendered	89,912,156,690	74,376,534,587
Costs of land lots and related infrastructures leased	20,313,560,214	273,600,879,666
Cost operating lease of factories, warehouses and offices	22,947,317,673	18,561,124,709
Cost of land sold	1,256,130,000	72,849,178,100
Cost apartments sold	880,202,316	3,128,613,372
Reversal of cost of land lot and related infrastructures leased returned	(9,146,730,684)	(21,779,474,894)
Others	4,474,178,571	8,929,066,374
TOTAL	130,636,814,780	429,665,921,914

23. FINANCE EXPENSES

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Other finance expenses (*)	-	258,069,363,000
Interest expense	72,224,141,941	88,459,931,006
Provision for investments	23,096,421,850	75,060,402,701
Others	(55,150,609)	2,050,000
TOTAL	95,265,413,182	421,591,746,707

(*) This amount represented the interests payables to other entities who provided special support to the Group, in accordance with the Resolution of Annual General Meeting 2015 and Minutes of Board of Directors No. 1612/BBH-HĐQT-ITACO-15 dated 16 December 2015.

24. GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Salary expenses	31,399,671,221	27,724,182,515
Provision for doubtful debts	20,503,313,174	6,061,202,597
Research and development cost	-	9,838,982,621
Others	13,914,481,382	27,636,335,055
TOTAL	65,817,465,777	71,260,702,788

25. OTHER INCOME AND EXPENSES

	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Other income	16,946,974,477	9,315,513,031
Penalty charged to customers	11,350,819,488	-
Penalty from cancellation of contracts	2,704,763,025	1,196,613,973
Gains on disposal of fixed assets	205,454,546	2,600,000,000
Others	2,685,937,418	5,518,899,058
Other expenses	(10,006,470,666)	(6,470,899,797)
Interest on late payment of tax payables	(7,064,772,040)	(4,901,833,569)
Penalty expense	(1,097,385,951)	-
Loss on disposal of fixed assets	-	(11,141,945)
Others	(1,844,312,675)	(1,557,924,283)
NET OTHER PROFIT	6,940,503,811	2,844,613,234

26. CORPORATE INCOME TAX

The CIT rate applicable for the Company and its other subsidiaries is 20% of taxable profit for the current year (2015: 22%).

TAD is obliged to pay CIT at the rate of 10% for 15 years from commencement of its operations, and the normal tax rate for the years thereafter. TAD is entitled to an exemption from CIT for 6 years from 2006 to 2012, and a 50% reduction for the following 9 years.

TASERCO is obliged to pay CIT at the rate of 20% of taxable profit.

The tax returns filed by the group are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.

26.1 CIT expense

	VND	
	Current year	Previous year
Current CIT expense	10,886,809,123	8,022,595,127
Deferred tax (income) expense	<u>(15,183,715,651)</u>	<u>7,698,435,976</u>
TOTAL	<u>(4,296,906,528)</u>	<u>15,721,031,103</u>

Reconciliation between CIT expense and the accounting profit/(loss) multiplied by CIT rate is presented below:

	VND	
	Current year	Previous year
Accounting profit before tax	<u>34,927,142,347</u>	<u>152,195,972,040</u>
At the Group's CIT rate	6,985,428,469	30,439,194,408
<i>Adjustments to increase:</i>		
Non-deductible expenses	898,344,651	4,762,298,323
Provision for investments	2,598,988,638	-
Shares of losses in an associate	354,228,907	1,206,042,800
<i>Adjustments to decrease:</i>		
Dividends income	(12,406,133,000)	(20,000,000,000)
Maintenance profit	(849,229,898)	(686,504,428)
Tax exemption	<u>(1,878,534,295)</u>	<u>-</u>
CIT (income) expense	<u>(4,296,906,528)</u>	<u>15,721,031,103</u>

26.2 Current tax

The current tax payable is based on taxable profit for the current year. The taxable profit of the Group for the year differs from the profit as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

26.3 Deferred tax

The following are deferred tax assets (deferred tax liabilities) recognised by the Group, and the movements thereon, during the current and previous year:

	Consolidated balance sheet		Consolidated income statement		VND
	Ending balance	Beginning balance	Current year	Previous year	
Profit from lease of industrial lots and related infrastructures not yet taxable	(87,355,660,696)	(89,677,260,410)	2,321,599,714	20,748,993,612	
Foreign exchange gains arisen from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency	(7,012,483,497)	(6,576,975,857)	(435,507,640)	(914,955,596)	
Provisions for long-term investments	-	(1,623,781,047)	1,623,781,047	(4,322,435,742)	
Internal unrealised profit	2,171,127,522	806,855,246	1,364,272,276	(4,006,477,005)	
Accrual of operating expenses	4,856,613,363	5,313,279,805	(456,666,442)	3,063,778,818	
Tax losses carried forward	10,841,443,976	-	10,841,443,976	(22,116,809,295)	
Others	(14,306,524,815)	(14,231,317,535)	(75,207,280)	(150,530,768)	
Net deferred tax liabilities	(90,805,484,147)	(105,989,199,798)	15,183,715,651	(7,698,435,976)	
Net deferred tax income (expense)					

26.3 Deferred tax (continue)

Tax losses carried forward

The Group is entitled to carry tax loss forward to offset against taxable profits arising within five years subsequent to the year in which the loss was incurred. At the balance sheet date, the Group has aggregated accumulated tax losses of VND 54,207,219,878 available for offset against future taxable profits. Details are as follows:

Originating year	Can be utilized up to	Tax loss amount (*)	VND	
			Utilized up to 31 December 2016	Unutilized at 31 December 2016
2016	2021	54,207,219,878	-	54,207,219,878
TOTAL		54,207,219,878	-	54,207,219,878

(*) Estimated tax loss as per the Group's corporate income tax declaration for the year ended 31 December 2016 has not been audited by the local tax authorities as of the date of these consolidated financial statements.

27. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

Significant transactions with related parties during the current and previous years were as follows:

Related parties	Relationship	Transactions	VND	
			Current year	Previous year
Tan Dong Phuong Corporation	Related party	Advances received Advances transferred Acquisition of shares in TAD	16,011,000,000 528,000,000 -	156,907,540,937 163,898,000,000 40,560,000,000
Tan Tao Corporation	Related party	Advances received Advances transferred Converting debt into equity Lease of land Land leased returned	48,998,000,000 34,731,061,193 - - -	208,853,000,000 28,601,000,000 513,094,000,000 346,968,036,273 104,997,255,426
Tan Tao University Corporation	Related party	Advances received Advances transferred	29,900,000,000 7,341,100,000	31,694,500,000 53,630,104,631
Tan Tao Energy Development Corporation	Related party	Dividends Advances transferred Advances received	60,000,000,000 15,315,938,486 -	100,000,000,000 17,973,000,000 222,092,000,000
Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation	Related party	Advances transferred Advance received	7,713,607,865 -	6,082,000,000 13,900,000,000
Twilight Communications - Entertainment & Media production Corporation	Related party	Converting debt into equity Advances received Special support received Other finance expense paid	301,522,294,000 11,646,000,000 - -	- - 301,522,294,000 73,303,747,200

27. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Significant transactions with related parties during the current and previous years were as follows (continued):

<i>Related parties</i>	<i>Relationship</i>	<i>Transactions</i>	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
				VND
Delta Mien Nam Corporation	Related party	Construction fee Advance received	17,726,429,325	199,625,322,000
		Advances transferred	12,912,000,000	-
		Disposal of investment	9,151,000,000	728,592,000,000
		Converting debts into equity	-	200,000,000,000
		Lease of land	-	164,785,000,000
			-	20,807,094,572
Tan Tao Rice Export and Development JSC	Related party	Advances transferred	9,860,000,000	41,155,000,000
		Advances received	6,144,667,000	-
		Converting debts into equity	-	170,000,000,000
		Other finance expense paid	-	25,500,000,000
Tan Tao Infrastructure Corporation	Related party	Advances received	50,026,000,000	-
		Advance transferred	14,595,000,000	56,886,057,000
		Converting debts into equity	-	345,890,380,000
		Other finance expense paid	-	51,833,557,000
Tan Tao University	Related party	Advances received	11,865,044,094	178,000,000,000
Ms. Vu Thi Nga	Related party	Advance received	200,000,000	30,000,000,000
		Advance transferred	71,708,000,000	10,000,000,000
Tan Tao Hospital Corporation	Associate	Advance transferred	1,000,000,000	5,880,125,000
Sai Gon - Mekong Urban Corporation	Related party	Converting debt into equity	318,867,304,200	-
		Advances received	500,000,000	318,867,304,200
		Advances transferred	-	31,696,060,000
Kien Luong Construction and Manufacturing Co., Ltd.	Related party	Converting debt into equity	379,997,998,800	-
		Advance received	-	379,997,998,800
		Advance transferred	-	19,847,000,000

27. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due from and due to the related parties at the balance sheet dates were as follows:

Related parties	Relationship	Transactions	Ending balance	Beginning balance
Trade receivables				
Tan Tao Energy Development Corporation	Related party	Lease of land	1,287,144,545,456	1,287,144,545,456
Delta Mien Nam Corporation	Related party	Disposal of investment	200,155,529,000	200,000,000,000
Tan Dong Phuong Corporation	Related party	Disposal of investment	43,434,209,270	59,104,209,270
Tan Tao Rice Export and Development JSC	Related party	Lease of land	29,182,491,331	29,168,973,321
Tan Tao University Corporation	Related party	Service rendered	1,293,077,720	1,300,942,720
Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation	Related party	Service rendered	727,131,989	681,905,569
			1,561,936,984,766	1,577,400,576,336
Short-term advances to suppliers				
Delta Mien Nam Corporation	Related party	Construction services rendered	72,878,961,130	70,842,124,766
Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation	Related party	Construction supervision and consultant services rendered	33,864,825,162	33,864,825,162
Tan Tao Rice Export and Development JSC	Related party	Others	238,801,649	80,000,000
Kien Luong Construction and Manufacturing Co., Ltd.	Related party	Others	-	29,755,500,000
			106,982,587,941	134,542,449,928

27. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due from and due to the related parties at the balance sheet date were as follows: (continued)

<i>Related parties</i>	<i>Relationship</i>	<i>Transactions</i>	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>	<i>VND</i>
Other receivables					
Delta Mien Nam Corporation	Related party	Advances transferred	477,362,999,553	500,919,999,553	
Tan Tao University Corporation	Related party	Advances transferred	152,727,806,129	175,286,706,129	
Tan Tao Energy Development Corporation	Related party	Dividends income Advances transferred	160,000,000,000 56,796,938,486	100,000,000,000 41,481,000,000	
Tan Tao Rice Export and Development JSC	Related party	Advances transferred	51,368,228,732	54,418,078,732	
Tan Tao Infrastructure Corporation	Related party	Dividends income	47,197,116,460	46,697,116,460	
Ms Vu Thi Nga	Related party	Advances transferred	42,824,124,471	-	
Southern Engineering & Informatics – Investment Corporation	Related party	Advances transferred	38,893,202,201	31,790,603,736	
Tan Tao Land	Related party	Dividends income Advances transferred	20,000,000,000 300,000	20,000,000,000	
Tan Tao Corporation	Related party	Advances transferred	18,731,852,651	12,423,677,686	
Tan Tao Cement Corporation	Related party	Payment on behalf	3,994,086,881	3,994,086,881	
Other individual	Related party	Others	3,914,024,329	3,914,024,329	
Tan Tao Hospital Corporation	Associate	Advances transferred	-	3,430,500,000	
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Associate	Others	1,500,000	1,000,000	
			1,073,812,179,893	994,356,793,506	

27. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Amounts due from and due to the related parties at the balance sheet dates were as follows: (continued)

Related parties	Relationship	Transactions	Ending balance	Beginning balance	VND
Short-term trade payables					
Delta Mien Nam Corporation	Related party	Construction service rendered	16,428,876,106	13,429,803,848	
Tan Tao Rice Export and Development JSC	Related party	Purchase of services	2,000,028,327	2,610,488,327	
Tan Tao University Corporation	Related party	Purchase of services	2,051,780,589	2,051,780,589	
Kien Luong Construction and Manufacturing Co., Ltd.	Related party	Purchased of land	1,101,100,000	-	
			21,581,785,022	18,092,072,764	

27. **TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES** (continued)

Amounts due from and due to the related parties at the balance sheet dates were as follows: (continued)

<i>Related parties</i>	<i>Relationship</i>	<i>Transactions</i>	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>	<i>VND</i>
Other short-term payables					
Tan Tao Infrastructure Corporation	Related party	Advances received	31,436,913,119	-	
Tan Tao Corporation	Related party	Advances received	20,575,113,772	-	
Twilight Communications - Entertainment & Media production Corporation	Related party	Advances received	9,646,004,000	301,522,294,000	
Tan Tao Rice Export and Development JSC	Related party	Advances received	7,014,557,000	4,540,000	
Tan Tao University	Related party	Advances received	4,413,955,906	189,000,000	
ITA Fund for Future	Related party	Advances received	628,521,100	628,521,100	
Sai Gon - Mekong Urban Corporation	Related party	Advances received	500,004,200	-	
Kien Luong Construction and Manufacturing Co., Ltd.	Related party	Special support received	-	379,997,998,800	
Tan Tao University Corporation	Related party	Special support received	-	318,867,304,200	
		Advances received	-	355,865,000	
Ms. Vu Thi Nga	Related party	Advances received	-	28,683,875,529	
Tan Dong Phuong Corporation	Related party	Advances received	-	4,500,000,000	
Southern Engineering & Informatics – Investment Corporation	Related party	Others	-	1,332,377,508	
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Associate	Others	-	1,050,000,000	
			74,215,069,097	1,037,131,776,137	

27. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (continued)

Other transactions:

A portion of the Group's land use rights of E-City Tan Duc project has been used to secure certain loans of a related company - Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation of VND 56,994,533,432.

The Group commits to amend the foregoing loan security arrangements to fully comply with the relevant provisions on extension of loans or guarantees to shareholders or related parties under Circular No. 121/TT-BTC "Corporate Governance Regulations Applicable For Public Companies" dated 26 July 2012, which was issued subsequent to the dates of the foregoing transactions.

28. COMMITMENTS AND CONTINGENCIES

Capital commitments

The Group has contractual commitments for the construction works and services for its projects as at the balance sheet date as follows:

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Construction of infrastructure systems	440,544,067,555	238,555,305,619
Ground clearing	30,737,800,000	76,087,800,000
Survey consultancy	60,682,890,752	37,202,844,532
Design consultancy	9,145,982,338	11,104,171,692
Others	-	777,690,768
TOTAL	<u>541,110,740,645</u>	<u>363,727,812,611</u>

Operating lease commitments

The Group is the lessee

The Group leases its office premises under operating lease arrangements. Future rental amounts due under operating lease as at the balance sheet dates were as follows:

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Less than 1 year	1,265,317,540	5,405,312,831
From 1 - 5 years	3,893,299,215	4,401,545,877
Over 5 years	31,517,031,082	34,469,730,519
TOTAL	<u>36,675,647,837</u>	<u>44,276,589,227</u>

The Group is the lessor

The Group leases out factories under operating lease arrangements. The future minimum rental receivable as at the balance sheet date under the operating lease agreements is as follows:

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Less than 1 year	27,555,487,451	70,377,151,334
From 1 - 5 years	67,153,025,341	152,303,550,098
Over 5 years	109,295,099,295	114,403,186,148
TOTAL	<u>204,003,612,087</u>	<u>337,083,887,580</u>

28. COMMITMENTS AND CONTINGENCIES (continued)

Capital contribution obligation

As at 31 December 2016, the Group has outstanding capital contribution to its other entities as follows:

Entities	Relationship	As per BRC			As at 31 December 2016	
		Charter capital VND	% of interest	Contributed charter capital VND	Un-contributed charter capital VND	
Tan Tao Energy Development Corporation	Invested entity with interest less than 20%	1,900,000,000,000	19.00	1,752,748,089,908	147,251,910,092	
Tan Tao Energy Corporation 2	Invested entity with interest less than 20%	1,000,000,000,000	10.00	417,730,820,290	582,269,179,710	
Tan Tao University Corporation	Invested entity with interest less than 20%	750,000,000,000	13.00	611,560,043,671	138,439,956,329	
Tan Tao Urban Development and Investment Corporation	Associate	390,000,000,000	38.46	199,550,243,552	190,449,756,448	
Tan Tao Hospital Corporation	Associate	147,000,000,000	49.00	134,979,856,100	12,020,143,900	
TOTAL		4,187,000,000,000		3,116,569,053,521	1,070,430,946,479	

Contingent liabilities

Currently, the Group leases lands from the State for development of Tan Tao Industrial Park and Tan Duc Industrial Park to sublease to customers. Accumulated up to 31 December 2016, the Group recognised outright revenue from sub-leasing of land and infrastructure on 919,383 square meters in Tan Tao Industrial Park – Expanded Area and 1,674,296 square meters at Tan Duc Industrial Park for the whole sub-leasing period, as well as corresponding cost of subleased lands in which included the land rental fee estimated in accordance with the land lease agreements and the appendices signed with the State agencies at that time. The Group pays the land rental to the Government on an annual basis, hence, the cost of sub-leased land was recorded as an accrued expense of VND 27,045,609,235 in the consolidated balance sheet, based on the signed land lease agreements and the appendices.

According to the Land Law No. 45/2013/QH13 dated 29 November 2013 issued by the National Assembly and relevant Decrees, the Group has obligations to pay fully land rental to the State for the entire lease term of the said land subleased belong to Tan Tao Industrial Park and Tan Duc Industrial Park, based on unit price of land rental applied for one-time payment.

At the date of this report, the Group's management re-estimated the land rental for land sub-leased accumulated before 1 January 2006 and are working with the relevant local authorities to determine land rental for the land sub-leased to date. Management also submitted the necessary documents to the local authorities and are waiting for the comments from these authorities on such matters. The ultimate outcome of this matter is yet to be determined as the date of this report.

Therefore, the management decided to disclose this contingent liability in accordance with the Vietnamese Accounting Standard No. 18 – Provision, contingent assets and liabilities.

29. SEGMENT INFORMATION

The primary segment reporting format is determined to be business segments as the Group's risks and rates of return are affected predominantly by differences in the products and services produced. The operating businesses are organised and managed separately according to the nature of the products and services provided, with each segment representing a strategic business unit that offers different products and serves different markets.

The Group is principally engaged in the development of industrial parks and in residential parks, provision of finance leases of factories, warehouses and offices, and rendering of related services.

Transfer prices between business segments are set on an arm's length basis in a manner similar to transactions with third parties. Segment revenue, segment expense and segment result include transfers between business segments. Those transfers are eliminated in preparation of the consolidated financial statements.

The Group operates in one geographical segment which is Vietnam.

The following tables present revenue, profit and certain assets and liability information regarding the Group's business segment:

	Sale of land lots and related infrastructure	Finance lease of factories, warehouses and office	Sales of residential area	Other services	Total
For the year ended 31 December 2016					
Net revenue					
Sales	27,214,716,344	92,970,448,544	875,520,000	122,191,827,368	243,252,512,256
Total revenue	27,214,716,344	92,970,448,544	875,520,000	122,191,827,368	243,252,512,256
Results					
Gross profit	16,047,886,814	73,858,150,307	(4,682,316)	22,714,342,671	112,615,697,476
Unallocated expenses					(77,688,555,129)
Net profit before CIT					34,927,142,347
CIT expense					4,296,906,528
Net profit after tax					39,224,048,875
Assets and liabilities					
Segment assets	6,162,144,149,399	192,511,812,790	299,136,164,215	614,250,760,123	7,268,042,886,527
Unallocated assets					5,648,947,529,926
Total assets					12,916,990,416,453
Segment liabilities					677,438,260,785
Unallocated liabilities	586,400,098,242	298,897,878	24,751,538,400	65,987,726,265	1,943,657,360,747
Total liabilities					2,621,095,621,532

29. SEGMENT INFORMATION (continued)

The following tables present revenue and profit and certain assets and liabilities information regarding the Group's business segment: (continued)

	Sale of industrial plots and related infrastructure	Finance lease of factories, warehouses and office	Sales of residential area	Other services	Total
VND					
For the year ended 31 December 2015					
Net revenue					
Sales	483,395,547,670	74,938,412,500	74,986,300,484	107,866,923,323	741,187,183,977
Total revenue	483,395,547,670	74,938,412,500	74,986,300,484	107,866,923,323	741,187,183,977
Results					
Gross profit	231,574,142,898	56,377,287,791	(555,108,972)	24,124,940,346	311,521,262,063
Unallocated expenses					(159,325,290,023)
Net profit before CIT					152,195,972,040
CIT expense					(15,721,031,103)
Net profit after tax					136,474,940,937
Assets and liabilities					
Segment assets	5,990,513,199,368	317,028,474,387	283,439,183,112	887,761,879,982	7,478,742,736,849
Unallocated assets					5,261,947,026,648
Total assets					12,740,689,763,497
Segment liabilities	352,036,871,277	3,680,693,052	18,088,639,160	176,332,082,998	550,138,286,487
Unallocated liabilities					2,934,268,310,964
Total liabilities					3,484,406,597,451

30. CORRECTION OF PRIOR YEAR' ERRORS

During the year ended 31 December 2016, the Group has retrospectively adjusted the understatement of cost of sale for the year ended 31 December 2014 for the cost of land sub-leased and recognised revenue for the whole sub-leasing period by increasing short-term accrued expense and decreasing the undistributed retain earnings for the year ended 31 December 2014 at the same amount of VND 20,929,749,491. The impact of the restatement is presented as follow:

	<i>Beginning balance (as previously presented)</i>	<i>Restatements (*)</i>	<i>Ending balance (restated)</i>
CONSOLIDATED BALANCE SHEET			
Undistributed earnings	549,003,549,443	(20,929,749,491)	528,073,799,952
Short-term accrued expenses	284,354,636,075	20,929,749,491	305,284,385,566

(*) In accordance with the Land Lease Contract signed between TAD and the Government in the year 2005, land rental at Tan Duc Industrial Park which is developed and sub-leased by TAD was exempted for the whole leasing period of 50 years from 2005 to 2055. Therefore, cost of the land sub-leased and recognized revenue for the whole sub-leasing period to its customers by TAD was recognized as nil. However, based on the Amended Investment Certificate No. 50221000404 issued by Long An Economic Zone Authority dated 18 February 2014, the land rental of Tan Duc Industrial Park was only granted to be exempted within 15 years from 2005 to 2020. Therefore, the Group's management re-estimated the cost of land sub-leased and recognized revenue for the whole sub-leasing period to its customers before 18 February 2014 and restated to increase the cost of sale for the year ended 31 December 2014 of VND 20,929,749,491 and increase the accrued expense at 31 December 2014 for the same amount.

31. CORRESPONDING FIGURES FOLLOWING APPLICATION OF CIRCULAR 200

Certain corresponding figures on the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2015 have been reclassified to reflect the presentation of the current year's consolidated financial statements. Details are as follows:

	<i>Beginning balance (previously presented)</i>	<i>Reclassification</i>	<i>VND Beginning balance (reclassified)</i>
CONSOLIDATED BALANCE SHEET			
Inventories	3,631,340,434,668	(257,045,936,705)	3,374,294,497,963
Long term work-in-progress	1,067,897,277,761	257,045,936,705	1,324,943,214,466

32. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

There have been no other significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the consolidated financial statements.



Tran Huu Phuoc
Preparer

31 March 2017



Nguyen Viet Doan
Chief Accountant



Thai Van Men
General Director

Trung tâm hội nghị Canary Club
Canary Club Conference center



* Khu biệt thự Hồ Thiên Nga của Thành phố E.City Tân Đức.
Swan lake villa area in Tan Duc E.City.



DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

**DRAFT OF RESOLUTION OF ANNUAL GENERAL SHAREHOLDERS MEETING 2017 OF
TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION**

Căn cứ:

Pursuant to:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

The Enterprise Law No. 68/2014/QH13 dated November 26, 2014 of the National Assembly Term XIII of the Socialist Republic of Vietnam;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

The Securities Law No. 70/2006/QH11 dated June 29, 2006 of the National Assembly Term XI of the Socialist Republic of Vietnam;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo;

Pursuant to The Charter on organization and operation of Tan Tao Investment & Industry Corporation;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo, ngày

Pursuant to The Minutes of the Annual Shareholders Meeting 2017 on of Tan Tao Investment & Industry Corporation

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo được tiến hành từ 14h00 đến 19h 00 ngày, tại Đại học Tân Tạo, Đại lộ Đại học Tân Tạo, E.City Tân Đức, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Đại hội có mặt đại biểu tham dự, tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là cổ phần chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ, đủ điều kiện để tổ chức đại hội theo qui định của pháp luật hiện hành. Sau gần 05 giờ làm việc khẩn trương, đại hội tập trung nghe, thảo luận các nội dung, các văn kiện chủ yếu của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo, và thống nhất:

The Annual General Shareholders Meeting 2017 of Tan Tao Investment & Industry Corporation was held from 14.00 pm to 19.00 pm on at Tan Tao University, Tan Tao University Avenue, Tan Duc Ecity, Duc Hoa Dist., Long An Province. The General Shareholders Meeting had the attendance of delegates, representing outstanding and authorized shares, accounting for % of chartered capital, which is adequate for holding the Annual General Shareholders Meeting in accordance with the current laws. After 05 tense working hours, the General Meeting had attentively listened to, discussed the main contents and documents of the Annual General Shareholders Meeting 2017 of Tan Tao Investment & Industry Corporation and agreed on:

**NGHỊ QUYẾT
RESOLUTION**

Điều 1. THÔNG QUA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐÃ ĐƯỢC E&Y THỰC HIỆN CHO NĂM 2016 NHƯ SAU:

Article 1. RATIFICATION OF THE BUSINESS OPERATIONS OF THE COMPANY AND THE COMPANY'S AUDIT REPORT OF E&Y FOR 2016 AS FOLLOWS:

- 1.1.** Doanh thu và thu nhập năm 2016 đạt: 339,2 tỷ đồng, bằng 29 % so với năm 2015.

Revenue & income of 2016 reached VND 339.2 billion, achieving 29% compared to 2015.

- 1.2.** Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt: 39,2 tỷ đồng, bằng 28,6% so với năm 2015.

Profit after-tax is VND 39.2 billion, achieving 28.6 % compared to 2015.

- 1.3.** Lợi nhuận tích lũy sau thuế và thặng dư vốn chưa chia đến 31/12/2016: 873,3 tỷ đồng.

Accumulated non-distributed Profit after-tax as of December 31, 2016: VND 873.3 billion.

- 1.4.** Chi trả cổ phiếu thưởng và cổ tức năm 2016 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tối đa 5% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2016 bằng cổ phiếu hoặc bằng tiền tùy theo tình hình hoạt động của Công ty và sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Payment of dividend and bonus shares of 2016 to the existing shareholders at the maximum rate of 5% from the capital surplus and non-distributed profit as of December 31, 2016 in share or cash depending on the operation of the Company and approved by the Board of Management.

- 1.5.** Thông qua kết quả phát hành và niêm yết bổ sung thành công 100.038.758 cổ phiếu cho các đơn vị và cá nhân đã chi viện đặc biệt cho ITACO để căn trừ công nợ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Thường niên 2016 ngày 29/04/2016 thông qua và Thông báo số 3313/UBCK-QLCB ngày 16/06/2016 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Approval of the successful additional issuance and listing of 100,038,758 shares to institutions and individuals which had specially provided support to ITACO to offset against debts in accordance with the Resolution of Annual General Shareholders 2016 on April 29, 2016 and Announcement No 3313/UBCK-QLCB dated June 16, 2016 of the State Securities Commission of Viet Nam.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of % of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 2. THỐNG NHẤT ĐỀ CỬ ÔNG ĐẶNG QUANG HẠNH- PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC SẼ GIỮ CHỨC VỤ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ LÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY KỂ TỪ NGÀY

Article 2. APPROVAL OF THE NOMINATION MR DANG QUANG HANH – BE GENERAL DIRECTOR AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY SINCE

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of% of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 3. THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

Article 3. RATIFICATION OF THE AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER ON ORGANIZATION AND OPERATION OF THE COMPANY AS FOLLOWS:

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Nội dung sửa đổi bổ sung chi tiết theo tờ trình số:/ITACO-HĐQT-17 ngày .../.../2017 được đính kèm.

The Shareholders Meeting approves of the amendments and supplements to the charter on organization and operation of the company. The detailed contents of amendments and supplements are provided in the enclosed statement no:/ITACO-HĐQT-17 dated .../.../2017(Attached file).

ĐHĐCĐ phê chuẩn và thống nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện sửa đổi bổ sung những điều khoản, nội dung sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của pháp luật.

The Shareholders Meeting approves and further consents to authorize the Board of Management to make amendments and supplements of those provisions, contents of amendments and supplements and issue the Charter of organization and operation of the Company after the Shareholders Meeting has approved in accordance with the laws.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of % of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 4. THỐNG NHẤT KẾ HOẠCH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO TRONG NĂM 2017 NHƯ SAU:

Article 4. APPROVAL OF PLAN OF TAN TAO INVESTMENT AND INDUSTRY CORPORATION IN 2017 AS FOLLOWS:

- 4.1** Kế hoạch kinh doanh năm 2017: Doanh thu và thu nhập 880 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt 309 tỷ đồng và tỷ lệ chi trả cổ tức+cổ phiếu thưởng là 5% bằng cổ phiếu hoặc bằng tiền tùy theo tình hình hoạt động của Công ty và sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

To entrust the 2017 plan to attain a revenue & income of VND 880 billion, a net profit of VND 309 billion and the payment of stock dividend and bonus shares of 5% in share or cash depends on the operation of the Company and approved by the Board of Management.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of % of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- 4.2** Kế hoạch đầu tư: ĐHĐCĐ phê chuẩn và thống nhất ủy quyền cho HĐQT cân nhắc quyết định đầu tư tiếp hoặc thoái vốn các dự án Công ty đang tham gia.

The Shareholders Meeting approves and authorizes the Board of Management to consider for investment or disinvestment of the Company's projects

- 4.2.1** Tập trung đầu tư vào KCN Tân Đức giai đoạn 2 để đáp ứng kịp thời nhu cầu thu hút đầu tư trong tình hình mới, hoàn tất công tác tổ chức launching bán nhà tại khu Tài Lộc, Hạnh Phúc của khu Ecity Tân Đức để đẩy nhanh doanh thu bán nhà/căn hộ trong năm 2017.

To focus on investing in the second phase of Tan Duc IP to meet the demand of attracting investment in new situation, completed the launching event of Tai Loc, Hanh Phuc area in E. City Tan Duc to push house/department sale in 2017.

- 4.2.2** Thực hiện góp vốn đầu tư dự án Khu công nghệ cao Clearist Park tại thung lũng Silicon Hòa Kỳ - dự kiến vốn đầu tư khoảng 10 triệu USD.

To contribute investment capital in Clearist Park in Silicon valley America – expected investment capital around 10 million US Dollars.

- 4.2.3** Tiếp tục thực hiện góp vốn đầu tư và hợp tác để xây dựng khoa Y của Đại Học Tân Tạo và thực hiện góp vốn nhằm hoàn thiện thủ tục pháp lý dự án quần thể KCN & thành phố khoa học Tân Tạo giai đoạn 1 (300 ha) nhằm chuẩn bị quỹ đất cho sự phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn sắp tới.

To continue contributing investment capital and enhancing cooperation to build the School of Medicine of Tan Tao University and contributing capital for completing the legal procedures of investment of Tan Tao Science City and Industrial Park Complex phase 1 (300ha) to accumulate land bank for the development of group in next time.

- 4.2.4** Tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước để tiến hành hợp tác triển khai xây dựng dự án Tân Tạo plaza 4,5,6 quy mô 50.000 m² tại khu dân cư Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM để đưa vào kinh doanh khai thác.

To seek the domestic or international partners for cooperation to carry out the Tan Tao Plaza proj-

ect 4,5,6, with scale of 50.000 m2 in Tan Tao residential area, Binh Tan district, HCM city.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of % of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- 4.3** Kế hoạch xây dựng cơ bản: Giao chỉ tiêu kế hoạch xây dựng 20.000 m2 nhà xưởng trong KCN Tân Đức giai đoạn 01 và 40.000 m2 hệ thống hạ tầng giao thông trong KCN Tân Đức giai đoạn 2 để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thực hiện san lấp khối lượng 50.000 m3 tại khu dân cư Tân Đức giai đoạn 2 để bàn giao nền và hoàn tất việc thu tiền của các hộ dân còn lại. Đồng thời hoàn thiện nhà liền kề, biệt thự Hạnh Phúc, biệt thự cao cấp Tài Lộc tại Thành phố Tri thức E.city Tân Đức để chuẩn bị cho kế hoạch launching trong năm 2017.

Basic construction plan: To allocate of construction plan of 20.000m2 factories in Tan Duc Industrial Park Phase 01 and 40.000 m2 traffic and infrastructure systems of Tan Duc Industrial Park phase 2 to attract foreign and domestic investors. To perform backfilling amount 50.000 m 3 at Tan Duc residential phase 02 to handover the land lots and collect the remaining money from local people. And completing of townhouses, Hanh Phuc and Tai Loc duplexes and high-end villas in Tan Duc E.city for launching plan in 2017.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of % of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Điều 5. ĐHĐCĐ THỐNG NHẤT KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN CHO NĂM 2017:

Article 5. THE GENERAL SHAREHOLDERS MEETING HAS RATIFIED THE CAPITAL MOBILIZATION PLAN IN 2017:

- 5.1** Cho phép Hội đồng quản trị được quyết định giữ lại một phần hoặc hoàn toàn lợi nhuận của năm 2016 để bổ sung nguồn vốn lưu động và nâng vốn điều lệ bằng cách chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng năm 2016 bằng cổ phiếu.

The Board of Management is allowed to retain part or whole of the 2016 profit to supplement the working capital and to raise the Company's chartered capital by paying 2016 dividends in shares and in bonus shares.

- 5.2** ĐHĐCĐ phê chuẩn và thống nhất ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động tìm kiếm các tổ chức tài chính trong nước hoặc Quốc tế để thực hiện việc vay vốn hoặc phát hành trái phiếu nhằm tái cấu trúc nợ và bổ sung vốn kinh doanh cho hoạt động của Công ty.

The Shareholders Meeting approves and authorizes the Board of Management to seek domestic or international financial institutions to loan or issue bond to restructure loans and supplement capital for business operations of the Company.

- 5.3** ĐHĐCĐ phê chuẩn và thống nhất ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động tìm kiếm các đối tác trong nước hoặc Quốc tế để thực hiện việc hợp tác triển khai các dự án của Công ty trong thời gian tới trên cơ sở đảm bảo được lợi ích cao nhất cho Công ty.

The Shareholders Meeting approves and authorizes the Board of Management to seek domestic or international partners to cooperate in carrying out the projects which ensure bring the highest benefit for Group in next time.

- 5.4** ĐHĐCĐ phê chuẩn và thống nhất ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành nêu trong điều 1.4, 5.1 cũng như việc tăng vốn điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành.

The Shareholder Meeting approves and authorizes the Board of Management to carry out necessary formalities in accordance with the laws to list the entire issued shares according to Article 1.4, 5.1 and to increase the chartered capital after completing the issuance.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of % of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- Điều 6. ĐHĐCĐ PHÊ CHUẨN VÀ THỐNG NHẤT ỦY QUYỀN CHO CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC PHÁP LÝ CẦN THIẾT THEO QUY ĐỊNH CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN CŨNG NHƯ CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG KHÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.**

- Article 6. THE SHAREHOLDERS MEETING APPROVES AND AUTHORIZES CHAIRMAN OF THE BOARD OF MANAGEMENT TO FULFILL ALL NECESSARY LEGAL FORMALITIES IN COMPLIANCE WITH ALL DECISIONS AND REGULATIONS OF THE STATE SECURITIES COMMISSION AND ALSO OF OTHER DOMESTIC AND FOREIGN ADMINISTRATIVE AUTHORITIES IN ORDER TO SUCCESSFULLY IMPLEMENT THE SHAREHOLDERS MEETING RESOLUTIONS.**

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of % of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

- Điều 7. ĐHĐCĐ PHÊ CHUẨN VÀ THỐNG NHẤT ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN TRONG NƯỚC VÀ/HOẶC CÔNG TY KIỂM TOÁN QUỐC TẾ CÓ UY TÍN TRONG DANH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ ĐỦ TIÊU CHUẨN KIỂM TOÁN CHO CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TIẾN HÀNH KIỂM TOÁN NĂM 2017 CHO CÔNG TY.**

- Article 7. THE SHAREHOLDERS MEETING APPROVES AND AUTHORIZES THE BOARD OF MANAGEMENT TO CHOOSE A DOMESTIC AND/OR PRESTIGIOUS INTERNATIONAL AUDIT COMPANY IN THE LIST OF APPROVED COMPANIES WHICH ARE QUALIFIED TO AUDIT LISTED COMPANIES BY THE STATE SECURITIES COMMITTEE IN ORDER TO AUDIT THE COMPANY'S ACCOUNTING IN 2017.**

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành cổ phiếu, tương đương với % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

The Shareholders Meeting has voted and approved with shares, an equivalence of % of shares with voting rights at the Shareholders Meeting.

Nghị quyết này sẽ có hiệu lực ngay sau khi được ký dưới đây.
This resolution shall immediately take effect upon signing hereof

Nơi nhận/Recipients:

- Các cổ đông - Công bố trên Website;
Shareholders – Announcement on website;
- Các thành viên HĐQT;
Members of the Board of Management;
- Các thành viên BGD;
Members of the Board of Directors;
- Lưu HC- TH;
Archived in the office.

Tp.HCM, ngày tháng năm 2017
Ho Chi Minh city, date month year 2017
TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF MANAGEMENT
CHỦ TỊCH
CHAIRWOMAN

ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN



A low-angle, upward-looking photograph of several modern skyscrapers with glass facades. The buildings are arranged in a way that they appear to converge towards the top of the frame. In the upper right corner, there are branches of a tree with vibrant green leaves, partially obscuring the sky. The sky is a pale, clear blue with some light, wispy clouds. The overall composition is clean and modern, emphasizing verticality and urban architecture.

HEAD OFFICE

Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (84.8) 37 505 171/2/3/4 - 37 508 235/6 - Fax: (84.8) 37 508 237

E-mail: contact@itagroup-vn.com

Web site: www.itaexpress.com.vn